UBND PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG MN HƯỚNG DƯƠNG

Số: 204/TTr-MNHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 24 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với Trường Mầm non Hướng Dương

Kính gửi:
- UBND phường Bình Phước;
- Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bình Phước.

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDDT ngày 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non (sau đây viết tắt là Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT);

Căn cứ Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non;

Căn cứ kết quả tự đánh giá của Hội đồng tự đánh giá Trường Mầm non Hướng Dương được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-MNHD ngày 29 tháng 10 năm 2025, nhà trường đạt Mức 2 về kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT.

Trường Mầm non Hướng Dương kính trình UBND phường, Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bình Phước xem xét, tiếp nhận hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của nhà trường để đề nghị Sở GD&ĐT thành phố Đồng Nai thẩm định, tổ chức đánh giá ngoài, công nhận trường mầm non Hướng Dương đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT.

Thông tin nhà trường:

Tên trường: Trường Mầm non Hướng Dương

Địa chỉ: Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

Hiệu trưởng: Trương Thị Ngọc Thủy

Số điện thoại: 0985352379

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

Trương Thị Ngọc Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC

TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐỒNG NAI - 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC

TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trương Thị Ngọc Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trịnh Thị Mỹ Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng	
3	Bùi Thị Minh Thùy	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng	
4	Khúc Thị Thoa	Khối trưởng NT + Mầm	Thư ký Hội đồng	
5	Bùi Thị Lương	Khối trưởng Lá	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Huế	Khối trưởng khối Chồi	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Loan	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
8	Đỗ Thị Huệ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
9	Bùi Thị Mười	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Khối phó khối Chồi	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Hoa Huệ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Hoàng Thị Thu	Giáo viên - Cấp ủy Chi bộ	Ủy viên Hội đồng	
13	Nguyễn Thị Thiện	Nhân viên kế toán	Ủy viên Hội đồng	

ĐỒNG NAI - 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	24
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	27
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	32
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	34
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	37
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	40
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	42
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	44
Kết luận tiêu chuẩn 1	48
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	50
Mở đầu	50

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	50
Tiêu chí: 2.2: Đối với giáo viên	52
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	55
Kết luận tiêu chuẩn 2	58
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	59
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường MN theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	63
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	68
Kết luận tiêu chuẩn 3	71
4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	73
Mở đầu	73
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	73
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	76
Kết luận tiêu chuẩn 4	79
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.	80
Mở đầu	80
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	80
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	85
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ.	90
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	94
Kết luận tiêu chuẩn 5	96

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 4	97
Tiêu chí 1	98
Tiêu chí 2	99
Tiêu chí 3	101
Tiêu chí 4	102
Tiêu chí 5	103
Tiêu chí 6	104
KẾT LUẬN	105
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	106
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	MN	Mầm Non
2	UBND	Uỷ ban nhân dân
3	CSVC	Cơ sở vật chất
4	ND, CS & GD	Nuôi dưỡng, chăm sóc và nuôi dưỡng
5	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
6	CBQL	Cán bộ quản lý
7	GV	Giáo viên
8	NV	Nhân viên
9	BĐD	Ban đại diện
10	CMT	Cha mẹ trẻ
11	BĐDCMT	Ban đại diện cha mẹ trẻ
12	BCH	Ban chấp hành
13	CLGD	Chất lượng giáo dục
14	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
15	HĐT	Hội đồng trường
16	TĐG	Tự đánh giá
17	ĐTNCSHCM	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
18	CM	Chuyên môn
19	CNTT	Công nghệ thông tin
20	ANTT	An ninh trật tự
21	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
22	TTND	Thanh tra nhân dân
23	GDMN	Giáo dục mầm non
24	HT	Hiệu trưởng

25	PHT	Phó hiệu trưởng
26	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	-
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	-	-
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	**Kết quả**		**Ghi chú**
	Đạt	**Không đạt**	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: Không đạt

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Hướng Dương

Tên trước đây (nếu có): không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân phường Bình Phước

Thành phố	Đồng Nai	Họ và tên hiệu trưởng	Trương Thị Ngọc Thủy
Phường	Bình Phước	Điện thoại	02713.500665
Đạt chuẩn quốc gia	Mức 1	Fax	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	10/08/2002	Website	http://mamnonhuongduongbp.edu.vn/
Công lập	Có	Số điểm trường	0
Tư thục	Không	Loại hình khác:	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Có

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

	Năm học 2021 - 2022	**Năm học 2022 - 2023**	**Năm học 2023 - 2024**	**Năm học 2024 - 2025**	**Năm học 2025 - 2026**
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	1	1	1	1	1
Số lớp mẫu giáo từ	4	4	3	3	3

	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
3 đến 4 tuổi					
Số lớp mẫu giáo từ 4 đến 5 tuổi	4	4	5	4	5
Số lớp mẫu giáo từ 5 đến 6 tuổi	4	4	4	5	5
Cộng	**13**	**13**	**13**	**13**	**14**

2. Cơ cấu khối công trình nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ lớp mẫu giáo	13	13	13	13	14	
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	14	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	4	4	4	4	4	Phòng: GDTC, GDNT, LQAV-VT, TV
1	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	Ghi chú
III	Khối phòng hành chính quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	3	3	3	3	3	1 Nhà bếp, 2 Kho bếp (LT &TP)
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	3	3	3	3	3	Phòng bảo vệ, phòng HCQT, kho)
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
2	Bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
	Cộng	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 5/2026)

	Tổng	Nữ	Dân	Trình độ đào tạo	Ghi chú

	số		**tộc**	Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	30	30	1	0	1	29	
Nhân viên	12	10	0	9	1	2	
Cộng	**45**	**43**	**1**	**0**	**2**	**34**	

b) Số liệu của 5 năm gần đây.

TT	**Số liệu**	**Năm học 2021-2022**	**Năm học 2022-2023**	**Năm học 2023-2024**	**Năm học 2024-2025**	**Năm học 2025-2026**
1	Tổng số giáo viên	27	27	29	28	30
2	Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(Đối với nhóm trẻ)*	2	2	2	2	2
3	Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(Đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)*	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(Đối với lớp nhà trẻ có trẻ bán trú)*	17/2	24/2	25/2	27/2	21/2
5	Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(Đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)*	297/12	372/12	410/12	423/12	419/13
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	Không tổ chức thi	15	Không tổ chức thi	8	Không tổ chức thi
7	Tổng số giáo viên	Không tổ	5	Không tổ	Không tổ	Không tổ

	dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên	chức thi		chức thi	chức thi	chức thi

4. Trẻ

STT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số trẻ em	314	395	434	450	440
	Nữ	162	183	207	205	198
	Dân tộc thiểu số	3	19	21	18	17
2	Đối tượng chính sách	0	1	1	1	0
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0
4	Tuyển mới	140	140	160	145	176
5	Học 2 buổi/ngày	314	395	434	450	440
6	Bán trú	314	395	434	450	440
7	Tỷ lệ trẻ/lớp	24,2	30,4	33.4	34.6	31.4
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	83	107	94	89	81
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	101	119	169	136	160
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	130	144	145	198	178
8	Tỷ lệ trẻ/nhóm	0	0	0	0	0
	-Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0

STT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
	-Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
	-Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	17	25	26	27	21

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non (MN) Hướng Dương được thành lập theo Quyết định số 59/2002/QĐ-UBND ngày 15/8/2002 của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Đồng Xoài (nay là phường Bình Phước). Địa điểm đặt tại khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai. Trường có diện tích là: 10.421m^2, các khối công trình đáp ứng theo yêu cầu quy định và bố trí hợp lý đảm bảo cho công tác chăm sóc giáo dục, công tác quản lý. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo hiện có 14 phòng (14 phòng kiên cố) và 6 phòng hành chính, chức năng. Vệ sinh môi trường và quang cảnh luôn sạch, đẹp, thoáng mát. Các khối phòng đều được bố trí hợp lý, được trang bị đảm bảo đồ dùng cần thiết. Nhìn chung, cơ sở vật chất (CSVC) của nhà trường đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu sử dụng để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ (ND, CS&GD)

Trong chu kỳ đánh giá, quy mô số lớp của nhà trường năm học 2021 2022 đến năm học 2024 - 2025 nhà trường duy trì 13 lớp; năm học 2025 - 2026 có 14 lớp.

Tính đến thời điểm tháng nhà trường có tổng số CBQL, GV, NV là 45 người. Trong đó biên chế là 26 người gồm: 21 giáo viên, 03 cán bộ quản lý, 02 nhân viên; giáo viên (GV) hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế là 02 người; 07 giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, 10 nhân viên (NV) hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP), trong đó có cán bộ quản lý (CBQL) có trình độ trên chuẩn là 3/3 đạt 100%; giáo viên có trình độ đại học sư phạm MN là 29 người, trình độ cao đẳng sư phạm MN là 01 người.

Nhà trường phối hợp và luôn tạo mối quan hệ tốt với cha mẹ trẻ, đặc biệt là Ban đại diện (BĐD) cha mẹ trẻ em (CMT) của lớp, của trường trong công tác ND, CS&GD trẻ và các hoạt động phong trào. Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, đa số trẻ mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong học tập và vui chơi.

Trong những năm qua, tập thể Trường MN Hướng Dương luôn đoàn kết. Trong 5 năm qua, trường được công nhận tập được công nhận tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc và được cấp trên tặng giấy khen. Tham gia có hiệu quả các phong trào, hội thi. Các năm học vừa qua, nhà trường đều có GV giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh và chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp tỉnh.

Nhà trường có chi bộ riêng, Chi bộ Trường được thành lập là Chi bộ cơ sở theo Quyết định thành lập số 75-QĐ/ĐU/2025 của Đảng ủy phường Bình Phước, Chi bộ hiện có 28 đảng viên sinh hoạt. Chi bộ lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt công tác ND, CS&GD trẻ, đạt hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ trong các năm qua.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều có cơ cấu tổ chức theo quy định và tổ chức hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua. Công đoàn cơ sở Trường MN Hướng Dương được thành lập khi mới bắt đầu thành lập trường và hoạt động đến tháng 6/2025 thì dừng hoạt động theo quy định khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp. Trong những năm còn hoạt động, Công đoàn nhà trường đều được tặng giấy khen, bằng khen, vì có thành tích tốt trong các phong trào thi đua. Ngoài ra, trường còn có tổ chức Chi đoàn, ban chấp hành (BCH) Chi đoàn được chuẩn y theo nhiệm kỳ từng năm học. Chi đoàn nhà trường luôn tiên phong đi đầu, nhiệt huyết trong các phong trào. Trong 05 năm qua, Chi

đoàn nhà trường luôn hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ, nhận được nhiều giấy khen và có nhiều thành tích trong công tác đoàn. Công đoàn và Chi đoàn luôn phối hợp tốt với nhà trường trong các hoạt động, các phong trào thi đua, giới thiệu nhiều quần chúng ưu tú tham gia học cảm tình đảng để kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

Trong những năm qua, chất lượng giáo dục (CLGD) của Trường MN Hướng Dương ngày càng được nâng cao. Nhà trường đã tổ chức tốt công tác ND, CS&GD trẻ theo quy định của ngành, tuyển sinh trẻ trong độ tuổi trên địa bàn các khu phố Tân Đồng 1, 2, 3, 4, 5 của phường Bình Phước. Là ngôi trường có uy tín, tạo được sự tin tưởng của phụ huynh và cộng đồng qua đó góp phần vào việc phát triển kinh tế - văn hóa của phường Bình Phước nói riêng và sự nghiệp giáo dục chung của ngành. Tháng 01/2022, Trường MN Hướng Dương đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 20/1/2022 của UBND tỉnh Bình Phước, đạt Kiểm định chất lượng trường MN cấp độ 2, theo Quyết định số 137/QĐ-SGD của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cấp ngày 18/01/2022.

2. Mục đích tự đánh giá

Xác định Trường MN Hướng Dương đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong chu kỳ đánh giá; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá, công nhận Trường MN Hướng Dương tiếp tục đạt kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) cấp độ 2.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá, công nhận Trường MN Hướng Dương tiếp tục đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt KĐCLGD cấp độ 2.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá nhà trường được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-MNHD ngày 29/10/2025 của Hiệu trưởng Trường MN Hướng Dương gồm 13 thành viên.

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã triển khai đầy đủ Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN; tổ chức tập huấn đến CBQL, GV, NV nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá (TĐG), đảm bảo quy trình TĐG theo các bước sau:

+ Lập kế hoạch tự đánh giá.

+ Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

+ Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

+ Viết báo cáo tự đánh giá.

+ Công bố báo cáo tự đánh giá.

+ Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai và hoàn thiện các quy trình theo quy định, bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan và phù hợp với hoạt động ND, CS&GD trẻ trong trường. Hội đồng tự đánh giá đã thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là khảo sát thực tế các hoạt động ND, CS&GD trẻ và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của nhà trường theo nội dung Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non; đồng thời thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan để đánh giá đúng thực trạng của nhà trường.

Để công tác TĐG được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, CSVC, nguồn tài chính cần huy động. Công việc thu thập các thông tin minh chứng cho từng tiêu chí được hội đồng thực hiện đúng kế hoạch, do đó tiến độ và chất lượng công việc được đảm bảo. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, lập bảng mã hóa và hộp thông tin minh chứng, Hội đồng tự đánh giá đã hoàn thiện báo cáo đúng thời gian dự kiến trong kế hoạch.

Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu ngắn gọn, rõ ràng và có tính khả thi.

Với sự nỗ lực, quyết tâm và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tự đánh giá, bản báo cáo TĐG của trường đã cơ bản hoàn thành, đó là sự cố gắng tập trung trí tuệ của tập thể, đã đánh dấu bước quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký KĐCLGD.

Từ nhận thức và ý thức về mục đích, ý nghĩa của công tác TĐG, từ việc triển khai một cách khách quan, trung thực, sau một thời gian nỗ lực cố gắng, các khó khăn trên đã được khắc phục. Nhà trường đang dần dần tạo ra được những chuyển biến mới trong mỗi CBQL, GV, NV và trẻ em để từ đó CLGD được đảm bảo và không ngừng được cải tiến, nâng cao.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Công tác tổ chức và quản lý nhà trường giữ vai trò then chốt trong việc định hướng, điều hành và đảm bảo mọi hoạt động giáo dục của nhà trường được triển khai một cách hiệu quả, khoa học và phù hợp với các quy định hiện hành. Đối với Trường MN Hướng Dương, việc xây dựng bộ máy tổ chức hợp lý, phát huy vai trò của đội ngũ CBQL, GV, NV đồng thời thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là yếu tố nền tảng góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ.

Trong những năm qua, nhà trường đã từng bước kiện toàn: cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực quản lý, thực hiện tốt các quy chế dân chủ, đảm bảo công khai, minh bạch trong mọi hoạt động. Công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến chất lượng được chú trọng, bám sát mục tiêu giáo dục mầm non và điều kiện thực tế của đơn vị.

Trên cơ sở đó, nhà trường tiến hành TĐG Tiêu chuẩn 1 nhằm xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu về tổ chức và quản lý theo quy định, đồng thời chỉ ra những điểm mạnh, hạn chế và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong thời gian tới.

Với tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý nhà trường, Trường MN Hướng Dương xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường theo giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, được công khai và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Trường có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường MN. Nhà trường có Hội đồng trường (HĐT) và các hội đồng khác theo quy định, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường MN. Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam trực thuộc Đảng bộ phường Bình Phước, có tổ chức Công đoàn (đến tháng 6/2025) và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (ĐTNCSHCM), có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đóng góp tích cực và có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Trường có hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, 04 tổ chuyên môn (CM) và 01 tổ văn phòng, đảm bảo nguyên tắc hoạt động theo quy định Điều lệ trường MN, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Trong 05 năm qua, nhà trường tổ chức nhóm trẻ và các lớp mẫu giáo có tối đa 14 nhóm, lớp; các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và có số lượng đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường MN, được tổ chức học hai buổi và ăn bán trú tại trường. Trong 05 năm qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập. Hàng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục, thực hiện tốt công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ, như: quản lý các hoạt động giáo dục; quản lý hệ thống hồ sơ sổ sách; quản lý công tác tài chính, quản lý nhân sự, … và được tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành; nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính, tài sản. Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán chi thường xuyên, nhà trường căn cứ theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Công tác tài chính được thực hiện hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán theo đúng quy định chế độ tài chính, kế toán hiện hành. Trường thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được nhà trường thực hiện công khai, minh bạch theo các văn bản hướng dẫn và đạt hiệu quả, phát huy được tinh thần dân chủ tại đơn vị. Hàng năm, nhà trường xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự (ANTT); vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP); an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường, được phổ biến, hướng dẫn rộng rãi đến CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường MN Hướng Dương xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường theo các giai đoạn, cụ thể: Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030, giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn năm 2045. Các kế hoạch này đã xác định mục tiêu GDMN phù hợp theo Điều 23 Luật Giáo dục 2019, đó là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp Một **[H1-1.1-01]**. Các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển nhà trường đề ra trong các kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển qua các giai đoạn được căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội thông qua số 01-/NQ/ĐU, ngày 27 tháng 3 năm 2020 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của phường Tân Đồng (cũ), NQ số 01-NQ/ĐU ngày 15 tháng 8 năm 2025 nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Đảng ủy phường Bình Phước. Đặc biệt, nhà trường còn căn cứ vào tình hình thực tế về CSVC, kinh phí, nguồn lực, đội ngũ CBQL, GV, NV để từ đó đưa ra các mục tiêu phù hợp nhằm thực hiện tốt công tác ND, CS&GD trẻ trong nhà trường **[H1 1.1-03]; [H1-1.1-04**]; **[H1-1.1-05**].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 số 129 KH-MNHD ngày 25/09/2020 đã được Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài (cũ) phê duyệt ngày 28 tháng 10 năm 2020; Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 được xác định bằng văn bản, số 109/KH-MNHD, ngày 04 tháng 6 năm 2026. **[H1-1.1-01].**

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sau khi được Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài (cũ) phê duyệt, và Kế hoạch số 109/KH-MNHD, ngày 04 tháng 6 năm 2026; Kế hoạch Chiến lược phát triển giáo dục Trường MN Hướng Dương, giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2045 được UBND phường phê duyệt, nhà trường công khai bằng nhiều hình thức, như: công khai rộng rãi đến toàn thể CBQL, GV, NV nhà trường thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm. **[H1-1.1-04**]; niêm yết tại bảng tin và được đăng tải trên trang website của trường: mnhuongduong.dongxoai.edu.vn để công khai rộng rãi đến cha mẹ trẻ và cộng đồng biết cùng phối hợp và hỗ trợ nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch.

Mức 2

Để việc thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đạt hiệu quả, trong những năm qua, nhà trường đã có các giải pháp giám sát chặt chẽ việc thực hiện, cụ thể: HĐT đưa nội dung giám sát, theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường vào trong kế hoạch hoạt động của HĐT theo từng giai đoạn và kế hoạch hoạt động theo từng năm học một cách cụ thể. Đồng thời, phân công các thành viên trong HĐT phụ trách công tác giám sát, đôn đốc thực hiện **[H1-1.1-05]**. Ngoài ra, Ban Thanh tra nhân dân (TTND) (trước tháng 6/2025) của nhà trường cũng đưa nội dung giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường vào kế hoạch hoạt động của Ban TTND hàng năm **[H1-1.1-06]**. Tuy nhiên, có một số ít nội dung hiệu quả giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên. Do các thành viên HĐT chưa thực sự sâu sát.

Mức 3

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 được cụ thể hóa bằng các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm, đó là cơ sở để định kỳ hàng năm nhà trường rà soát, đánh giá và bổ sung điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo các chỉ tiêu đề ra trong từng năm học **[H1-1.1-07]**. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp định kỳ, HĐT thường xuyên thực hiện việc đánh giá, rà soát, để từ đó nhà trường bổ sung và điều chỉnh nếu có sự thay đổi hoặc nội dung, chỉ tiêu phù hợp hơn với tình hình thực tế của nhà trường **[H1-1.1-08]**; **[H1-1.1-09]**.

Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong HĐT, các thành viên xem xét, đóng góp ý kiến và quyết nghị trong các cuộc họp của HĐT. Ngoài ra, để đảm bảo tính dân chủ, minh bạch, nhà trường còn tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp của CBQL, GV, NV, Ban đại diện CMT, cộng đồng khu phố nơi địa bàn nhà trường đóng, để hoàn thiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. **[H1-1.1-10]**.

Tuy nhiên trong quá trình giám sát kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, một số thành viên trong Hội đồng trường đôi khi chưa thực sự sâu sát trong quá trình giám sát.

2. Điểm mạnh

Trường MN Hướng Dương đã xác định, xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường qua Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non (GDMN), định hướng phát triển kinh tế - xã hội của UBND phường Bình Phước, phù hợp với các nguồn lực hiện có của nhà trường và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. HĐT có đưa nội dung giám sát, theo dõi việc thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường các giai đoạn vào trong kế hoạch hoạt động của HĐT giai đoạn và từng năm học một cách cụ thể, phân công cá nhân phụ trách công tác giám sát đầy đủ. Quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường các giai đoạn có sự tham gia, đóng góp ý kiến của các thành viên trong HĐT, của CBQL, GV, NV, BĐD CMT, cộng đồng ở các khu dân cư trên địa bàn.

3. Điểm yếu

Trong quá trình giám sát kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, một số thành viên trong HĐT chưa sâu sát trong quá trình giám sát.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027, Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả của công tác giám sát đối với việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường; các thành viên được phân công trong phải phát huy hết tinh thần trách nhiệm, sâu sát và chặt chẽ trong quá trình giám sát để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Đồng thời, thông qua các cuộc họp Ban chỉ đạo, chủ chốt, định kỳ hàng năm, Hiệu trưởng chú trọng việc triển khai, hướng dẫn cho các thành viên trong Ban chỉ đạo rà soát, đánh giá một cách cụ thể, chi tiết các nội dung, chỉ tiêu mà phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường và kế hoạch các năm học đã đề ra để bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định.

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường MN Hướng Dương có các hội đồng theo quy định: Hội đồng trường được phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài (cũ) công nhận qua Quyết định số 725 QĐ-PGDĐT ngày 14/11/2018. Khi Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường MN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT). Hội đồng Trường MN Hướng Dương được phòng GD&ĐT tạo thành phố Đồng Xoài (cũ) ra Quyết định số 738/QĐ-PGDĐT ngày 14/9/2021 nhiệm kỳ 05 năm để đảm bảo đầy đủ các thành phần theo Điều lệ trường MN đã quy định. Chủ tịch hội đồng trường là bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng (HT) nhà trường **[H1-1.2-01].** Đến ngày 19/03/2026 thì HĐT kết thúc hoạt động theo Quyết định số 807/QĐ-UBND của UBND phường Bình Phước. **[H1-1.2-02]**.

Hàng năm nhà trường đều có thành lập các Hội đồng tư vấn theo quy định tại Điều lệ trường MN như: Hội đồng thi đua khen thưởng do HT thành lập vào đầu mỗi năm học gồm: HT là chủ tịch hội đồng; các thành viên của hội đồng gồm: 02 phó hiệu trưởng (PHT), chủ tịch Công đoàn, bí thư Chi đoàn, đại diện các tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, số lượng thành viên hội đồng là số lẻ **[H1-1.2-03]**. Ngoài ra, nhà trường còn thành lập các hội đồng khác, như: Hội đồng sáng kiến được thành lập hàng năm khi có đơn đề nghị công nhận sáng kiến của CBQL, GV, NV trong nhà trường theo

quy định tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trong đó: HT là chủ tịch hội đồng và các thành viên khác **[H1-1.2-04]**. Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo từng chu kỳ đánh giá được quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 và Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN, gồm 13 thành viên, trong đó: HT làm chủ tịch hội đồng; PHT làm phó chủ tịch hội đồng, và các thành viên khác gồm: các tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, bí thư Chi đoàn, chủ tịch Công đoàn và một số giáo viên, nhân viên có năng lực **[H1-1.2-05]**. Trong chu kỳ đánh giá, nhà trường có thành lập Hội đồng lựa chọn đồ chơi, học liệu, tài liệu GDMN từ năm học 2023 - 2024 theo hướng dẫn tại Công văn số 2759/Sở GD&ĐT- GDTHMN ngày 22/8/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước về việc hướng dẫn quản lý, lựa chọn tài liệu, đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN **[H1-1.2-06]**. Hội đồng tuyển sinh của nhà trường được thành lập hằng năm theo quyết định của Hiệu trưởng, đảm bảo đúng quy định hiện hành. Thành phần Hội đồng gồm: HT làm chủ tịch hội đồng; PHT làm phó chủ tịch hội đồng, cùng các thành viên là tổ trưởng chuyên môn, giáo viên và nhân viên có liên quan **[H1-1.2-07].**

b) HĐT thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT: xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường theo quy định của pháp luật; quyết nghị thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường khi cần thiết; phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính hằng năm và giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt phương án chung về tổ chức bộ máy và những vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐT, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát hiệu trưởng và kế toán trưởng trong việc chấp hành các quy định. **[H1-1.1-05]; [H1-1.1-08];[H1-1.1-09]**.

Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 11 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT: giúp HT tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBQL, GV, NV trong nhà trường **[H1-1.2-08]; [H1-1.2-09]**. Hội đồng sáng kiến thực hiện việc nghiên cứu, duyệt, đánh giá sáng kiến của CBQL, GV, NV một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến cấp trường, tổ chức họp xét, ghi nhận ý kiến của các thành viên hội đồng, kết quả bỏ phiếu của hội đồng. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến được công nhận cấp trường theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước của UBND tỉnh Bình Phước **[H1-1.2-10]**; **[H1-1.2-16]**.

Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch TĐG, thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, viết báo cáo TĐG, bổ sung, hoàn thiện báo cáo TĐG, nhập dữ liệu TĐG vào phần mềm KĐCLGD, công bố báo cáo tự đánh giá, lưu trữ cơ sở dữ liệu về công tác TĐG **[H1-1.2-11]**; **[H1-1.2-12]**.

Hội đồng lựa chọn tài liệu, học liệu, đồ chơi sau khi được thành lập đã tiến hành lựa chọn học liệu, tài liệu, đồ chơi để sử dụng trong nhà trường đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 2759/SGDĐT-GDTHMN ngày 22/8/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước

về việc hướng dẫn quản lý, lựa chọn tài liệu, đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN và Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGDĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong cơ sở GDMN; Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05/11/2021 của BGDĐT quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong cơ sở GDMN **[H1-1.2-06]; [H1-1.2-12]**.

Hội đồng tuyển sinh Trường Mầm non Hướng Dương là bộ phận được nhà trường thành lập để tổ chức và quản lý công tác tuyển sinh. Hội đồng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục, bao gồm: xây dựng kế hoạch tuyển sinh; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; xét tuyển trẻ theo các tiêu chí quy định; công khai kết quả tuyển sinh; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tuyển sinh; đồng thời bảo đảm công tác tuyển sinh diễn ra công bằng, minh bạch và đúng quy định hiện hành. **[H1-1.2-07].**

c) Các hoạt động của HĐT, Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác được rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm theo định kỳ để thực hiện trong những đợt và những năm tiếp theo, cụ thể:

HĐT họp ít nhất ba lần trong một năm học và họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong nhà trường, đánh giá những hoạt động đã hoàn thành và chưa hoàn thành, tìm nguyên nhân chủ quan, khách quan. Từ đó đưa ra giải pháp phù hợp để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. **[H1-1.1-08]**.

Hội đồng thi đua khen thưởng tổ chức họp định kỳ ít nhất ba lần trong một năm học. Đồng thời, tiến hành tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong hội đồng để điều chỉnh, bổ sung các nội dung và đưa ra những giải pháp thực hiện tiếp theo **[H1-1.2-09]**.

Các hội đồng khác trong nhà trường như: Hội đồng sáng kiến, Hội đồng tự đánh giá, Hội đồng lựa chọn tài liệu, học liệu, đồ chơi, Hội đồng tuyển sinh, tổ chức họp định kỳ hàng năm sau khi kết thúc hoạt động theo năm học, để rà soát, đánh giá các hoạt động; đồng thời đối chiếu với các chỉ tiêu đã đề ra để điều chỉnh chỉ tiêu hoặc đưa ra những giải pháp thực hiện hiệu quả hơn; từ đó, có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả hoạt động của các hội đồng **[H1-1.2-10]**; **[H1-1.2-13]**; **[H1-1.2-14]**.

Mức 2

Các hội đồng trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, phối hợp với nhà trường trong các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ, tạo được uy tín với CMT và cộng đồng, cụ thể: HĐT nêu cao tinh thần trách nhiệm, đề xuất các giải pháp tích cực, thường xuyên giám sát các hoạt động, có những ý kiến góp ý, điều chỉnh kế hoạch của nhà trường nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra hàng năm. Vì vậy trong 05 năm qua, nhà trường đã đạt được các thành tích đáng khích lệ như: tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc. **[H1-1.2-15]**;

Hội đồng thi đua khen thưởng tích cực hoạt động, đi đầu trong công tác thi đua, thực hiện tốt vai trò của mình; từ đó động viên, đôn đốc các thành viên trong các tổ chuyên môn thi đua dạy tốt - học tốt; trong các năm qua trường có nhiều CBQL, GV đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp tỉnh; GV dạy giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh; có các cá nhân được UBND tỉnh, Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen (trước tháng 7/2025) **[H1-1.2-15]**

Các thành viên trong Hội đồng sáng kiến là những người nắm vững chuyên môn, nghiên cứu kỹ về việc viết và áp dụng sáng kiến; giúp CBQL, GV, NV đưa ra nhiều giải

pháp, sáng tạo và có tính mới; vì vậy trong 05 năm qua, nhà trường có nhiều sáng kiến áp dụng đạt hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong nhà trường trên địa bàn thành phố, tỉnh (trước tháng 7/2025) **[H1-1.2-16]**.

Hội đồng tự đánh giá thực hiện nhiệm vụ đúng theo kế hoạch đề ra, các thành viên được bồi dưỡng, hướng dẫn nên nắm bắt quy trình TĐG, hiểu nội hàm, xác định được nội dung minh chứng, mô tả thực trạng của nhà trường, xác định đúng điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng kế hoạch cải tiến phù hợp, hoàn thiện báo cáo TĐG; từ đó góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ của nhà trường năm sau cao hơn năm trước **[H1-1.2-11]**; **[H1-1.2-12]**.

Hội đồng lựa chọn tài liệu, học liệu, đồ chơi sau khi được thành lập đã thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ theo quy định tại Công văn số 2759/Sở GDĐT-GDTHMN ngày 22/8/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước về việc hướng dẫn quản lý, lựa chọn tài liệu, đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN và Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong cơ sở GDMN; Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05/11/2021 của BGDĐT quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong cơ sở GDMN. Hội đồng đã tổ chức họp để lựa chọn và tham mưu HT ban hành quyết định phê duyệt danh mục đồ chơi, học liệu, tài liệu đảm bảo yêu cầu theo quy định đưa vào sử dụng đầu năm học **[H1-1.2-13]**.

Tuy nhiên, trong một số năm, thành phần của Hội đồng trường và các hội đồng khác có sự thay đổi do một số thành viên nghỉ hưu, tuổi cao, dẫn đến việc kiện toàn nhân sự cần có thời gian để ổn định. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính liên tục trong quá trình tham gia quản lý, điều hành và triển khai một số hoạt động của các hội đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có HĐT, Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo quy định tại Điều lệ trường MN và các hội đồng khác, như: Hội đồng sáng kiến, Hội đồng tự đánh giá, Hội đồng lựa chọn tài liệu, học liệu, đồ chơi, Hội đồng tuyển sinh… được thành lập theo các văn bản quy định hiện hành. Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của từng hội đồng. Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá để điều chỉnh và có giải pháp thực hiện hiệu quả. Tất cả các hội đồng hoạt động hiệu quả, phối hợp với nhà trường trong các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong một số năm, thành phần của Hội đồng trường và các hội đồng khác có sự thay đổi do một số thành viên nghỉ hưu, lớn tuổi, dẫn đến việc kiện toàn nhân sự cần có thời gian để ổn định. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính liên tục trong quá trình tham gia quản lý, điều hành và triển khai một số hoạt động của các hội đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các Hội đồng theo quy định hiện hành; xây dựng kế hoạch nhân sự kế cận nhằm bảo đảm tính liên tục và ổn định trong hoạt động của các hội đồng. Thực hiện kịp thời việc bổ sung, thay thế thành viên khi có sự thay đổi về nhân sự do nghỉ hưu, lớn tuổi, chuyển công tác hoặc các nguyên nhân khác.

Đồng thời, tăng cường bồi dưỡng năng lực quản lý, kỹ năng tham gia hoạt động hội đồng cho các thành viên; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các hội đồng và các bộ phận trong nhà trường. Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của các hội đồng để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng tham mưu, tư vấn và giám sát, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển của nhà trường. Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên phụ trách.

Tiếp tục phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu. Duy trì và thay thế các thành viên các hội đồng đảm bảo đủ số lượng và chất lượng; hàng năm các hội đồng thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, các hoạt động thường xuyên được định kỳ rà soát. Các hội đồng có kế hoạch hoạt động, công tác rà soát đánh giá cụ thể những việc làm được và chưa làm được gắn trách nhiệm của từng thành viên vào các nhiệm vụ cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả cho hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở Trường MN Hướng Dương được thành lập từ năm 2002 khi mới thành lập trường và hoạt động đến tháng 6/2025 thì chấm dứt hoạt động **[H1-1.3-01]**. Khi còn hoạt động, BCH Công đoàn gồm có 05 thành viên hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm **[H1-1.3-02]**. Nhà trường có tổ chức Chi đoàn, BCH chi đoàn hoạt động theo nhiệm kỳ năm học gồm có 03 thành viên, cứ mỗi năm đại hội 01 lần để bầu BCH chi đoàn mới. **[H1-1.3-03].**

b) Trước tháng 6/2025, Công đoàn hoạt động theo sự chỉ đạo của Liên đoàn lao động thành phố Đồng Xoài, theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công đoàn cơ sở, họp theo định kỳ. Công đoàn tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực

hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức; các nghị quyết của Công đoàn được thông qua theo đa số và được thi hành nghiêm chỉnh, qua hội nghị viên chức, người lao động, nhằm tổng kết công tác Công đoàn và thông qua phương hướng nhiệm vụ từng năm **[H1-1.3-04]**; **[H1-1.3-05]**; **[H1-1.3-06]**.

Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ ĐTNCSHCM, theo hướng dẫn của Đoàn phường Bình Phước và hoạt động theo sự lãnh đạo của Chi bộ, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Chi đoàn tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ mỗi năm một lần, nhằm tổng kết công tác đoàn, phong trào thanh niên và thông qua phương hướng nhiệm vụ qua việc lấy ý kiến biểu quyết thống nhất, sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần theo quy định. Chi đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức các phong trào thi đua, các lễ hội, hoạt động nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục và các phong trào thi đua **[H1-1.3-07]**; **[H1-1.3-08]**.

c) Khi còn hoạt động, Công đoàn trường luôn được định kỳ rà soát, đánh giá hoạt động để điều chỉnh và bổ sung phù hợp, như: thông qua Hội nghị viên chức, người lao động mỗi năm học, Công đoàn thông qua báo cáo tổng kết đánh giá, phát huy những nội dung đã làm được và khắc phục những tồn tại hạn chế để rút kinh nghiệm, bổ sung cho năm học tiếp theo **[H1-1.3-06]**; **[H1-1.3-09]**. Ngoài ra, hàng tháng Công đoàn nhà trường tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động của các đoàn viên, hoạt động của các tổ Công đoàn, nhận định những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch và việc tham gia các phong trào trong tháng, qua đó triển khai kế hoạch hoạt động của tháng tới **[H1-1.3-10]**.

Các hoạt động của ĐTNCSHCM cũng định kỳ được rà soát, đánh giá thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ trong các lần Đại hội Chi đoàn hàng năm **[H1-1.3-07]**. Ngoài ra, trong các cuộc sinh hoạt định kỳ hàng tháng, Chi đoàn cũng thực hiện rà soát, đánh giá và điều chỉnh hoạt động của Chi đoàn để phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường **[H1-1.3-08]**.

Chỉ báo a Mức 2 và chỉ báo a Mức 3:

Nhà trường có Chi bộ độc lập, được thành lập là Chi bộ cơ sở theo Quyết định thành lập số 75-QĐ/ĐU ngày 02/7/2025 của Đảng ủy phường Bình Phước, Chi bộ hiện có 28 đảng viên đang sinh hoạt. **[H1-1.3-11]**. Nhiệm kỳ 2020 - 2022, đồng chí Trương Thị Ngọc Thủy là Bí thư chi bộ và đồng chí Bùi Thị Minh Thùy là Phó bí thư chi bộ được chuẩn y theo Quyết định số 137-QĐ/ĐU ngày 02/3/2020 của Đảng ủy phường Tân Đồng về việc chuẩn y kết quả bầu cử bí thư và phó bí thư Chi bộ Trường MN Hướng Dương nhiệm kỳ 2020 - 2022. Nhiệm kỳ 2022 - 2025, đồng chí Trương Thị Ngọc Thủy là Bí thư chi bộ và đồng chí Bùi Thị Minh Thùy là Phó bí thư chi bộ được chuẩn y theo Quyết định số 30-QĐ/ĐU ngày 19/7/2022 của Đảng ủy phường Tân Đồng về việc chuẩn y kết quả bầu cử bí thư và phó bí thư Chi bộ Trường MN Hướng Dương nhiệm kỳ 2022 - 2025. Nhiệm kỳ 2025 - 2027, đồng chí Trương Thị Ngọc Thủy là Bí thư chi bộ và đồng chí Bùi Thị Minh Thùy là Phó bí thư chi bộ được chuẩn y theo Quyết định số 84-QĐ/ĐU ngày 21/1/2025 của Đảng ủy phường Tân Đồng về việc chuẩn y kết quả bầu cử bí thư và phó bí thư Chi bộ Trường MN Hướng Dương nhiệm kỳ 2025 - 2027. Sau sáp nhập, chuyển đổi chính quyền 2 cấp Chi bộ trường MN Hướng Dương được công nhận là Chi bộ cơ sở, nhiệm kỳ 2025 - 2030, đồng chí Trương Thị Ngọc Thủy là Bí Thư Chi bộ, đồng chí Bùi Thị Minh Thùy là Phó bí thư chi bộ, được chỉ định theo Quyết định số 118-

QĐ/ĐU ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Đảng ủy phường Bình Phước **[H1-1.3-12]**. Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy phường Bình Phước, Chi bộ tổ chức sinh hoạt đầy đủ và hoạt động đảm bảo theo quy định **[H1-1.3-13]**. Từ năm 2020 đến năm 2025, Chi bộ luôn được Đảng ủy phường đánh giá xếp loại mức chất lượng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-14].**

Chỉ báo b Mức 2 và chỉ báo b Mức 3:

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường.

Trong những năm qua, các đoàn thể trong nhà trường đã có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng: Tính đến trước tháng 6/2025, BCH Công đoàn là những người năng động, sáng tạo đã phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động và làm tốt công tác vận động, khuyến khích đoàn viên hoạt động tích cực trong tất cả các phong trào thi đua do Liên đoàn lao động thành phố Đồng Xoài tổ chức phát động, tổ chức, việc triển khai công việc cũng như thông tin, báo cáo được kịp thời, hoạt động của Công đoàn có nề nếp ổn định và đạt nhiều kết quả thiết thực. Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên được quan tâm, tạo mọi điều kiện để đoàn viên yên tâm công tác và có những việc làm thiết thực như: Công đoàn tham gia giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến viên chức, người lao động, nhờ đó tạo niềm tin và động lực để các đội ngũ giáo viên thi đua dạy tốt, góp phần xây dựng trường học vững mạnh. Tổ chức thăm, hỏi ốm đau, hiếu hỉ cho đoàn viên và gia đình kịp thời, đây là nghĩa cử đem lại ấn tượng tốt đẹp. Ngoài ra, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao do các cấp phát động được các đoàn viên tham gia tích cực và đạt kết quả cao, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho đoàn viên **[H1-1.3-09]; [H1-1.3-15]**. Công tác tuyên truyền, giáo dục cũng được quan tâm đúng mức, Công đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống nhân các ngày lễ trong năm: ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10… **[H1-1.3-16]**. Công tác xã hội, từ thiện, đền ơn, đáp nghĩa cũng được duy trì tốt; nhiều đoàn viên tham gia hiến máu tình nguyện **[H1-1.3-17]**. Công đoàn còn vận động công đoàn viên đóng góp các loại quỹ ủng hộ cộng đồng như: quỹ vì người nghèo; quỹ lũ lụt; quỹ tiếp bước đến trường; quỹ mái ấm tình thương; quỹ tương trợ, quỹ phòng chống dịch Covid-19, quỹ phòng chống thiên tai… **[H1-1.3-18]**. Từ những hoạt động đó, trong các năm qua, Công đoàn đã được Liên đoàn lao động thành phố Đồng Xoài xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-19]**.

Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động, được các đoàn viên tham gia tích cực và có hiệu quả, như: thực hiện lao động dọn vệ sinh, cắt tỉa cây xanh góp phần làm đẹp môi trường giáo dục tại nhà trường, tổ chức vui tết Trung thu cho các cháu tại trường. Ngoài ra, Chi đoàn còn tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng, các phong trào do BCH Đoàn phường phát động, giúp người dân trong phường đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến, phòng chống dịch Covid-19, cài đặt chữ ký số, thực hiện chiến dịch 4 phủ, làm sạch dữ liệu dân cư, ngày Chủ nhật xanh, dọn dẹp các tuyến đường trên địa bàn phường, … **[H1-1.3-07]; [H1-1.3-20]**; **[H1-1.3-21]**. Từ những hoạt động đó, trong 05 năm qua, Chi đoàn đã được BCH Đoàn phường Bình Phước đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-22]**. Tuy nhiên, Chi đoàn còn gặp một số khó khăn khi huy động các đoàn viên tham gia phong trào, do 100% đoàn viên trong Chi đoàn là nữ và đang tuổi sinh đẻ, nên có một số đoàn viên mang thai, nghỉ thai sản và có con nhỏ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Chi bộ Đảng, có các tổ chức đoàn thể gồm Công đoàn (đến tháng 6/2025) và Chi đoàn, các tổ chức đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Hằng năm, tổ chức Công đoàn và Chi đoàn đều có rà soát, đánh giá các hoạt động thông qua các kỳ đại hội, hội nghị hàng năm, qua báo cáo tổng kết của từng tổ chức và trong các cuộc sinh hoạt định kỳ hàng tháng. Các đoàn thể đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả và thiết thực cho các hoạt động của nhà trường, của cộng đồng, địa phương. Vì vậy, hàng năm, Công đoàn và Chi đoàn nhà trường đều được cấp trên đánh giá, xếp loại hoàn tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Chi đoàn còn gặp một số khó khăn khi huy động các đoàn viên tham gia phong trào, do 100% đoàn viên trong Chi đoàn là nữ và đang tuổi sinh đẻ, số lượng đoàn viên ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm học tiếp theo, qua các kỳ đại hội của Chi đoàn, đoàn viên tiếp tục lựa chọn những người có uy tín, có tâm huyết vào BCH, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của BCH Chi đoàn, dành nhiều thời gian đầu tư cho các phong trào để thu hút được sự tham gia nhiệt tình hơn nữa của đoàn viên.

Hàng năm, Chi ủy Chi bộ lãnh đạo và chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, phối hợp cùng với nhà trường một cách hiệu quả nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD. Đồng thời, phát hiện những nhân tố tích cực để bồi dưỡng, phát triển đảng. Hàng năm, phấn đấu Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ phân công đảng viên luôn theo sát, ủng hộ và có kế hoạch giúp đỡ tổ chức Chi đoàn sắp xếp, phân công cho các đoàn viên một cách hợp lý để tham gia tốt các hoạt động phong trào của nhà trường và địa phương. Ban giám hiệu động viên các đoàn viên thanh niên khắc phục những khó khăn, sắp xếp thời gian hợp lý để tham gia đều hơn các phong trào của ĐTNCSHCM. Tranh thủ sự hỗ trợ của đoàn phường trong các hoạt động của nhà trường như: đoàn phường hỗ trợ dọn vệ sinh vườn trường, vẽ tranh, vv…

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường MN Hướng Dương có HT và 02 PHT, đủ số lượng theo quy định, cụ thể: từ tháng 7/2019 đến nay, HT là bà Trương Thị Ngọc Thủy được bổ nhiệm theo Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND thành phố Đồng Xoài và được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND thành phố Đồng Xoài **[H1-1.4-01]**; 02 PHT là bà Bùi Thị Minh Thùy - được bổ nhiệm theo Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, bổ nhiệm lại theo Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Đồng Xoài **[H1-1.4-02]** và bà Trịnh Thị Mỹ Hiếu được bổ nhiệm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND thành phố Đồng Xoài **[H1-1.4-03]**.

b) Hàng năm vào đầu năm học, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn (CM) và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường MN, cụ thể: đối với tổ CM: nhà trường thành lập 04 tổ CM, gồm giáo viên lớp/nhóm và NV nấu ăn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT. Đối với 01 tổ văn phòng gồm cán bộ quản lý và các nhân viên: kế toán, bảo vệ và nhân viên khác theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT **[H1-1.4-04]**.

Sau khi thành lập các tổ CM và tổ văn phòng, hiệu trưởng xét phẩm chất, năng lực của GV, NV để ban hành quyết định phân công nhiệm vụ tổ trưởng và tổ phó theo quy định **[H1-1.4-05]**.

c) Hàng năm, các tổ CM xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch ND, CS&GD trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT. Các tổ CM thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường MN, như: thực hiện bồi dưỡng CM, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác ND, CS&GD trẻ em; quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; đề xuất khen thưởng GV; tham gia đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN; tham gia đánh giá, xếp loại NV theo quy định. Tổ CM sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực CM **[H1-1.4-06]**; **[H1-1.4-07]**.

Hàng năm, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo quy định tại tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT. Tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường MN, như: giúp HT quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; thực hiện bồi dưỡng, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên; tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ theo tháng,

theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực CM **[H1-1.4-08]**; **[H1-1.4-09]**.

Mức 2:

a) Trong những năm qua, các tổ CM đã căn cứ vào đặc điểm tình hình điểm mạnh và hạn chế của tổ, hằng năm các tổ đã đề xuất và thực hiện 01 chuyên đề như: Chuyên đề ứng dụng công nghệ số & chuyển đổi số. Chuyên đề xây dựng môi trường & đổi mới phương pháp. Chuyên đề phát triển toàn diện cho trẻ (tâm lý, kỹ năng, thể chất), chuyên đề chăm sóc, nuôi dưỡng và an toàn (dành cho tổ nuôi dưỡng); Ứng dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi mới. Triển khai hiệu quả chương trình "Tôi yêu Việt Nam"; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; Ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Steam; Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào thiết kế bài giảng điện tử, ... Những chuyên đề này được các tổ phân công cụ thể, tổ chức xây dựng lớp điểm, tiết mẫu và nhân rộng để giáo viên trong tổ và toàn trường học tập, được giáo viên lồng ghép hài hòa, linh hoạt thông qua các hoạt động hằng ngày và mọi lúc mọi nơi **[H1-1.4-10]**. Đồng thời, các tổ đã có những đề xuất, giải pháp hay trong việc thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm" và "Phòng chống bạo hành trẻ trong cơ sở GDMN" do nhà trường triển khai thực hiện **[H1-1.4-11]**; **[H1-1.4-12]**. Các tổ đã thực hiện tốt các chuyên đề đề xuất và các chuyên đề mà nhà trường chỉ đạo, qua đó góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ; tạo được môi trường sạch, đẹp, thân thiện, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, khám phá, mạnh dạn, tự tin và hứng thú khi tham gia các hoạt động, được các cấp có thẩm quyền đánh giá đạt hiệu quả, cuối năm học các tổ chuyên môn được UBND thành phố Đồng Xoài (trước tháng 7/2025) tặng giấy khen, góp phần vào thành tích chung của nhà trường **[H1-1.4-13]**; **[H1-1.4-14]**.

b) Định kỳ hàng tháng, các tổ CM và tổ văn phòng tổ chức rà soát để đánh giá điều chỉnh các hoạt động, cụ thể:

Tổ CM tổ chức sinh hoạt ít nhất 02 lần vào mỗi tháng, nhằm rà soát, đánh giá những ưu điểm, những mặt đã đạt được trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch ND, CS&GD trẻ và các hoạt động khác; đồng thời, trong quá trình sinh hoạt, các thành viên trong tổ cùng rà soát lại và tìm ra những hoạt động còn tồn tại, hạn chế để khắc phục và tìm giải pháp để điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và tình hình thực tế của trường, lớp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ND, CS&GD trẻ **[H1-1.4-07]**.

Tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng nhằm rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của tổ, nhận định những việc đã làm được và những việc chưa làm được theo kế hoạch đã đề ra trong tháng, từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao việc quản lý tài chính, tài sản và lưu giữ hồ sơ của nhà trường **[H1-1.4-09]**.

Mức 3:

a) Trong các năm qua, tổ CM và tổ văn phòng hoạt động tích cực và có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, như: các tổ CM thường xuyên tổ chức bồi dưỡng CM cho GV trong tổ thông qua các hoạt động như: thao giảng, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn định kỳ với nhiều nội dung phong phú, như: sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, sinh hoạt theo chuyên đề (làm đồ dùng đồ chơi, khai thác môi trường, …), cách thiết kế giáo án điện tử, viết và áp dụng sáng kiến, thực hiện các chuyên đề, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực theo hướng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trên

thế giới (Stem/Steam), phối hợp chặt chẽ với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa lồng ghép giáo dục kỹ năng sống như: ngày hội đến trường của bé 5/9, tết Trung thu, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Lễ hội mừng xuân, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, các hội thi dành cho trẻ, tham quan doanh trại bộ đội, tham quan trường tiểu học, … nhằm phát triển toàn diện cho trẻ, cũng như đã thực hiện tốt công tác bồi dưỡng các hội thi cho cô và trẻ do nhà trường và các cấp tổ chức **[H1-1.4-06]**; **[H1-1.1-03]**. Nhờ các hoạt động đó, trong những năm qua, các tổ CM đã thúc đẩy các phong trào của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường và giúp nhà trường đạt được nhiều kết quả, được thể hiện qua kết quả chất lượng ND, CS&GD trẻ; công tác tham mưu, phối hợp tạo uy tín và niềm tin với CMT, chính quyền địa phương. Vì vậy, các tổ được UBND thành phố Đồng Xoài (trước tháng 7/2025) tặng giấy khen có thành tích trong phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong một vài năm học **[H1-1.2-15]**; **[H1-1.1-03]**.

Tổ văn phòng luôn giúp hiệu trưởng quản lý tốt tài sản, tài chính, không để tình trạng mất mát tài sản xảy ra tại đơn vị; lưu giữ tốt hồ sơ của nhà trường; luôn giúp đỡ, khuyến khích các thành viên trong tổ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao **[H1-1.4-09]**; **[H1-1.1-03]**. Tuy nhiên cách sắp xếp lưu trữ một số bộ hồ sơ của tổ văn phòng chưa khoa học do nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư.

b) Trong các năm học qua, các tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn đề xuất và các chuyên đề do nhà trường triển khai thực hiện, như: chuyên đề "Phòng chống bạo hành trẻ trong cơ sở GDMN", chuyên đề "Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm". Các tổ chuyên môn đã có những đề xuất, các giải pháp cùng với nhà trường xây dựng môi trường vật chất trong và ngoài lớp đa dạng, phong phú, an toàn, thân thiện, tạo nhiều khu vực cho trẻ vui chơi, vận động, trải nghiệm; khai thác và tận dụng tối đa môi trường sẵn có, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho trẻ được hoạt động. Nhờ vậy, việc tổ chức các hoạt động của giáo viên ngày càng linh hoạt, sáng tạo, mọi hoạt động đều "lấy trẻ làm trung tâm", dựa trên nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ; trẻ yêu thích đến trường, hứng thú và tích cực tham gia các hoạt động. Ngoài ra, giáo viên ở các tổ còn tạo dựng môi trường xã hội thân thiện, không có bạo lực, chú trọng dạy trẻ kỹ năng sống cho trẻ, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ vào lớp Một. Vì vậy, thu hút trẻ đến trường ngày càng đông, tạo được sự tin tưởng cho cha mẹ trẻ, từ đó cha mẹ phối hợp chặt chẽ với nhà trường và sẵn sàng tham gia tích cực vào công tác ND, CS&GD trẻ, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường **[H1-1.4-13]**; **[H1-1.4-15]**; **[H1-1.4-16]**; **[H1-1.1-03]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ HT và số lượng các PHT theo quy định. Hàng năm, nhà trường đều thành lập các tổ CM và tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường MN. Tổ CM và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ đúng theo quy định. Hàng năm, các tổ CM đề xuất và thực hiện hiệu quả các chuyên đề trong năm có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả ND, CS&GD trẻ. Định kỳ các tổ có tổ chức sinh hoạt nhằm rà soát, đánh giá các hoạt động của tổ, từ đó điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của tổ. Hoạt động của các tổ thiết thực, phù hợp và sáng tạo nên có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Cách sắp xếp lưu trữ một số bộ hồ sơ của tổ văn phòng chưa khoa học do nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường động viên các tổ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được. Đồng thời, tiếp tục thành lập các tổ CM, tổ văn phòng và chỉ đạo các tổ bám sát kế hoạch của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của từng tổ.

Hàng năm, PHT phụ trách công tác chuyên môn chỉ đạo và hướng dẫn các tổ chuyên môn căn cứ vào tình hình của tổ, tiếp tục đề xuất và thực hiện ít nhất 01 chuyên đề CM của tổ và thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ. Dự kiến kinh phí cho việc thực hiện các chuyên đề khoảng 20.000.000 đồng/năm học từ nguồn ngân sách Nhà nước và vận động tài trợ từ các mạnh thường quân, CMT. Xây dựng quy trình lưu trữ hồ sơ thống nhất trong nhà trường; quy định cụ thể trách nhiệm của từng cá nhân trong việc lập, bảo quản và cập nhật hồ sơ. Đồng thời, tiến hành sắp xếp lại toàn bộ hồ sơ của tổ văn phòng theo từng lĩnh vực, từng năm học, có phân loại, ký hiệu rõ ràng, lập danh mục hồ sơ để thuận tiện trong việc lưu trữ và tra cứu.

Nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung 01 biên chế nhân viên văn thư nhằm đáp ứng yêu cầu công tác văn thư, lưu trữ trong giai đoạn hiện nay. Việc bố trí nhân viên văn thư chuyên trách sẽ góp phần thực hiện tốt công tác quản lý, sắp xếp, bảo quản và lưu trữ hồ sơ, tài liệu của nhà trường một cách khoa học, đầy đủ, đúng quy định; đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hồ sơ phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

Mức 2

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh MN

của cấp trên, Trường MN Hướng Dương xây dựng kế hoạch tuyển sinh theo năm học và tổ chức thực hiện tuyển sinh trẻ, trong đó đặc biệt là trẻ em 05 tuổi đảm bảo theo yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo quy định đạt 100% **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.5-01]**, cụ thể như sau:

Năm học	Tổng số trẻ 5 tuổi trên địa bàn	Tổng số trẻ 5 tuổi ra lớp	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	Tổng số trẻ 5 tuổi học tại trường (địa bàn)	Tổng số trẻ 5 tuổi học ngoài địa bàn	Số trẻ chuyển đi	Ghi chú
2021 - 2022	271	242	100%	222	20	29	Trẻ sinh năm 2016
2022 - 2023	233	233	100%	196	37	0	Trẻ sinh năm 2017
2023 - 2024	233	227	100%	185	42	6	Trẻ sinh năm 2018
2024 - 2025	323	282	100%	237	45	41	Trẻ sinh năm 2019
2025 - 2026	295	273	100%	261	12	22	Trẻ sinh năm 2020

Chỉ báo b Mức 1 và Mức 2:

Trong chu kỳ đánh giá, các nhóm/lớp được phân chia theo độ tuổi quy định tại Điều lệ trường MN gồm: trẻ nhà trẻ từ 2 - 3 tuổi, trẻ lớp mầm từ 3 - 4 tuổi, trẻ lớp chồi từ 4 - 5 tuổi và trẻ lớp lá từ 5 - 6 tuổi. **[H1-1.5-02]**; **[H1-1.5-03]**. Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập trong suốt 5 năm qua.

Đa số các nhóm/lớp đều có số lượng trẻ đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường MN trong 5 năm học từ 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026. Tuy nhiên năm học 2021 - 2022 số trẻ ít hơn so với quy định do dịch Covid-19 bùng phát. Có một vài năm do số trẻ trên địa bàn tăng và tạo điều kiện cho các cháu được đến trường, phục vụ công tác phổ cập GDMN nên nhà trường có nhận trẻ ở một vài lớp có vượt so với quy định (số lượng vượt không nhiều và sĩ số trẻ đi học hàng ngày đảm bảo không vượt quá quy định) **[H1-1.5-02]**; **[H1-1.5-03]** cụ thể như sau:

- Năm học 2021 - 2022: Tổng số học sinh là 314 trẻ/13 nhóm/ lớp, trong đó:

+ Nhóm trẻ (2-3 tuổi): 17 trẻ/1 nhóm

+ Lớp mầm (3-4 tuổi): 83 trẻ/4 lớp.

+ Lớp chồi (4-5 tuổi): 84 trẻ/4 lớp.

+ Lớp lá (5-6 tuổi): 130 trẻ/4 lớp.

- Năm học 2022 - 2023: Tổng số học sinh là 395 trẻ/13 nhóm/lớp, trong đó:

+ Nhóm trẻ (2-3 tuổi): 25 trẻ/1 nhóm

+ Lớp mầm (3-4 tuổi): 107 trẻ/4 lớp.

+ Lớp chồi (4-5 tuổi): 119 trẻ/4 lớp.

+ Lớp lá (5-6 tuổi): 144 trẻ/4 lớp.

- Năm học 2023 - 2024: Tổng số học sinh là 434 trẻ/13 nhóm/lớp, trong đó:

+ Nhóm trẻ (2-3 tuổi): 26 trẻ/1 nhóm

+ Lớp mầm (3-4 tuổi): 94 trẻ/4 lớp.

+ Lớp chồi (4-5 tuổi): 169 trẻ/4 lớp.

+ Lớp lá (5-6 tuổi): 145 trẻ/4 lớp.

- Năm học 2024 - 2025: Tổng số học sinh là 450 trẻ/13 nhóm/ lớp, trong đó:

+ Nhóm trẻ (2-3 tuổi): 27 trẻ/1 nhóm

+ Lớp mầm (3-4 tuổi): 89 trẻ/4 lớp.

+ Lớp chồi (4-5 tuổi): 136 trẻ/4 lớp.

+ Lớp lá (5-6 tuổi): 198 trẻ/4 lớp.

- Năm học 2025-2026: Tổng số học sinh là 440 trẻ/14 nhóm lớp, trong đó:

+ Nhóm trẻ (2-3 tuổi): 21 trẻ/1 nhóm

+ Lớp mầm (3-4 tuổi): 81 trẻ/3 lớp.

+ Lớp chồi (4-5 tuổi): 160 trẻ/5 lớp

+ Lớp lá (5-6 tuổi): 178 trẻ/5 lớp.

Chỉ báo c Mức 1

100% các nhóm, lớp trong nhà trường được tổ chức học 02 buổi/ngày. Tuy nhiên, từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 của năm học 2021 - 2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên trẻ học trực tuyến tương tác qua zalo, không được trực tiếp đến trường **[H1-1.5-02]**; **[H1-1.1-03]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, đặc biệt là tuyển sinh trẻ 05 tuổi đảm bảo theo yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 05 tuổi đạt theo quy định (tỷ lệ huy động trẻ 05 tuổi trên địa bàn ra lớp luôn đạt 100%). Tất cả các lớp đều được tổ chức học 2 buổi/ngày.

3. Điểm yếu

Năm học 2021 - 2022 số trẻ ít hơn so với quy định do dịch Covid-19 bùng phát. Có một vài năm trẻ ở một vài lớp có vượt so với quy định. Do số trẻ trên địa bàn tăng, số lượng giáo viên của trường không đáp ứng được nhu cầu mở thêm lớp. Nhằm tạo điều kiện cho các cháu được đến trường và phục vụ công tác phổ cập GDMN nên nhà trường có nhận trẻ ở một vài lớp có vượt so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, nhà trường duy trì tốt việc học bán trú, khắc phục một số lớp trong một số năm có sĩ số trẻ/lớp vượt quá số lượng quy định

và duy trì số lớp hiện tại, bên cạnh đó căn cứ vào điều kiện CSVC và khảo sát nắm bắt số lượng trẻ từ 2 - 5 tuổi trên địa bàn đến trường, làm cơ sở để tham mưu với lãnh đạo UBND phường phân bổ GV để phát triển thêm lớp, nhóm; tham mưu với lãnh đạo khuyến khích phát triển các cơ sở tư thục trên địa bàn, tuyên truyền vận động cha mẹ trẻ đưa trẻ đến các cơ sở tư thục uy tín, chất lượng để gửi con, nhà trường hỗ trợ CM cho các cơ sở tư thục trên địa bàn nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ để giảm tải số trẻ đến trường cho trường MN công lập. Ban giám hiệu nhà trường xây dựng biên chế lớp và dự kiến số lượng trẻ các lớp, nhóm phù hợp; xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chỉ đạo các thành viên tuyển sinh đúng, đủ số trẻ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách (HSSS) để quản lý hoạt động ND, CS&GD trẻ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGDĐT ban hành Điều lệ trường MN. Tất cả HSSS của nhà trường được lập danh mục hệ thống hồ sơ, có sổ lưu công văn đi đến và được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ và Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục, Thông tư số 08/2025/TT-BGDĐT ngày 12/5/2025 quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực GD&ĐT của BGD-ĐT **[H1-1.6-01]**; **[H1-1.6-02]**; tất cả các HSSS bố trí và sắp xếp khoa học theo từng mảng công việc và có cá nhân phụ trách theo nhiệm vụ chuyên môn được phân công thì lưu trữ hồ sơ do mình phụ trách **[H1-1.6-03]**.

b) Hàng năm vào tháng 9, kế toán tham mưu cho HT lập dự toán ngân sách gửi về phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Đồng Xoài (trước tháng 7/2025) và phòng Kinh tế, hạ tầng & Đô thị phường Bình Phước (sau tháng 7/2025) phê duyệt. Vào đầu năm học,

kế toán tham mưu cho HT xây dựng kế hoạch thu chi các loại quỹ ngoài ngân sách theo thỏa thuận với CMT; đồng thời, trường thực hiện việc thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định **[H1-1.6-04]**. Nhà trường thực hiện công khai với tập thể CBQL, GV, NV đầy đủ và kịp thời thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm **[H1-1.6-05]** và công khai niêm yết các khoản thu chi các loại quỹ ngoài ngân sách qua bảng công khai cũng như trên website của trường **[H1-1.6-06]**. Định kỳ hàng năm, nhà trường tổ chức tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch kiểm tra nội bộ **[H1-1.6-07]**. Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo năm dương lịch để quy định các mức thu, chi trong năm và được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành **[H1-1.6-08]**.

c) Trong những năm qua, nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả, không lãng phí, không làm thất thoát tài chính, tài sản trong nhà trường theo quy định của Bộ Tài chính, theo Điều 25 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường MN, để phục vụ các hoạt động giáo dục **[H1-1.1-03]**. Nhà trường đã quản lý tài sản hiệu quả, thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm định kỳ hàng tháng, các bộ phận báo cáo các tài sản hư hỏng để kịp thời sửa chữa **[H1-1.6-05]** và phân công cho các bộ phận kiểm kê tài sản để thanh lý, bổ sung để phục vụ các hoạt động giáo dục theo năm học **[H1-1.6-09]**. Nhà trường sử dụng nguồn tài chính đúng mục đích, dùng để sửa chữa, bổ sung, mua sắm kịp thời các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo đúng quy định để phục vụ các hoạt động ND, CS&GD trẻ **[H1-1.6-10]**.

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng CNTT chuyển đổi số có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua việc sử dụng các phần mềm, như: phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, Vnedu, Temis, Nutrikids, KĐCLGD, Quản lý công chức viên chức, ... và phần mềm quản lý tài chính, tài sản gồm: phần mềm quản lý tài sản Misa, kế toán Misa, Quản lý các khoản thu, ứng dụng CNTT về thu các khoản đóng góp của CMTE không dùng tiền mặt, … Việc sử dụng các phần mềm trên đã giúp cho CBQL, GV, NV tiết kiệm thời gian và ứng dụng vào công tác quản lý có hiệu quả; các thông tin về quản lý hành chính và tài chính, tài sản của nhà trường được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác để phục vụ chế độ tổng hợp báo cáo **[H1-1.6-11]**. Bên cạnh đó, nhà trường đã chỉ đạo các bộ phận khai thác các ứng dụng CNTT vào các hoạt động như: thiết lập các nhóm zalo để tiện cho việc thông báo, chỉ đạo các nội dung cần thiết, triển khai văn bản, tổ chức các cuộc họp trực tuyến nhằm giảm tải các cuộc họp tập trung đông người, tiết kiệm thời gian. Thiết lập các trang facebook, fanpage, thực hiện website nhà trường để cung cấp các thông tin, quảng bá hình ảnh, hoạt động của nhà trường đến CMT và cộng đồng **[H1-1.6-12]**.

b) Trong 05 năm qua, nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác Quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường luôn thực hiện đảm bảo công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định, không có phản ánh của CBQL, GV, NV và cha mẹ trẻ trong trường **[H1-1.1-03].**

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn như là: các kế hoạch/dự toán thực hiện thu chi ngân sách Nhà nước theo quy định trong từng năm học

cụ thể, nhằm tạo ra nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để thực hiện các hoạt động tổ chức ND, CS&GD trẻ, …Tuy nhiên, chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ quản lý hoạt động ND, CS&GD trẻ và lưu trữ đảm bảo theo quy định. Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản, tổ chức công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quản lý, sử dụng, tài sản, tài chính đúng mục đích, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động ND, CS&GD và không có phản ánh của CBQL, GV, NV nhà trường, có ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Có xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn nhằm tạo ra nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm tiếp theo, HT tiếp tục chỉ đạo nhân viên kế toán kiêm văn thư và các cá nhân có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ theo nhiệm vụ được phân công tiếp tục duy trì và thực hiện tốt công tác lưu trữ hồ sơ sổ sách của nhà trường, của từng bộ phận theo quy định. HT chỉ đạo bộ phận kế toán tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản theo quy định, thực hiện đảm bảo hồ sơ kế toán của nhà trường, lưu trữ đầy đủ, khoa học.

Hiệu trưởng chỉ đạo CBQL, GV, NV tiếp tục tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường. Hàng năm, thực hiện nâng cấp các phần mềm theo quy định, dự kiến kinh phí khoảng 20 - 30 triệu đồng/năm từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Năm học 2026 - 2027 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng cùng với nhân viên kế toán nhà trường nghiên cứu các văn bản quy định mới về quản lý tài chính để xây dựng kế hoạch dài hạn nhằm huy động các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương, tranh thủ các nguồn lực, sự đóng góp của các mạnh thường quân. Dự kiến tháng 1/2027 hoàn thành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong những năm vừa qua, nhà trường luôn bám sát vào kế hoạch bồi dưỡng từ sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV và kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn GV nhằm đáp ứng yêu cầu công tác ND, CS&GD trẻ trong giai đoạn hiện nay. **[H1-1.7-01]**. Hàng năm, nhà trường cử CBQL, GV, NV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đổi mới hiện nay do các cấp tổ chức **[H1-1.7-02]**. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, nhằm bồi dưỡng CM nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV theo quy định **[H1-1.7-03]**. Tuy nhiên trường có một số giáo mới hợp đồng, chưa có nhiều kinh nghiệm, còn gặp một số khó khăn trong việc tổ chức các phương pháp dạy học mới, chưa tự tin giao tiếp với CMT.

b) Nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, phù hợp, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; phân công cụ thể từng công việc cho từng thành viên, phù hợp với năng lực của từng người, đúng người, đúng việc, nhằm phát huy được năng lực của mỗi CBQL, GV, NV trong nhà trường **[H1-1.7-04].**

c) CBQL, GV, NV toàn trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường MN, cụ thể: được tôn trọng bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ ND, CS&GD trẻ em; được tạo điều kiện để nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật như: khi được cử đi học để nâng cao trình độ, nghiệp vụ và được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, chính sách quy định đối với nhà giáo. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng chế độ tiền lương, tiền thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, hưởng chế độ vào các ngày lễ tết; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật như nghỉ các chế độ thai sản, các chế độ chính sách theo Luật Lao động đã quy định mang tính dân chủ công khai. Trong các năm qua, nhà trường không có đơn thư, tố cáo, khiếu nại về việc thực hiện chưa đảm bảo các quyền của CBQL, GV, NV. Hằng năm, nhà trường phối hợp với Công đoàn (trước tháng 6/2025) hỗ trợ, khen thưởng, động viên cho CBQL, GV, NV tham gia các hội thi do các cấp tổ chức **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.7-05]**. Ngoài ra, CBQL, GV, NV nhà trường được tham gia đóng góp ý kiến và giới thiệu nhân sự để đưa vào quy hoạch nguồn cán bộ, đảm bảo được tính kế thừa, tạo động lực cho CBQL, GV, NV thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.7-06]**.

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển nâng cao chất lượng của nhà trường như: căn cứ vào năng lực của CBQL, GV, NV, hiệu trưởng phân công nhiệm vụ hợp lý, tạo động lực cho CBQL, GV, NV làm việc thật tốt **[H1-1.7-04]**; thường xuyên động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để CBQL, GV, NV tham gia học tập, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức **[H1-1.7-02]**; lựa chọn GV, NV có

năng lực đảm nhận các chức danh chủ chốt trong nhà trường; tổ chức góp ý, xây dựng giáo án mẫu để thực hiện dạy thao giảng - dự giờ, sinh hoạt CM theo nghiên cứu bài học **[H1-1.7-07], [H1-1.7-08]**; tổ chức hội thi GV giỏi cấp trường, làm cơ sở để tuyển chọn GV tham gia thi GV giỏi các cấp; thi đồ dùng đồ chơi hàng năm để nâng cao tay nghề giảng dạy, làm đồ dùng đồ chơi bằng các nguyên vật liệu phế thải … Bên cạnh đó, nhà trường còn lựa chọn những CBQL, GV, NV có năng lực CM, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc để bồi dưỡng làm đội ngũ cốt cán, dự nguồn cho trường. Qua đó, phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao CLGD của nhà trường **[H1-1.7-06]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường MN Hướng Dương có kế hoạch bồi dưỡng CM, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV và có các biện pháp phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV ngày càng đáp ứng yêu cầu của công tác ND, CS&GD trẻ trong thời kỳ mới. Nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý theo các chức danh, nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng cá nhân thúc đẩy các bộ phận hoạt động có chất lượng, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Tất cả CBQL, GV, NV trong nhà trường đều được đảm bảo các quyền theo quy định. Trong các năm qua không có đơn thư, tố cáo, khiếu nại về việc thực hiện chưa đảm bảo các quyền của CBQL, GV, NV trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên trường có một số giáo mới hợp đồng, chưa có nhiều kinh nghiệm, còn gặp một số khó khăn trong việc tổ chức các phương pháp dạy học mới, chưa tự tin giao tiếp với CMT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 nhà trường tiếp tục duy trì, bổ sung đảm bảo cơ cấu số lượng theo quy định, tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL, GV, NV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và các trình độ khác. Áp dụng CNTT vào công việc như: sử dụng các phần mềm của các công ty có chất lượng tối ưu để giảm tải công việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc soạn kế hoạch giáo dục, thu tiền đóng góp của cha mẹ trẻ, trong công tác tuyển sinh nhận hồ sơ trực tuyến, ... Ban giám hiệu quan tâm, tạo điều kiện, có kế hoạch bồi dưỡng cho GV mới để giúp họ có nhiều kinh nghiệm trong công tác ND, CS&GD vào hàng tháng trong mỗi năm học. Động viên khích lệ hơn nữa cả vật chất và tinh thần để tăng thêm động lực cho đội ngũ để họ hoàn thành tốt công việc được giao, góp phần cho nhà trường hoàn thành đúng tiến độ. Định kỳ hàng năm, hàng tháng HT nhà trường cùng trưởng các tổ chức đoàn thể, tổ/khối rà soát đảm bảo đúng, đủ mọi quyền lợi về chế độ chính sách cho CBQL, GV, NV theo quy định hiện hành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm vào đầu năm học, CBQL nhà trường cùng các tổ trưởng tổ chuyên môn căn cứ vào Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT (hiện nay là Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình GDMN) và khung kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh ban hành hàng năm, các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, thực hiện quy chế CM của sở GD&ĐT, PHT phụ trách công tác giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo năm, tháng, chủ đề theo từng độ tuổi phù hợp với các quy định, đặc điểm sự phát triển của trẻ, điều kiện thực tế của địa phương, CSVC của nhà trường **[H1-1.8-01].**

b) Căn cứ kế hoạch giáo dục đã xây dựng, nhà trường triển khai đến các tổ CM xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ **[H1-1.4-06]** và chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi, nhóm/lớp và được thực hiện đầy đủ như: kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, ngày của lớp phù hợp với điều kiện của trường, nhóm/lớp, nhu cầu và khả năng nhận thức của trẻ tại các lớp/nhóm. Kế hoạch giáo dục của các lớp đều được CBQL và tổ trưởng phê duyệt theo tuần, tất cả GV thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động trong ngày đảm bảo các mục tiêu, nội dung của Chương trình GDMN nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện **[H1-1.8-02]**. Tuy nhiên, còn một số GV chọn mục tiêu quá nhiều trong 1 chủ đề dẫn đến đánh giá không hết mục tiêu đã chọn vào cuối chủ đề.

c) Kế hoạch giáo dục của các lớp được PHT phụ trách công tác chuyên môn và các tổ CM kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tuần để giáo viên kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phù hợp với từng hoạt động nhằm mang lại hiệu quả trong công tác ND, CS&GD trẻ **[H1-1.8-02]**. Đồng thời, thông qua đánh giá trẻ cuối ngày, cuối chủ đề, … GV điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với nhận thức của trẻ **[H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]**. Hàng tháng, nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục kịp thời qua các tiết dự giờ, thao giảng **[H1-1.7-07]**; qua sinh hoạt CM của nhà trường, của tổ CM **[H1-1.4-07]; [H1-1.7-08]**; qua kiểm tra các hoạt động ND, CS&GD trẻ; kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo, kiểm tra giờ ăn, giờ ngủ **[H1-1.6-07]**, ... Từ đó, có giải pháp điều chỉnh kịp thời kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với nhận thức của trẻ, của lớp, của nhà trường và của địa phương trong một vài năm học khi có sự thay đổi **[H1-1.8-04]**.

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động ND, CS&GD trẻ đạt hiệu quả như: chỉ đạo bộ phận CM, bán trú, tổ CM xây dựng kế hoạch kiểm tra đột xuất, kiểm tra thường xuyên các hoạt động ND, CS&GD **[H1-1.8-05]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07].** Đưa vào kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động sư phạm nhà giáo, hàng năm đều đạt kết quả tốt **[H1-1.6-07]**, kiểm tra các giờ ăn, giờ ngủ, dự giờ giáo viên, dự thao tác của cấp dưỡng để đánh giá việc ND, CS&GD **[H1-1.7-07]**. Qua đó, năng lực CM của GV được nâng lên thể hiện qua kết quả các hội thi được các cấp có thẩm quyền tổ chức đánh giá và công nhận. Cuối mỗi năm học trường được các cấp có

thẩm quyền đánh giá xếp loại trường đạt tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt tập thể lao động tiên tiến **[H1-1.2-15]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và các lớp phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của trường, của lớp/nhóm. Kế hoạch giáo dục được giáo viên triển khai thực hiện đầy đủ theo năm, tháng, tuần, ngày đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Hàng tháng, có tổ chức rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục thông qua sinh hoạt CM, qua dự giờ, thao giảng, qua kiểm tra các hoạt động ND, CS&GD trẻ, ... Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động ND, CS&GD trẻ được đánh giá tốt qua kết quả các hội thi, xếp loại tập thể cuối năm của các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chọn mục tiêu quá nhiều trong 1 chủ đề dẫn đến đánh giá không hết mục tiêu đã chọn và cuối chủ đề hiện ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, CBQL nhà trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường MN, thực hiện tốt hơn nữa công tác kiểm tra nội bộ, thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động ND, CS&GD trẻ trong nhà trường; theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận thực hiện để hoạt động ND, CS&GD của nhà trường luôn đạt hiệu quả.

Đầu năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với các quy định hiện hành; căn cứ vào kết quả thực hiện của năm trước, rút kinh nghiệm những vấn đề còn tồn tại, hạn chế; căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường để xây dựng các loại kế hoạch năm học và kế hoạch hoạt động của các bộ phận ngày càng có chất lượng, thiết thực, phù hợp. Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục một cách phù hợp. Tăng cường thao giảng, dự giờ bồi dưỡng nâng cao năng lực CM cho GV, kiểm tra các thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi tối thiểu, tăng cường chỉ đạo GV làm các đồ dùng tự tạo phục vụ giảng dạy nâng cao CLGD. Nhà trường tăng cường hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu phù hợp với từng chủ đề, đảm bảo tính vừa sức và khả thi. Tổ chức sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học, trao đổi, góp ý để GV lựa chọn, điều chỉnh mục tiêu sát với thực tế lớp học. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, hỗ trợ kịp thời nhằm giúp giáo viên thực hiện đánh giá đầy đủ các mục tiêu đã đề ra, nâng cao chất lượng CS, ND&GD.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, vào đầu mỗi năm học việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế làm việc đến các hoạt động của nhà trường trong hội nghị công chức - viên chức luôn được nhà trường chú trọng và tạo điều kiện cho tất cả CBQL, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong các hoạt động của cơ sở giáo dục công lập **[H1-1.3-07]**. Trong các cuộc họp toàn thể CBQL, GV, NV hàng tháng, nhà trường có tổ chức thảo luận, đóng góp ý kiến cho kế hoạch hoạt động trong tháng. Mọi ý kiến của CBQL, GV, NV đều được ghi nhận, xem xét trả lời thỏa đáng và đó là cơ sở để điều chỉnh các kế hoạch của nhà trường một cách hợp lý **[H1-1.6-05]**. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV, NV mới, GV, NV ngại phát biểu chưa mạnh dạn tham gia thảo luận, xây dựng, đóng góp ý kiến trong các hội nghị và trong các cuộc họp của nhà trường.

b) Quy chế dân chủ luôn được áp dụng thực hiện trong mọi vấn đề một cách công khai, rõ ràng, minh bạch, đảm bảo các quyền của CBQL, GV, NV theo quy định, các chế độ CS, ND&GD, cũng như các khoản đóng góp của cha mẹ trẻ đều được công khai theo quy định. Nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp công dân và phân công lịch trực tiếp dân để tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, … Khi CMT, CBQL, GV, NV có ý kiến phản ánh, đóng góp thì HT có giải pháp giải quyết kịp thời đảm bảo theo quy định **[H1-1.9-01]**. Trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CMT và CBQL, GV, NV thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường **[H1-1.9-02]**.

c) Hàng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT, hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập **[H1-1.9-03]**. Định kỳ hàng năm, nhà trường có thực hiện báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường gửi các cấp quản lý có liên quan và công khai theo quy định **[H1-1.9-04]**.

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường triển khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, cụ thể như: Trước tháng 6/2025, Ban TTND nhà trường thực hiện các biện pháp và cơ chế giám sát việc tuyển dụng, sử dụng và thực hiện các chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hằng năm của nhà trường, công tác tài chính, quản lý và sử dụng tài sản; xây dựng CSVC của nhà trường; việc thu chi các khoản đóng góp của người học, các khoản tài trợ cho nhà trường, thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường; việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, người học trong trường, việc giải quyết

khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường… **[H1-1.9-02]**. Ngoài ra, các thành viên trong HĐT tham gia giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường **[H1-1.1-08]**. Nhà trường thực hiện tốt công tác công khai theo quy định, các nội dung công khai được thể hiện ở bản tin hoặc website của trường để mọi thành viên đều có trách nhiệm giám sát các hoạt động của trường. Để từ đó, hoạt động của từng bộ phận trong nhà trường đi vào nề nếp **[H1-1.9-05]**. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường đảm bảo có hiệu quả. CBQL, GV, NV được tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp tại cuộc họp, đóng góp gián tiếp qua hộp thư góp ý, đường dây nóng đã công khai...**[H1-1.6-05]**; **[H1-1.9-06]**. Qua đó, đã giúp nhà trường xây dựng nội bộ đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong từng năm học **[H1-1.1-03]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng và tạo điều kiện cho tất cả CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế làm việc đến các hoạt động của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại, tố cáo của CBQL, GV, NV trong trường và cha mẹ trẻ. Định kỳ hàng năm, trường báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong trường gửi lãnh đạo cấp trên và công khai theo quy định. Ban TTND giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cùng với CBQL, GV, NV để vấn đề thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, thực hiện tốt quy chế dân chủ, đoàn kết nội bộ trong nhà trường.

Trong các cuộc họp Ban giám hiệu nhà trường phối hợp các tổ trưởng tổ khối, với đoàn TNCSHCM động viên, khuyến khích số ít GV, NV mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường. Hàng tháng, thông qua các cuộc họp, HT nhà trường phối hợp với các bộ phận có liên quan tổ chức đánh giá kết quả hoạt động, từ đó lắng nghe ý kiến đóng góp của các cá nhân về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, từ đó có những biện pháp để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại trường. Khuyến khích, quan tâm và tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV được trình bày ý kiến trong mọi lĩnh vực hoạt động của trường để xây dựng trường ngày một tốt hơn. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Tiếp tục duy trì, phát huy vai trò giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của CBQL, GV, NV trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường luôn thực hiện đảm bảo quy định về an ninh trật tự (ANTT), nhà trường có xây dựng các kế hoạch, phương án đảm bảo ANTT theo năm học và triển khai thực hiện đảm bảo theo kế hoạch, phương án đã đề ra **[H1-1.10-01]**. Ngoài ra, nhà trường còn phân công nhân viên bảo vệ trực 24/24 giờ, phân công CBQL, GV, NV trực trong các dịp nghỉ lễ, tết để bảo đảm ANTT và và không để xảy ra mất mát tài sản trong nhà trường **[H1-1.7-04]**; **[H1-1.10-02]**.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) luôn được thực hiện đảm bảo theo quy định, vào đầu mỗi năm học nhà trường luôn lựa chọn những cửa hàng cung cấp thực phẩm đủ tiêu chuẩn, có uy tín, có chất lượng, có đủ tư cách pháp nhân và thực hiện đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng theo quy định **[H1-1.10-03]**, thực hiện nghiêm túc việc kiểm thực ba bước đúng theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống **[H1-1.10-04]**. Thực hiện tốt công tác đảm bảo VSATTP theo quy định bếp một chiều. Trong những năm qua, nhà trường có xây dựng kế hoạch đảm bảo VSATTP và luôn đảm thực hiện đúng quy định về VSATTP, không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm trong nhà trường **[H1-1.10-05]**; **[H1-1.1-03]**.

Đối với công tác phòng, chống cháy nổ, nhà trường luôn đảm bảo các quy định về đảm bảo an toàn, không để xảy ra cháy, nổ tại trường trong 05 năm qua **[H1-1.1-03]**. Nhà trường đã xây dựng phương án, kế hoạch và thực hiện hồ sơ phòng cháy, chữa cháy (PCCC) theo quy định. Các thành viên trong đội PCCC được tập huấn và được cấp giấy chứng nhận của Công an tỉnh Bình Phước (cũ) **[H1-1.10-06]**. Nhà trường trang bị đầy đủ bình chữa cháy, thiết bị báo cháy tự động, thiết bị chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, lối thoát hiểm và được bố trí tại một số khu vực dễ thấy, dễ lấy trong nhà trường **[H1-1.10-07]**. Trong các năm học 2022 - 2023, 2025 - 2026 nhà trường được Công an tỉnh Bình Phước, Công an tỉnh Đồng Nai, kiểm tra công tác PCCC đạt kết quả tốt.

Công tác đảm bảo an toàn, phòng, chống thảm họa, thiên tai luôn được đảm bảo theo quy định. Nhà trường xây dựng và thực hiện đảm bảo kế hoạch an toàn, phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu theo năm học **[H1-1.10-08]**.

Để phòng tránh nguy cơ các dịch bệnh có thể xảy ra, nhà trường đã xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho từng năm học, đưa ra các nội dung như: chú trọng vệ sinh môi trường, vệ sinh nhóm lớp sạch sẽ, đảm bảo cho trẻ rửa tay bằng xà phòng. Đồng thời, phối hợp với Trung tâm Y tế khu vực Đồng Xoài, điểm Trạm y tế Tân Đồng để có biện pháp phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền một số bệnh thường gặp qua bảng tuyên truyền và lồng ghép vào các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ hằng ngày và được thực hiện hiệu quả tại đơn vị, vì thế không để dịch bệnh xảy ra trong phạm vi nhà trường **[H1-1.10-09]**; **[H1-1.10-10]**.

Hàng năm, nhà trường tổ chức cho CBQL, GV, NV đăng ký không vi phạm tệ nạn xã hội, nên nhiều năm qua không có CBQL, GV, NV vi phạm tệ nạn xã hội **[H1-1.10-11]**; **[H1-1.1-03]**.

Công tác phòng, chống bạo lực, bạo hành được nhà trường quan tâm, chú trọng, hàng năm có xây dựng kế hoạch phòng chống bạo lực và thực hiện chuyên đề "Phòng chống bạo hành trẻ trong cơ sở GDMN" nhằm đảm bảo không để xảy ra bạo lực, bạo hành trong nhà trường **[H1-1.4-12]**; **[H1-1.10-12]**; **[H1-1.10-13]**.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch trường học an toàn, phòng, chống tai nạn nạn thương tích theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN phù hợp với trường, lớp, địa phương; thường xuyên kiểm tra CSVC trong nhà trường để sửa chữa hư hỏng, nhằm kịp thời phát hiện những nguy cơ gây mất an toàn và các nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cho trẻ **[H1-1.10-14]**. Hàng năm thực hiện báo cáo đầy đủ, trong 05 năm qua nhà trường không có trường hợp mất an toàn, tai nạn thương tích xảy. **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.10-15]**.

b) Trường trang bị hộp thư góp ý để ở nơi thuận tiện, cha mẹ trẻ dễ nhìn thấy **[H1-1.9-06],** có dán thông báo số điện thoại của Ban giám hiệu, địa chỉ email, địa chỉ website, tên tài khoản facebook của trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, cha mẹ trẻ khi có vấn đề cần trao đổi. Trang bị camera an ninh kết nối và lưu số điện thoại của công an phường, đồng thời bảo vệ trực 24/24 giờ, nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho CBQL, GV, NV. Thông báo cho CMT về quy định, nội quy nhà trường, giờ giấc đón trả trẻ, không để người lạ vào trường tùy tiện, đón trả trẻ đúng người thân, ai đến liên hệ công việc phải có báo trước, giữ mối liên hệ chặt chẽ với Công an phường Bình Phước để kịp thời phối hợp khi có dấu hiệu nghi ngờ mất ANTT, … **[H1-1.10-01]**.

c) Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, không có hành vi bạo lực học đường, không vi phạm các quy định của pháp luật về bình đẳng giới. Tập thể sư phạm luôn đề cao sự công bằng, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho tất cả trẻ được tham gia bình đẳng vào các hoạt động học tập và vui chơi. Đội ngũ CBQL, GV, NV trong nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ với tinh thần yêu thương, tận tâm, trách nhiệm. Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em dân tộc thiểu số. Qua đó, nhà trường đã tạo dựng được niềm tin đối với

CMT, đồng thời hình thành cho trẻ tâm lý vui vẻ, tự tin khi đến trường, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD toàn diện. **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.10-16]**.

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn CBQL, GV, NV về việc thực hiện các phương án đảm bảo ANTT; VSATTP; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường, thông qua một số hình thức phổ biến như: lồng ghép thông qua các cuộc họp hội đồng **[H1-1.6-05]** và qua bảng tuyên truyền, bảng tin của nhà trường **[H1-1.10-17]**. Hàng năm, đội ngũ nhân viên nấu ăn được tập huấn về công tác VSATTP theo quy định **[H1-1.10-18]**. Đối với trẻ, việc phổ biến, hướng dẫn các nội dung về an toàn phòng chống tai nạn thương tích; phòng, chống dịch bệnh, … được lồng ghép vào các hoạt động giáo dục cho trẻ hàng ngày, để trẻ biết cách phòng chống tai nạn thương tích, không để xảy ra trường hợp mất an toàn. Tuy nhiên, do trẻ còn nhỏ nên việc tự phòng, tránh các tai nạn thương tích còn hạn chế **[H1-1.8-02].** Ngoài ra CBQL, GV, NV của nhà trường được tham gia tập huấn, tuyên truyền công tác PCCC, cứu nạn cứu hộ được cấp giấy chứng nhận (Công an tỉnh Bình Phước tổ chức năm 2023). Trong các năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tập huấn, diễn tập một một số kỹ năng PCCC cho CBQL, GV, NV và trẻ. **[H1-1.10-19]**.

b) Nhà trường duy trì thực hiện công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất thông qua nhiều hình thức như: lấy ý kiến từ CBQL, GV, NV, CMT; đồng thời tăng cường quan sát, trao đổi trực tiếp với trẻ tại các lớp/ nhóm nhằm kịp thời nắm bắt tình hình. Qua đó, nhà trường chủ động phát hiện, đánh giá và xử lý các thông tin, biểu hiện có liên quan đến bạo lực học đường, mất an toàn và an ninh trật tự. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, nhà trường kịp thời chỉ đạo GV, NV thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả, đồng thời khắc phục ngay những hạn chế (nếu có), không để phát sinh các vấn đề ảnh hưởng đến môi trường giáo dục. Nhờ đó, trong những năm qua, nhà trường luôn đảm bảo ANTT, không xảy ra các vụ việc bạo lực học đường, bạo hành trẻ em, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện. **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.10-01]**; **[H1-1.10-13]**.

2. Điểm mạnh

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn thực hiện đảm bảo quy định về ANTT; VSATTP; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và CBQL, GV, NV.

3. Điểm yếu

Trẻ còn nhỏ nên việc tự phòng tránh các tai nạn thương tích còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm tiếp theo, HT tiếp tục chỉ đạo thành viên BGH xây dựng các biện pháp để đảm bảo ANTT, an toàn, phòng chống TNTT, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và CBQL, GV, NV. Tăng cường công tác phối hợp với CMT trong việc phòng chống dịch bệnh và vệ sinh cá nhân trẻ.

Hàng năm, HT phân công nhân viên bảo vệ phối hợp cùng với giáo viên xây dựng môi trường đảm bảo thân thiện, an toàn cho trẻ. Tiếp tục cử GV, NV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do các cấp tổ chức và triển khai đến CBQL, GV, NV kiến thức về phòng chống cháy nổ, phòng tránh dịch bệnh và phòng chống thiên tai trong năm học.

Hàng năm, PHT phụ trách công tác bán trú chỉ đạo GV chủ nhiệm các lớp để theo dõi sức khỏe trẻ ở lớp để nắm bắt kịp thời các trường hợp trẻ bị bệnh theo mùa như: cúm, đau mắt đỏ, tay - chân - miệng, ... có biện pháp phòng tránh để tránh lây lan cho các trẻ khác. Đồng thời, hướng dẫn GV tuyên truyền các hình ảnh, bài viết về các bệnh theo mùa ở bản tin của lớp để CMT xem và biết cách phòng tránh cho trẻ.

Hiệu trưởng phân công bảo vệ thường xuyên kiểm tra CSVC, đồ dùng, đồ chơi xung quanh sân trường, giáo viên kiểm tra đồ dùng đồ chơi trong và ngoài lớp, để phát hiện và kịp thời xử lý những dấu hiệu gây mất an toàn cho trẻ.

Ngay từ đầu năm học, PHT phụ trách công tác chuyên môn hướng dẫn giáo viên thường xuyên đưa vào kế hoạch giáo dục các nội dung phòng chống tai nạn thương tích lồng ghép vào các hoạt động trong ngày sao cho phù hợp và mỗi tuần thiết kế một hoạt động riêng có nội dung về phòng chống tai nạn thương tích và đảm bảo an toàn cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có xây dựng Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Bình Phước và các nguồn lực thực tế hiện có của nhà trường. Nhà trường có các giải pháp cụ thể để giám sát, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường các giai đoạn. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được rà soát, đánh giá và có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Quá trình xây dựng các Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường; của CBQL, GV, NV trong toàn trường; CMT; cộng đồng. Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định hiện hành. Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Hoạt động của các hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá để điều chỉnh và có giải pháp thực hiện hiệu quả, phối hợp với nhà trường trong các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ trong nhà trường. Nhà trường có Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể gồm Công đoàn (Công đoàn đến tháng 6/2025) và Chi đoàn, đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Các đoàn thể đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả và thiết thực cho các hoạt động của nhà trường, của cộng đồng, địa phương. Vì vậy, hàng năm, Công đoàn và Chi đoàn đều được cấp trên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong 05 năm qua, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường có đủ HT và số lượng các PHT, các tổ CM và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hàng năm, các tổ CM đề xuất và thực hiện hiệu quả các chuyên đề trong năm có tác dụng nâng cao CLGD. Đặc biệt, các tổ CM đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề CM góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD. Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo theo quy định, đặc biệt là tuyển sinh trẻ 05 tuổi đảm bảo theo yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 05 tuổi. Tất cả trẻ đến trường đều được học 2 buổi/ngày.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định, không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản. HSSS của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định. Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản định kỳ và đột xuất về cấp trên theo quy định. Có xây dựng kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với mục tiêu, nội dung Chương trình GDMN, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ. Nhiều năm qua, nhà trường luôn đảm bảo quy định về ANTT; VSATTP; an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích; không để xảy ra cháy nổ, dịch bệnh; luôn đảm bảo việc phòng chống bạo lực học đường, phòng chống các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

- Điểm yếu cơ bản:

Trong quá trình giám sát kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, một số thành viên trong HĐT đôi khi chưa sâu sát trong quá trình giám sát, do thời gian dành cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ chiếm nhiều thời gian, kiêm nhiệm nhiều công việc chuyên môn và quản lý nên thời gian dành cho hoạt động giám sát còn hạn chế.

Trong một số năm, thành phần của Hội đồng trường và các hội đồng khác có sự thay đổi do một số thành viên nghỉ hưu, lớn tuổi, dẫn đến việc kiện toàn nhân sự cần có thời gian để ổn định. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính liên tục trong quá trình tham gia quản lý, điều hành và triển khai một số hoạt động của các hội đồng.

Chi đoàn còn gặp một số khó khăn khi huy động các đoàn viên tham gia phong trào, do 100% đoàn viên trong Chi đoàn là nữ và đang tuổi sinh đẻ, số lượng đoàn viên ít.

Cách sắp xếp lưu trữ một số bộ hồ sơ của tổ văn phòng chưa khoa học do nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư.

Năm học 2021 - 2022 số trẻ ít hơn so với quy định do dịch Covid-19 bùng phát. Có một vài năm trẻ ở một vài lớp có vượt so với quy định. Do số trẻ trên địa bàn tăng, số lượng giáo viên của trường không đáp ứng được nhu cầu mở thêm lớp. Nhằm tạo điều kiện cho các cháu được đến trường và phục vụ công tác phổ cập giáo dục mầm non nên nhà trường có nhận trẻ ở một vài lớp có vượt so với quy định.

Nhà trường chưa có dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

Trường có một số giáo viên mới hợp đồng chưa có nhiều kinh nghiệm, còn gặp một số khó khăn trong việc tổ chức linh hoạt các phương pháp dạy học mới, chưa tự tin giao tiếp với CMT

Một số giáo viên chọn mục tiêu quá nhiều trong 1 chủ đề dẫn đến đánh giá không hết mục tiêu đã chọn và cuối chủ đề hiện ra.

Vẫn còn một số ít giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

Trẻ còn nhỏ nên việc tự phòng tránh các tai nạn thương tích còn hạn chế.

- Tổng số tiêu chí: 10 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 2: CBQL, GV, NV và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em là yếu tố quan trọng, quyết định chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo và từng bước nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

Trường MN Hướng Dương có đội ngũ CBQL sáng tạo, nhiệt huyết, năng động, có năng lực quản lý và và tổ chức tốt các hoạt động trong nhà trường được giáo viên, nhân viên và CMT tín nhiệm; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường theo quy định. Đội ngũ giáo viên tâm huyết, yêu nghề, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; nhân viên thực hiện đầy đủ chức trách được giao, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. CBQL của nhà trường có trình độ chuyên môn trên chuẩn và trình độ đại học, sau đại học về nghiệp vụ quản lý; được đào tạo trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Hàng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo các văn bản quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT, PHT được đánh giá chuẩn HT, PHT đều đạt mức tốt.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý và theo dõi sự phát triển của trẻ; bảo đảm các quyền của trẻ theo quy định; tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Trường có đội ngũ GV năng động, nhiệt huyết, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tính tới thời điểm tự đánh giá (tháng 6/2026), GV có trình độ trên chuẩn là 29/30 người, đạt chuẩn là 01/30 người. Trong 05 năm qua, có 100% GV đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên, GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt đạt tỷ lệ cao. Trường có đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu các hoạt động ND, CS&GD trẻ. Nhà trường bố trí, phân công công việc cho NV phù hợp với vị trí việc làm, năng lực và trình độ đào tạo, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tạo mọi điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với chức danh. 100% nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

Căn cứ các yêu cầu của Tiêu chuẩn 2, nhà trường tiến hành tự đánh giá các tiêu chí nhằm xác định mức độ đáp ứng, những điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp trong thời gian tới.

Tiêu chí 2.1*: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.*

Mức 1

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 2 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong chu kỳ đánh giá, nhà trường có HT và 02 PHT đạt tiêu chuẩn theo quy định: Hiệu trưởng là bà Trương Thị Ngọc Thủy và 02 Phó Hiệu trưởng là bà Trịnh Thị Mỹ Hiếu và bà Bùi Thị Minh Thùy đều có bằng Đại học sư phạm MN **[H2-2.1-01]**. Hiệu trưởng có bằng Đại học Quản lý giáo dục và các PHT đều có bằng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý giáo dục **[H2-2.1-02]**; có trình độ Trung cấp lý luận chính trị **[H2-2.1-03]**, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4 **[H2-2.1-04]**, có trình độ tin học và ngoại ngữ đáp ứng theo vị trí việc làm **[H2-2.1-05]**. Hiệu trưởng, các PHT có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và có đủ sức khỏe **[H2-2.1-06]**; **[H2-2.1-07]**.

Chỉ báo b Mức 1; chỉ báo a Mức 2 và Mức 3

Từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026, nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong 05 năm qua, có 02 năm cá nhân CBQL tự đánh giá, 02 năm được phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đồng Xoài (cũ) và 1 năm Phòng VH-XH phường Bình Phước đánh giá. Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng và chuẩn phó hiệu trưởng đều đạt từ mức tốt, cụ thể như sau **[H2-2.1-08]**:

- Kết quả tự đánh giá của cá nhân:

+ Năm học 2022 - 2023: HT và 02 PHT đạt mức tốt.

+ Năm học 2024 - 2025: HT và 02 PHT đạt mức tốt.

- Kết quả đánh giá phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đồng Xoài:

+ Năm học 2021 - 2022: HT và 02 PHT đạt mức tốt

+ Năm học 2023 - 2024: HT và 02 PHT đạt mức tốt

- Kết quả đánh giá Phòng Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bình Phước:

+ Năm học 2025 - 2026: HT và 02 PHT đạt mức tốt

Tuy nhiên khả năng sử dụng ngoại ngữ của HT và các PHT chỉ đạt ở mức khá chưa đạt mức tốt.

Chỉ báo c Mức 1:

Trong những năm qua, HT và các PHT của nhà trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức đầy đủ theo các văn bản triệu tập **[H1-1.7-02]**.

Chỉ báo b Mức 2:

Hiệu trưởng, các PHT đều có trình độ trung cấp lý luận chính trị **[H2-2.1-03]**. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng đều có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường theo nhiệm vụ của từng năm học, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công việc đang được đảm nhiệm, nhiệt tình, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm **[H2-2.1-06]**; **[H2-2.1-07]**.

2. Điểm mạnh

CBQL nhà trường đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Hiệu trưởng có trình độ Đại học sư phạm MN, Cử nhân Quản lý Giáo dục, trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Các PHT đều có trình độ Đại học sư phạm MN, Thạc sĩ quản lý Giáo dục, Trung cấp lý luận chính trị, có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, tận tụy với nghề và được tập thể tín nhiệm cao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT và các PHT được phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đồng Xoài (cũ) đánh giá đạt mức tốt, 1 năm được phòng Văn hóa - Xã hội phường Bình Phước đánh giá đạt ở mức tốt, trong đó có 02 năm cá nhân CBQL tự đánh giá đạt mức tốt.

3. Điểm yếu

Tiêu chí về khả năng sử dụng ngoại ngữ của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng chỉ đạt ở mức khá chưa đạt mức tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm tiếp theo, CBQL trường tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đã đạt được; đồng thời tăng cường công tác tự đánh giá theo hướng thường xuyên, sâu sát từng tiêu chí. Căn cứ kết quả đánh giá, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, phù hợp với từng nội dung còn hạn chế, đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả. Chủ động xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ thông qua các khóa học phù hợp, đồng thời tăng cường tự học qua các tài liệu, ứng dụng công nghệ. Từng bước vận dụng ngoại ngữ trong công tác quản lý và giao tiếp chuyên môn nhằm nâng cao năng lực, phấn đấu đạt mức tốt trong những năm tiếp theo.

Hiệu trưởng tổ chức đánh giá chuẩn HT, PHT theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDMN và Điều 7 Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2026 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và theo dõi việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nhằm kịp thời điều chỉnh, khắc phục triệt để các tiêu chí chưa đạt mức cao. CBQL chủ động tự học, tự rèn, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo theo quy định của Chính phủ

và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương";

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong 05 năm qua đến thời điểm tự đánh giá, số lượng giáo viên/lớp của nhà trường đảm bảo theo quy định, hợp lý về cơ cấu đảm bảo để thực hiện Chương trình GDMN theo quy định như sau **[H1-1.7-04]**

- Năm học 2021 - 2022: Tổng số giáo viên là 27 giáo viên/13 lớp, đạt 2,07 giáo viên/ lớp;

- Năm học 2022 - 2023: Tổng số giáo viên là 28 giáo viên/13 lớp, đạt 2,15 giáo viên/ lớp;

- Năm học 2023 - 2024: Tổng số giáo viên là 28 giáo viên/13 lớp, đạt 2,15 giáo viên/ lớp;

- Năm học 2024 - 2025: Tổng số giáo viên là 28 giáo viên/13 lớp, đạt 2,15 giáo viên/ lớp;

- Năm học 2025 - 2026: Tổng số giáo viên là 30 giáo viên/14 lớp, đạt 2,14 giáo viên/ lớp;

b) Đến thời điểm tự đánh giá (tháng 6/2026), giáo viên có trình độ Đại học sư phạm MN là 29/30 người, tỷ lệ 96,7%; giáo viên có trình độ Cao đẳng sư phạm MN là 01/30 người, tỷ lệ 3,3% **[H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].**

Chỉ báo c Mức 1, chỉ báo a Mức 2 và Mức 3

Trong những năm qua, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT có 100% giáo viên đạt từ mức khá trở lên, không có giáo viên không đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN **[H2-2.2-03]**, cụ thể như sau:

Năm học	Số lượng giáo viên	Kết quả đạt từ mức đạt trở lên *(bao gồm mức đạt, khá, tốt)*	Kết quả đạt từ mức khá trở lên *(bao gồm mức khá, tốt)*	Kết quả cụ thể từng mức			Ghi chú
				Mức đạt	Mức khá	Mức tốt	
2021 -2022	27	27/27 100%	27/27 100%	0	07/27 25,9 %	20/27 74,1%	Nhà trường đánh giá
2022 -2023	27	27/27 100%	27/27 100%	0	01/27 3,7%	26/27 96,3%	Tự đánh giá
2023 -2024	28	28/28 100%	28/28 100%	0	03/28 10.7 %	25/28 89,3%	Nhà trường đánh giá tổng số 29 GV, trường có 1 GV mới hợp đồng tháng 04/2024 chưa đủ thời gian đánh giá;
2024 -2025	28	28/28 100%	28/28 100%	0	0	28/28 100%	Tự đánh giá
2025 -2026	30	30/30 100%	30/30 100%	0	07/30 23,3 %	23/30 76,7%	Nhà trường đánh giá

Chỉ báo b Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H2-2.2-04]; [H1-1.1-03]**.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, nhà trường có đội ngũ GV đủ về số lượng (đạt từ 02 giáo viên/ lớp), hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Có đến 5 năm học, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt đạt từ 71,4% đến 100%. Tính đến tháng 6/2026, nhà trường có 29/30 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, đạt tỷ lệ 96,7%, giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 01/30 giáo viên, đạt tỷ lệ 3,3% (tính theo Luật Giáo dục 2019). Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Đa số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, HT tiến hành rà soát đội ngũ GV nhằm đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu theo quy định, cùng với tập thể CB-GV phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực hơn nữa trong công tác ND, CS&GD trẻ.

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, CBQL tiếp tục động viên, tạo điều kiện tốt nhất cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ đào tạo (đối với 01 GV đang có trình độ Cao đẳng Sư phạm MN) nhằm nâng cao tỷ lệ GV có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 100%. Tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn; khuyến khích tự học, tự rèn thông qua các tài liệu, ứng dụng học tập. Đồng thời, lồng ghép việc sử dụng ngoại ngữ trong một số hoạt động giáo dục phù hợp nhằm giúp GV từng bước nâng cao kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của tiêu chí.

Trong năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, CBQL nhà trường tiếp tục các biện pháp duy trì và phát huy điểm mạnh, nâng cao chất lượng trong đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá đúng thực chất, khách quan, căn cứ vào quá trình giảng dạy, quá trình tham gia các phong trào, sự phối hợp với đồng nghiệp, với CMT, quá trình tự rèn, tự bồi dưỡng của giáo viên và đặc biệt là quá trình tổ chức các hoạt động ND, CS&GD trẻ, tổ chức đánh giá theo đúng quy trình và lưu hồ sơ đầy đủ theo quy định nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trong nhà trường, đảm bảo dân chủ, công khai, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cũng như tạo điều kiện để giáo viên phấn đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu GDMN trong tình hình mới. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tiếp tục thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo, nội quy, quy chế đơn vị, … Phấn đấu không để xảy ra bất cứ hình thức kỷ luật nào đối với giáo viên tại nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong những năm qua, nhà trường có đội ngũ nhân viên tương đối đáp ứng nhu cầu ND, CS&GD trẻ. Đến thời điểm tự đánh giá (tháng 6/2026), trường có 12 nhân viên, trong đó: có 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư (biên chế), 01 nhân viên y tế kiêm thủ quỹ (biên chế), 07 nhân viên nấu ăn, 01 nhân viên phục vụ và 02 nhân viên bảo vệ được hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên một số chức danh về nhân viên không được cấp trên bố trí nên nhà trường đã chủ động phân công nhân viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ theo quy định như là nhân viên cấp dưỡng phụ trách công tác bán trú, nhân viên y tế kiêm thủ quỹ, nhân viên kế toán kiêm văn thư lưu trữ **[H1-1.7-04]**; **[H2-2.3-01]**.

b) Vào đầu năm học, HT phân công công việc cho NV trong trường hợp lý, phù hợp theo năng lực, cụ thể như sau: NV kế toán thực hiện thu chi và báo cáo tài chính, tài sản kiêm nghiệm công tác văn thư phát hành, nhận và lưu trữ công văn; NV y tế học đường nên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ; NV bảo vệ thực hiện các công việc trực cổng, kiểm soát mọi đối tượng ra vào trường, bảo vệ CSVC, tài sản của nhà trường; NV nấu ăn phụ trách nấu ăn đảm bảo VSATTP theo đúng quy trình bếp ăn một chiều; NV phục vụ quét dọn các phòng làm việc, hành lang khu hiệu bộ. **[H1-1.7-04]**.

c) Đội ngũ nhân viên biên chế và hợp đồng của nhà trường đều nhiệt tình trong công việc, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường MN, kết quả xếp loại chất lượng cuối năm học đều đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có nhân viên không hoàn thành nhiệm vụ **[H2-2.2-04]**.

Mức 2:

a) Đến thời điểm tự đánh giá (tháng 6/2026), nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập, cụ thể: tổng số nhân viên là 12 người, trong đó: 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 07 nhân viên nấu ăn trong đó phân công 01 nhân viên nấu ăn kiêm nhiệm công tác bán trú **[H1-1.7-04]; [H2-2.3-01]**.

b) Trong 05 năm liên tiếp, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật với bất kỳ hình thức nào **[H1-1.1-03]; [H2-2.2-04]**.

Mức 3:

a) Đến thời điểm tự đánh giá (tháng 6/2026), nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo cơ bản đáp ứng được vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư có bằng cử nhân kế toán; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ, 01 nhân viên y tế học đường kiêm thủ quỹ, có bằng trung cấp y sĩ; 01 nhân viên cấp dưỡng kiêm nhiệm công tác bán trú có bằng cử nhân kế toán **[H2-2.3-01]**; **[H2-2.3-02]**. Tuy nhiên, còn 01 nhân viên nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn; 01 bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ theo quy định; 1 nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ thủ quỹ.

b) Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, cụ thể: nhân viên kế toán được tham gia đầy

đủ các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ kế toán, nhân viên y tế được tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ y tế **[H1-1.7-02]**, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng về kiến thức VSATTP do Trung tâm Y tế khu vực Đồng Xoài và nhà trường tổ chức **[H1-1.10-18]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp, hợp lý theo chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi cá nhân; cơ bản đảm bảo về số lượng theo điều kiện thực tế, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao. Các nhân viên luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và nội quy của nhà trường.

Nhân viên y tế, kế toán kiêm văn thư, cấp dưỡng và các vị trí khác đều có trình độ chuyên môn phù hợp, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác. Đội ngũ nhân viên có tinh thần đoàn kết, phối hợp tốt với cán bộ quản lý, giáo viên trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và thực hiện các hoạt động của nhà trường.

Các nhân viên thực hiện công việc đúng quy trình, góp phần bảo đảm các điều kiện về sức khỏe, dinh dưỡng, tài chính, hồ sơ, cơ sở vật chất và môi trường giáo dục an toàn, thân thiện cho trẻ. Trong 5 năm liên tiếp, 100% nhân viên đều được nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không có nhân viên bị xử lý kỷ luật với bất kỳ hình thức nào.

3. Điểm yếu

Nhà trường hiện có 01 nhân viên nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn; 01 bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ theo quy định; 1 nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ thủ quỹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2026 - 2027 và những năm học tiếp theo, HT tiếp tục phân công công việc phù hợp với năng lực của từng nhân viên để mỗi cá nhân phát huy hết năng lực, sở trường trong thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm phát triển nhà trường. Tạo điều kiện trang bị về phương tiện, điều kiện làm việc để các nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm học 2026 - 2027, HT tích cực phối hợp, tham mưu, đề xuất với phòng Văn hóa - Xã hội phường Bình Phước và các ban ngành có liên quan để mở lớp bồi dưỡng nghiệp tạo điều kiện cho 01 nhân viên nấu ăn tham gia học và hoàn thiện chứng chỉ nghề; 01 nhân viên bảo vệ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ; bố trí, bồi dưỡng nghiệp vụ thủ quỹ cho nhân viên y tế kiêm nhiệm nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu vị trí việc làm, kinh phí bồi dưỡng từ ngân sách Nhà nước và kinh phí tự túc cá nhân, dự kiến khoảng 5.000.000 đồng. Hiệu trưởng thường xuyên động viên nhân viên kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác (ngoài nhiệm vụ chính) cố gắng vượt qua khó khăn, tự học để đảm bảo có trình độ chuyên môn, đáp ứng công việc đảm nhiệm và ngày càng hoàn thành tốt hơn nữa các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện nhiệm vụ để kịp thời hỗ trợ, điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh nổi bật của trường:

Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có đủ CBQL, GV, NV theo quy định. Cán bộ quản lý năng động, sáng tạo, có ý thức tự bồi dưỡng để đạt được các yêu cầu theo chuẩn HT, PHT, được GV, NV tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT và các PHT đều được đánh giá chuẩn đạt mức tốt.

Đội ngũ GV, NV cơ bản đảm bảo về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ CM nghiệp vụ, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được phân công công việc phù hợp theo năng lực. 100% GV đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có 05 năm trong chu kỳ đánh giá, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt đạt từ 74,1% đến 100%. Tính đến thời điểm tự đánh giá (tháng 6/2026), nhà trường có 29/30 GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ 96,7%. 100% đội ngũ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV, NV bị kỷ luật với bất kỳ hình thức nào.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Khả năng sử dụng ngoại ngữ của HT và các PHT chỉ đạt ở mức khá chưa đạt mức tốt.

Đa số GV chưa đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc.

Nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ thủ quỹ, 01 NV bảo vệ chưa được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ, 01 NV nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn.

+ Tổng số tiêu chí : 3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

CSVC và thiết bị dạy học là một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển nhà trường. Trong trường MN, CSVC và trang thiết bị đầy đủ đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học thì chất lượng ND, CS&GD trẻ sẽ được duy trì ổn định và phát triển. Trường MN Hướng Dương chỉ có 01 cơ sở đóng tại khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai. Trong chu kỳ đánh giá, quy mô số lớp của nhà trường từ năm học 2021 2022 đến năm học 2024 - 2025 đều có 13 lớp; năm học 2025 - 2026 có 14 lớp. Tổng diện tích khu đất của trường là 10.421 m^2, đảm bảo bình quân tối thiểu cho một trẻ, mật độ sử dụng đất đảm bảo theo quy định, trong đó: diện tích xây dựng công trình không quá 40% và diện tích sân vườn không dưới 40%, diện tích giao thông nội bộ không dưới 20%. Công trình xây dựng trong nhà trường là kiên cố. Khối phòng hành chính quản trị có 06 phòng, đảm bảo đủ số phòng và diện tích sàn xây dựng theo quy định, được trang bị đầy đủ đồ dùng và các phương tiện để làm việc. Trường có 14 phòng ND, CS&GD trẻ, 01 phòng thư viện, 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 1 phòng giáo dục tin học ngoại ngữ. Khối phòng tổ chức ăn có bếp ăn và kho bếp đảm bảo theo

yêu cầu, bếp ăn được thiết kế theo quy trình bếp một chiều. Trường có đầy đủ các phòng thuộc khối phụ trợ. Trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục&Đào tạo và Bộ Y tế. Hạ tầng kỹ thuật về hệ thống điện, thông tin, liên lạc, kết nối internet... đều đảm bảo theo yêu cầu. Về tổng thể, CSVC của nhà trường đã đáp ứng tốt các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ ND, CS&GD trẻ theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hiện tại, Trường MN Hướng Dương chỉ có 01 cơ sở, đóng tại tổ 4, khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai, vị trí của trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương phường Bình Phước **[H3-3.1-01]**. Trường nằm trên khu vực đông dân cư, môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, CBQL, GV, NV. Tại nơi đây dân cư tập trung đông đúc, có kết nối giao thông đường liên phường, thông thoáng, thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em đến trường **[H3-3.1-02]**; **[H3-3.1-03]**. Nhà trường có trang bị đầy đủ bình chữa cháy, tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy bố trí tại một số khu vực trong nhà trường, an toàn trong sử dụng điện và các thiết bị điện, chất đốt… đảm bảo đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/20205 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn **[H1-1.10-06]**; **[H1-1.10-07]**.

b) Từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2024 - 2025, trường đều có quy mô là 13 lớp, năm học 2025 - 2026, trường có quy mô là 14 lớp đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.5-03]**.

c) Trường MN Hướng Dương có tổng diện tích đất là 10.421m^2. Bình quân tối thiểu đạt 23,7m^2 cho một trẻ em (tính trên 440 học sinh tại thời điểm tháng 5/2026) **[H3-3.1-02]**.

Đối với diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình của Trường MN Hướng Dương như sau **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]; [H3-3.1-06]:**

- Khối phòng hành chính quản trị, bao gồm:

+ 01 phòng hiệu trưởng: diện tích 22,3 m^2 (đạt so với diện tích quy định là từ 12 m^2 đến 15 m^2 tại mục 6.3.3 theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2021 về yêu cầu thiết kế trường mầm non hiện hành (sau đây gọi tắt là TCVN 3907:2021).

+ 02 phòng phó hiệu trưởng đều có diện tích đạt so với diện tích quy định mục 6.3.4 theo TCVN 3907:2021 (là từ 10 m^2 đến 12m^2) cụ thể: 01 phòng phó hiệu trưởng phụ

trách công tác bán trú có diện tích 22,3m^2. 01 phòng phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn có diện tích 22,3m^2

+ 01 văn phòng: diện tích 66,9m^2, đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.3.5 theo TCVN 3907:2021 (không nhỏ hơn 30m^2).

+ 01 phòng bảo vệ: diện tích 18m^2 (đảm bảo đạt so với diện tích quy định tại mục 6.3.11 theo TCVN 3907:2021 (là từ 9m^2 đến 12m^2).

+ 01 phòng dành cho nhân viên: được bố trí từ phòng ND, CS&GD trẻ dư): diện tích 48,56m^2 (chưa tính khu vệ sinh và kho bên trong phòng: 9,424m^2, nếu tính tổng diện tích phòng là 57,984m^2), đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.3.10 theo TCVN 3907:2021 (tiêu chuẩn tối thiểu 7m^2/người).

+ 02 khu vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV: diện tích 20,1m^2/khu đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.3.12 theo TCVN 3907:2021 (không nhỏ hơn 9 m^2/khu)

+ 01 khu để xe dành cho CBQL, GV, NV: diện tích 140m^2 có mái che bằng sắt đủ diện tích cho 100% CBQL, GV, NV để xe được quy định tại mục 6.3.15 theo TCVN 3907:2021 (tiêu chuẩn 3 m^2/xe)

- Khối phòng ND, CS&GD trẻ, bao gồm:

+ Phòng ND, CS&GD trẻ (bao gồm khu sinh hoạt chung cũng sử dụng làm nơi ăn ngủ cho trẻ): nhà trường có 02 dãy phòng ND, CS&GD trẻ, trong đó: các phòng ở dãy lầu 10 phòng học có diện tích là 78 m^2/phòng và các phòng ở lầu có 6 phòng học mỗi phòng có diện tích là 90m^2/phòng, diện tích các phòng này đều đảm bảo so với quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (24m^2 với nhóm trẻ, không nhỏ hơn 36m^2 đối với lớp MG)

+ Khu vệ sinh khép kín trong các phòng ND, CS&GD trẻ: ở dãy 10 phòng có diện tích là 15,6m^2 và ở dãy 6 phòng có diện tích là 18m^2, đảm bảo diện tích được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (không nhỏ hơn 12 m^2)

+ Hiên chơi, đón trẻ: chiều rộng thông thủy ở các dãy phòng ND, CS&GD trẻ từ từ 2,2m^2, đảm bảo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (chiều rộng không nhỏ hơn 2,1m^2)

+ Kho lớp trong các phòng ND, CS&GD trẻ: có diện tích là 7,68 m^2/kho (ở dãy 10 phòng lầu) và 9m^2 (ở dãy 6 phòng lầu), đảm bảo diện tích được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (6 m^2/kho).

+ 01 phòng giáo dục thể chất (được bố trí từ phòng ND, CS&GD trẻ dư): diện tích 90m^2 (chưa tính khu vệ sinh và kho bên trong phòng) đảm bảo diện tích theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (tối thiểu không nhỏ hơn 60 m^2)

+ 01 phòng giáo dục nghệ thuật: diện tích 66 m^2, đảm bảo diện tích theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (tối thiểu không nhỏ hơn 60 m^2)

+ 01 phòng thư viện (được bố trí từ phòng ND, CS&GD trẻ dư): diện tích 78m^2 (chưa tính khu vệ sinh và kho bên trong phòng), đảm bảo diện tích được quy định tại Phụ

lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (không nhỏ 48 m^2)

+ 01 phòng làm quen tin học, ngoại ngữ: diện tích 45,3m^2 đảm bảo diện tích được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (không nhỏ 40m^2/phòng).

+ Sân chơi: tổng diện tích 4.480m^2, bình quân 10,2m^2/trẻ (tính trên 440 trẻ vào tháng 5/2026), đảm bảo diện tích sân chơi bình quân tối thiểu/trẻ (1m^2/trẻ em nhà trẻ, 2 m^2/trẻ MG) được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT

- Khối phòng tổ chức ăn:

+ Nhà bếp: diện tích 134,4m^2, bình quân 0,30 m^2/trẻ (tính trên 440 trẻ vào tháng 5/2026) đảm bảo diện tích nhà bếp bình quân tối thiểu/trẻ (0,3 m^2/trẻ em) được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

+ Kho bếp với tổng diện tích 12, 2m^2, được phân chia thành:

Kho thực phẩm: diện tích 6,7m^2 (chưa đảm bảo diện tích theo quy định là 10 m^2/kho thực phẩm)

Kho lương thực: diện tích 5,5m^2 (chưa đảm bảo diện tích theo quy định là 12m^2/kho lương thực)

- Khối phòng phụ trợ: Khối phụ trợ của nhà trường đảm bảo đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT

+ 01 phòng họp (được bố trí chung với văn phòng của nhà trường): diện tích 66,9m^2, đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.3.5 theo TCVN 3907:2021 (không nhỏ hơn 30m^2)

+ 01 phòng y tế: diện tích 22,3m^2 , đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.3.8 theo TCVN 3907:2021 (không nhỏ hơn 10m^2)

+ 01 phòng kho (được bố trí từ phòng ND, CS&GD trẻ dư): diện tích 48,56m^2 (chưa tính khu vệ sinh và kho bên trong phòng: 9,424m^2, nếu tính tổng diện tích phòng là 57,984m^2), đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.3.9 theo TCVN 3907:2021 (không nhỏ hơn 40 m^2)

+ Sân vườn: 5.361.64m^2, bình quân 12,2m^2/trẻ (tính trên 440 trẻ vào tháng 5/2026), đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu/trẻ (3m^2/trẻ) đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.5.3.2 theo TCVN 3907:2021

2. Điểm mạnh

Vị trí Trường MN Hướng Dương phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương phường Bình Phước, môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em và CBQL, GV, NV; có kết nối giao thông thông thoáng, thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em đến trường; đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ theo quy định. Diện tích đất bình quân tối thiểu đạt 23,7m^2 cho một trẻ em vượt nhiều so với quy định. Diện tích sàn xây dựng một số hạng mục công trình như khối phòng hành chính quản trị, các phòng ND, CS&GD trẻ… đảm bảo theo quy định tối thiểu.

3. Điểm yếu

Kho thực phẩm: diện tích 6,7m^2 (chưa đảm bảo diện tích theo quy định là 10m^2/kho thực phẩm).

Kho lương thực: diện tích 5,5m^2 (chưa đảm bảo diện tích theo quy định là 12m^2/kho lương thực)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường tiếp tục phát huy và sử dụng có hiệu quả các công trình xây dựng hiện có. Thường xuyên giữ mối quan hệ với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và cộng đồng dân cư tại khu phố Tân Đồng 3 (vị trí đặt trường) để đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ em trong nhà trường.

Năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, CBQL nhà trường chỉ đạo các bộ phận duy trì và tận dụng các phòng ND, CS&GD trẻ còn dư để tiếp tục sử dụng làm các phòng giáo dục thể chất, thư viện để tránh lãng phí; phân công giáo viên bố trí, sắp xếp các khu vực trong các phòng sao cho hợp lý và thuận tiện khi hoạt động. Đối với các kho bếp, HT chỉ đạo PHT phụ trách công tác bán trú cùng với đội ngũ NV nấu ăn thường xuyên dọn dẹp, sắp xếp đồ dùng trong các kho bếp gọn gàng, ngăn nắp, lắp đặt thêm hệ thống kệ để đảm bảo đủ chỗ bố trí lương thực, thực phẩm trong các kho, dự kiến khoảng 10 triệu đồng từ nguồn thu phí học bán trú hoặc ngân sách Nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phụ trợ.

Mức 3

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ các phòng thuộc khối hành chính quản trị và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31

tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT cụ thể như sau: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 văn phòng trường; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng dành cho nhân viên và 02 khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV; 01 khu để xe cho CBQL, GV, NV **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**. Tất cả các phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị đều trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, máy móc, đồ dùng làm việc, như: phòng HT, phòng PHT có bàn ghế làm việc, máy vi tính, máy in, quạt, bàn ghế tiếp khách, tủ đựng HSSS; văn phòng trường có bàn ghế để tiếp khách, có quạt, có các bảng biểu, tủ sách pháp luật; phòng bảo vệ có tủ, quạt, bàn ghế, giường, đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; phòng dành cho NV có giường, gối, quạt, bàn ghế, tủ để đồ dùng cá nhân **[H1-1.6-09]**. 02 khu vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV bố trí theo các khối phòng hành chính quản trị, thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường, có phòng vệ sinh riêng cho nam và nữ **[H3-3.1-04]; [H3-3.2-01]**. Nhà trường có khu để xe cho CBQL, GV, NV được bố trí hợp lý bên trong sân trường, có mái che và đủ chỗ cho CBQL, GV, NV của trường **[H3-3.1-05]**; **[H3-3.2-02]**.

b) Đến thời điểm hiện tại, đối với khối phòng ND, CS&GD trẻ của Trường MN Hướng Dương như sau:

* Phòng ND, CS&GD trẻ:

Trường có tổng cộng 14 phòng ND, CS&GD trẻ sử dụng đủ cho 14 lớp/nhóm hiện có.

- Trong mỗi phòng đều có các khu chức năng như:

+ Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi, ăn và cũng là nơi ngủ cho trẻ.

+ Khu vệ sinh được xây dựng khép kín trong phòng ND, CS&GD trẻ, có phòng vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; mỗi nhà vệ sinh có 02 bồn cầu không có vách ngăn (đối với dãy 06 phòng học) khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng phía sau khu sinh hoạt chung, mỗi máng rửa tay có đủ cho trẻ sử dụng, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi. Đối với dãy 10 phòng học lầu có phòng vệ sinh riêng biệt cho trẻ em trai, trẻ em gái; trong mỗi phòng vệ sinh có 3 bồn cầu, có vách ngăn cao 1,5m giữa các bồn cầu; khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng phía sau khu sinh hoạt chung, mỗi máng rửa tay có đủ vòi cho trẻ sử dụng, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi.

+ Hệ thống chiếu sáng các phòng ND, CS&GD trẻ và các khu vực hành lang của các phòng được nhà trường trang bị, lắp đặt đầy đủ hệ thống đèn điện thắp sáng đảm bảo theo quy chuẩn và hệ thống quạt điện thoáng mát **[H1-1.6-09]**; **[H3-3.2-03].**

+ Các phòng ND, CS&GD trẻ và các khu vực hành lang của các phòng được nhà trường trang bị, lắp đặt đầy đủ hệ thống đèn điện thắp sáng đảm bảo theo quy chuẩn và hệ thống quạt điện thoáng mát **[H1-1.6-09]**; **[H3-3.2-03].**

* Phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật:

Trường có 01 phòng giáo dục thể chất (được tận dụng từ phòng ND, CS&GD trẻ dư) được bố trí ở tầng trên của dãy 6 phòng học lầu). Có 01 phòng giáo dục nghệ thuật được trang bị một số thiết bị cho trẻ hoạt động và được bố trí ở tầng trên của khối hành chính quản trị **[H3-3.2-04]**.

* Sân chơi:

Nhà trường có sân chơi chung được quy hoạch hợp lý, bảo đảm diện tích, an toàn và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mầm non. Sân chơi được bố trí thành nhiều khu vực hoạt động riêng biệt, tạo điều kiện cho trẻ tham gia các trò chơi vận động, khám phá và giao lưu tập thể. Nhà trường đã trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ chơi ngoài trời như cầu trượt, xích đu, bập bênh, thú nhún, thang leo, bộ vận động liên hoàn, xe đạp chân và các thiết bị vận động khác phù hợp với từng độ tuổi của trẻ. Các thiết bị, đồ chơi được lắp đặt chắc chắn, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về an toàn, giáo dục và phát triển thể chất cho trẻ theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non. Tuy nhiên, do quá trình sử dụng đã lâu, một số đồ chơi, thiết bị ngoài trời có dấu hiệu hư hỏng và bạc màu sơn **[H1-1.6-09]; [H3-3.2-05]**.

* Thư viện:

Nhà trường tận dụng 01 phòng ND, CS&GD trẻ dư để bố trí làm phòng thư viện. Thư viện của nhà trường cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn CSVC Mức độ 1 theo quy định Tiêu chuẩn thư viện trường MN của Bộ GD&ĐT ban hành (theo khoản 1 Điều 6 Chương II Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 ban hành quy định Tiêu chuẩn thư viện cơ sở GDMN và phổ thông) như sau: được bố trí ở tầng trệt, gần các phòng ND, CS&GD trẻ, thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng của trẻ em; diện tích của phòng thư viện là 78m^2 (chưa tính khu vệ sinh và kho bên trong phòng). Trong phòng có bố trí các khu chức năng bao gồm: không gian đọc cho trẻ em và giáo viên là toàn bộ không gian bên trong phòng. Không gian mở được bố trí bên ngoài thư viện, bảo đảm thoáng mát, yên tĩnh và cách xa các khu vực dễ gây ô nhiễm, an toàn, thuận lợi cho người sử dụng thư viện; nhà trường bố trí các kệ ở xung quanh tường trong phòng và tủ để làm khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin (sách, tài liệu...) bảo đảm đủ diện tích để chứa các tài nguyên thông tin và bảo đảm việc quản lý, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin; khu vực mượn trả và quản lý được nhà trường bố trí bên trong thư viện.

Về các yêu cầu kỹ thuật của phòng thư viện: nền và sàn thư viện được lát gạch men phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, dễ làm vệ sinh, hàng ngày được lau chùi sạch sẽ, có thảm xốp lót sàn; có 02 cửa ra vào phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, đáp ứng yêu cầu chiếu sáng tự nhiên, thông gió thoáng khí cho phòng, che chắn được gió lạnh, mưa hắt, nắng chiếu xuyên phòng, đồng thời thuận tiện, an toàn trong sử dụng, dễ vệ sinh, làm sạch. Hệ thống chiếu sáng trong thư viện gồm chiếu sáng từ ánh sáng tự nhiên, chiếu sáng từ hệ thống đèn điện đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng. Thư viện có các cửa ra vào rộng rãi nên thông gió tự nhiên và bên trong có trang bị quạt điện bảo đảm các hoạt động thư viện và bảo quản tài nguyên thông tin. Thư viện của nhà trường bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống thiên tai; có trang bị tiêu lệnh chữa cháy và bình chữa cháy đảm bảo tuân thủ quy định tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về an toàn cháy **[H1-1.6-09]; [H3-3.1-05]**; **[H3-3.2-06]**.

c) Khối phòng tổ chức ăn đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT, trong đó bao gồm: có 01 nhà bếp, được xây dựng độc lập với các khối phòng chức năng khác. Nhà bếp có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có kho bếp được phân chia riêng biệt thành kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm như kệ, tủ... **[H1-1.6-09]; [H3-3.1-04]; [H3-**

3.1-05]; [H3-3.2-07].

* Khối phụ trợ của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT bao gồm: nhà trường đã kết hợp phòng họp với văn phòng trường dùng để sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, có trang bị các thiết bị như bàn ghế, bảng biểu, quạt điện, ti vi và các đồ dùng thiết bị khác; 01 phòng y tế ngay khu vực trung tâm, có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; 01 nhà kho dùng để dụng cụ chung và học phẩm của trường **[H1-1.6-09]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**.

Sân vườn của nhà trường gồm sân chơi chung và vườn rau, vườn hoa, vườn cổ tích… được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và cho trẻ trải nghiệm ngoài trời. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mấp mô, lót gạch Terazzo, có nhiều cây xanh tạo bóng mát trong sân trường **[H3-3.2-08]**.

Trường có 02 cổng với 02 cửa ra vào bằng sắt (cổng chính và cổng phụ) được xây dựng kiên cố và vững chắc, cổng chính có biển tên "Trường MN Hướng Dương". Bao quanh khuôn viên trường đều có hệ thống tường xây, ngăn cách với bên ngoài, bảo đảm vững chắc, an toàn **[H3-3.1-03]**; **[H3-3.1-04]**.

Mức 2

Các hạng mục công trình Trường MN Hướng Dương đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường MN theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm:

a) Khối phòng hành chính quản trị: nhà trường có đầy đủ các phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị và đảm bảo đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT đã được mô tả ở chỉ báo a Mức 1 tiêu chí này. Trong đó, nhà trường có phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng **[H1-1.6-09]**; **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**.

b) Khối phòng ND, CS&GD trẻ:

- Nhà trường có tổng 14 phòng ND, CS&GD trẻ; có 01 phòng giáo dục thể chất; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật; có 01 phòng thư viện; 01 phòng làm quen anh văn, vi tính, có sân chơi đảm bảo đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT đã được mô tả ở chỉ báo b Mức 1 tiêu chí này **[H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]**.

Riêng đối với phòng thư viện: Nhà trường đã bố trí tận dụng 01 phòng ND, CS&GD trẻ dư có diện tích 78m^2 (chưa tính khu vệ sinh và kho bên trong phòng) để làm phòng thư viện, trong đó bố trí không gian đọc chung cho trẻ em và giáo viên (tối thiểu 25 chỗ cho trẻ em, diện tích 3,12m^2/chỗ và tối thiểu 15 chỗ cho giáo viên, diện tích 2,4 m^2/chỗ) chiếm khoảng 36m^2 diện tích của cả phòng. Bố trí các khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm diện tích kho sách kín 2,5m^2/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5m^2/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; khu vực mượn trả và quản lý chiếm 06m^2 **[H3-3.1-04];**

c) Khối phụ trợ của nhà trường đảm bảo đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT đã được mô tả ở chỉ báo c Mức 1 tiêu chí này **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**. Bên cạnh đó, sân vườn của nhà trường có vườn rau, vườn hoa, vườn cổ tích, các khu vực vui chơi vận động dành

riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm **[H3-3.2-08].**

Mức 3

Khối phòng ND, CS&GD trẻ của nhà trường đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT đã được mô tả cụ thể ở chỉ báo b Mức 1 và chỉ báo b Mức 2 của tiêu chí này. Ngoài ra, các phòng ND, CS&GD trẻ em đều có kho lớp để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Trường có quy mô dưới 14 nhóm, lớp nên có 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng giáo dục nghệ thuật là đảm bảo theo quy định **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]**.

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính quản trị của nhà trường đảm bảo đủ và đáp ứng các yêu cầu đảm bảo tiêu chuẩn CSVC Mức độ 1 đối với trường MN theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT.

Khối phòng ND, CS&GD trẻ có đủ phòng so với số lớp nhà trẻ, mẫu giáo hiện có của trường. Các phòng ND, CS&GD trẻ có đầy đủ các phân khu chức năng như: khu sinh hoạt chung cũng là nơi ngủ; khu vệ sinh riêng biệt cho trẻ trai, trẻ gái; kho lớp. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện, 01 phòng làm quen anh văn, vi tính, có sân chơi đáp ứng các yêu cầu về CSVC theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Khối phòng tổ chức ăn có nhà bếp và 02 kho bếp riêng biệt (kho lương và kho thực phẩm), đảm bảo quy trình bếp một chiều.

Khối phụ trợ có đầy đủ các phòng theo quy định; cổng và tường rào được xây dựng vững chắc, bảo đảm an toàn. Sân vườn có các khu vực dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Do quá trình sử dụng đã lâu, một số đồ chơi, thiết bị ngoài trời có dấu hiệu hư hỏng và bạc màu sơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, HT tiếp tục quán triệt và chỉ đạo các bộ phận có liên quan tiếp tục bảo quản, giữ gìn và sử dụng có hiệu quả các phòng hiện có.

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, CBQL nhà trường tiếp tục chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường duy trì và tận dụng các phòng học còn dư để làm các phòng giáo dục thể chất, phòng thư viện…theo hiện trạng đã sử dụng; phân công giáo viên bố trí, sắp xếp các khu vực trong các phòng sao cho hợp lý và thuận tiện khi hoạt động.

Hàng năm, HT chỉ đạo kế toán, bảo vệ và các bộ phận có liên quan kiểm tra hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống quạt; kiểm kê tài sản các phòng theo định kỳ 2 lần/năm, để đánh giá thực trạng CSVC hiện có và có kế hoạch mua sắm, tu sửa, bổ sung CSVC, trang thiết bị các phòng đáp ứng đủ cho các hoạt động ND, CS&GD trẻ.

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu với UBND phường, phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị, UBND phường Bình Phước cấp kinh phí mua sắm bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị trong lớp và ngoài trời (duy tu hàng năm) dự kiến khoảng 50.000.000đ trở lên từ nguồn ngân sách Nhà nước và huy động vận động tài trợ.

Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên bảo vệ rà soát, kiểm tra các đồ chơi, thiết bị ngoài trời đã bạc màu để sơn mới lại, dự kiến kinh phí khoảng 10.000.000đ trở lên từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động vận động tài trợ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đảm bảo hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành (đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học), cụ thể:

Về nước uống: thời điểm hiện tại, nhà trường hợp đồng Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ BIWASE để cung cấp nước uống trong nhà trường, bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6-1:2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai; cung cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa khô, 0,3 lít về mùa mưa cho một trẻ trong một buổi học **[H3-3.3-01].**

Về nước sinh hoạt: nhà trường sử dụng nguồn nước máy, nước giếng sẵn có (giếng khoan) để dùng trong nấu ăn và sinh hoạt cho toàn trường, nguồn nước được xét nghiệm hàng năm, đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt kèm theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt), hiện tại cung cấp đủ nước sinh hoạt cho trẻ em và sinh hoạt của nhà trường **[H3-3.3-02].**

Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước, có nắp đậy an toàn để đưa nước thải về hầm chứa đảm bảo theo quy định (trong TCVN 4474) được quy định rõ trong mục 9.1.3 theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2021 **[H3-3.1-04]; [H3-3.3-03].**

* Nhà trường được cung cấp điện từ Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Điện lực Đồng Xoài, sử dụng nguồn điện 3 pha (380V) phục vụ vận hành các thiết bị chuyên dụng; đồng thời được tách pha thành nguồn điện 220V để sử dụng cho các thiết bị sinh hoạt thông thường. Hệ thống điện bảo đảm đủ công suất, đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; không xảy ra tình trạng quá tải hoặc sụt áp trong quá trình sử dụng. Hệ thống điện trong nhà trường được thiết kế, lắp đặt và vận hành đảm bảo yêu cầu an toàn theo quy định của TCVN 3907:2021. Cụ thể: hệ thống dây dẫn được đi ngầm hoặc luồn trong ống bảo vệ cách điện; các thiết bị như ổ cắm, công tắc, aptomat được lắp đặt ở vị trí cao, ngoài tầm với của trẻ; sử dụng vật liệu cách điện an toàn, hạn chế nguy cơ rò rỉ điện... Đồng thời, nhà trường thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống điện nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình sử dụng. Khi xảy ra mất điện cục bộ, nhà trường nhanh chóng kiểm tra nguyên nhân, kịp thời ngắt các thiết bị điện không cần thiết để đảm bảo an toàn và tránh gây cháy nổ, tránh quá tải hệ thống khi có điện trở lại. Nhà trường phân công nhân viên phụ trách kiểm tra hệ thống điện nội bộ, đồng thời liên hệ với đơn vị cung cấp điện để phối hợp xử lý sự cố. Nhìn chung, hệ thống điện của nhà trường đáp ứng yêu cầu về công suất và an toàn, phục vụ hiệu quả các hoạt động của nhà trường theo quy định hiện hành **[H3-3.3-04].**

* Nhà trường có thực hiện đầy đủ HSSS về công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định, có hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: 01 Hệ thống báo cháy tự động gồm: 01 Tủ trung tâm báo cháy gồm 01 tủ 04 zone, 30 đầu báo cháy khói; 02 nút ấn báo cháy, 02 chuông báo cháy. Nhà trường trang bị 14 bình MFZ8, 14 bình khí CO_2 MT3, được bố trí tại vị trí dễ thấy, dễ lấy đảm bảo đủ số lượng theo quy định; đã trang bị 01 bộ dung cụ phá dỡ (rìu, xà beng, búa tạ, kìm cộng lực) đảm bảo theo quy định tại Phụ lục E TCVN 3890:2023; trang bị một số phương tiện PCCC và cho người tham gia thực hiện PCCC cơ sở theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BCA như: Dây cứu người, túi cứu thương, mặt nạ lọc độc, kìm cộng lực; Quần áo, mũ, găng tay, ủng chữa cháy…Tuy nhiên, một số hạng mục xây dựng lớn như bể chứa nước dung tích lớn theo quy định, họng nước chữa cháy… nhà trường chưa được đầu tư xây dựng. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở theo quy định tại Khoản 9, Điều 8, điều 50 luật PCCC số 55/LQH chưa đầy đủ. **[H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].**

* Đối với hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại của CBQL, GV, NV nhà trường, các máy tính, ti vi được kết nối mạng internet do Công ty Viễn thông Viettel cung cấp nhằm phục vụ các hoạt động của trường, các đường truyền internet tốc độ cao, sóng wifi ổn định luôn đảm bảo tín hiệu kết nối **[H3-3.3-05]**.

* Trường hợp đồng với dịch vụ tổng hợp phường Bình Phước để thu gom và xử lý rác thải cho nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 07:2010/BYT) về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, cụ thể: trường bố trí các thùng đựng rác thải có nắp đậy và phân loại rác thải, có hệ thống thu gom và xử lý rác thải; bố trí đủ các phương tiện chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường, các phương tiện, dụng cụ thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng, rác thải được nhân viên phục vụ của trường thu gom cuối ngày và vận

chuyển rác đến khu tập trung của nhà trường, khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác, thuộc hành lang ngoài khuôn viên trường, cách xa các lớp học và bếp ăn, sau đó có nhân viên của cơ sở thu gom đến thu gom và mang đi xử lý **[H3- 3.3-06]**; **[H3-3.3-07]**.

b) Các hạng mục công trình của nhà trường như: khối phòng hành chính, quản trị; khối phòng ND, CS&GD trẻ; khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ… là công trình kiên cố. Tỷ lệ công trình kiên cố của nhà trường đạt 100% **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**.

c) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ ND, CS&GD trẻ quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN **[H1-1.6-09]**.

Hàng năm, nhà trường có mua sắm, trang bị các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN. Tuy nhiên có một số đồ dùng, đồ chơi ngoài trời có thời gian sử dụng lâu năm đã bạc màu và hư hỏng **[H1-1.6-09]; [H3-3.2-05]**.

Mức 2

Tỷ lệ công trình kiên cố của nhà trường đạt 100% (đã được mô tả ở chỉ báo b Mức 1 tiêu chí này) **[H3-3.1-04]**; **[H3-3.1-05]**.

Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT cụ thể như sau:

- Diện tích xây dựng công trình; (gồm các khối phòng hành chính - quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; khối phòng phụ trợ; khối phòng tổ chức ăn; khu vệ sinh của nhà trường, khu nhà xe, …) khoảng 2.916.13m^2, chiếm tỷ lệ 28%, đảm bảo diện tích xây dựng công trình không quá 40%.

- Diện tích sân vườn; diện tích sân vườn (gồm cây xanh, sân chơi, bãi tập, …) là 5.361.64 m^2 chiếm tỷ lệ 51,4%, đảm bảo diện tích sân vườn, không dưới 40%;

- Diện tích giao thông nội bộ; diện tích giao thông nội bộ trong nhà (nằm trong diện tích sân vườn) ước tính là 2.164.33m^2, chiếm tỷ lệ 20,8%, không dưới 20% **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**.

Mức 3

Tất cả công trình của nhà trường đều kiên cố và các cấp công trình trong nhà trường đều là cấp IV trở lên **[H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nguồn nước uống và nước sinh hoạt theo quy định hiện hành. Hệ thống cống rãnh thoát nước đảm bảo quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2021 về yêu cầu thiết kế trường MN. Có hệ thống cấp điện; có kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường, các đường truyền internet tốc độ cao, sóng wifi ổn định luôn đảm bảo tín hiệu kết nối; có hợp đồng với cơ sở thu gom rác thải trong nhà trường. Tỷ lệ công trình kiên cố của nhà trường đạt 100% và cấp công trình trong nhà trường từ cấp IV trở lên. Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ

chơi theo quy định tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu

Một số hạng mục xây dựng lớn về PCCC như bể chứa nước dung tích lớn theo quy định, họng nước chữa cháy trong nhà, ngoài trời… nhà trường chưa được đầu tư xây dựng. Đồ chơi ngoài trời có thời gian sử dụng lâu năm đã hư hỏng nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường tiếp tục phát huy và sử dụng có hiệu quả các công trình xây dựng; tiếp tục quán triệt và chỉ đạo giáo viên, nhân viên có liên quan bảo quản, giữ gìn và sử dụng có hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị trong lớp và ngoài trời; chủ động tham mưu với các cấp lãnh đạo là Đảng ủy, UBND phường Bình Phước và huy động mọi nguồn lực trong xã hội để mua sắm thêm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi từng bước trang bị đầy đủ về CSVC, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ công tác ND, CS&GD trẻ đáp ứng theo yêu cầu mới của GDMN hiện nay. Dự kiến kinh phí 20.000.000 đồng từ nguồn vận động tài trợ và 50.000.000 đồng trở lên từ ngân sách Nhà nước/năm.

Đối với các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định cần trang bị theo yêu cầu tại TCVN 3890:2023 về phòng cháy, chữa cháy, hiệu trưởng tham mưu các cấp bổ sung kinh phí để trang bị lần lượt các hạng mục, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định trong giai đoạn 2026-2028.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh nổi bật của trường:

Vị trí Trường MN Hướng Dương phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương phường Bình Phước, môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, CBQL, GV, NV; có kết nối giao thông thông thoáng, thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em đến trường; đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường là 10.421 m^2, đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em. Diện tích sàn xây dựng một số hạng mục công trình như khối phòng hành chính quản trị, các phòng ND, CS&GD trẻ em…đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có CSVC đầy đủ, đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển giáo dục của nhà trường. Khối phòng hành chính quản trị của nhà trường đảm bảo đủ các phòng, diện tích sàn xây dựng đảm bảo theo quy định. Khối phòng ND, CS&GD trẻ có đủ phòng so với số lớp/nhóm hiện có. Các phòng ND, CS&GD trẻ có đầy đủ các phân khu chức năng như: khu sinh hoạt chung cũng là nơi ngủ; khu vệ sinh riêng biệt cho trẻ trai, trẻ gái; kho lớp… Có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện, 01 phòng làm quen tin học, anh văn, có sân chơi đáp ứng các yêu cầu về CSVC theo quy định của Bộ GD&ĐT. Khối phòng tổ chức ăn có nhà bếp và có kho bếp được phân chia riêng biệt thành kho lương và kho thực phẩm, đảm bảo quy trình bếp một chiều. Khối phụ trợ có đầy đủ các phòng theo quy định; cổng và tường rào được xây dựng vững chắc, bảo đảm an toàn. Sân vườn có các khu vực dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

Nhà trường đảm bảo hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nguồn nước uống và nước sinh hoạt theo quy định hiện hành. Hệ thống cống rãnh thoát nước đảm bảo quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2021 về yêu cầu thiết kế trường MN. Có hệ thống điện trong nhà trường được thiết kế, lắp đặt và vận hành đảm bảo yêu cầu an toàn theo quy định của TCVN 3907:2021; có kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường, các đường truyền internet tốc độ cao, sóng wifi ổn định luôn đảm bảo tín hiệu kết nối; có hợp đồng với cơ sở thu gom rác thải trong nhà trường. Tỷ lệ công trình kiên cố của nhà trường đạt 100% và cấp công trình trong nhà trường từ cấp IV trở lên. Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định tối thiểu dùng cho GDMN. Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Kho thực phẩm: diện tích 6,7m^2 (chưa đảm bảo diện tích theo quy định là 10m^2/kho thực phẩm). Kho lương thực: diện tích 5,5m^2 (chưa đảm bảo diện tích theo quy định là 12m^2/kho lương thực).

Do quá trình sử dụng đã lâu, một số đồ chơi, thiết bị ngoài trời có dấu hiệu hư hỏng và bạc màu sơn.

Một số hạng mục xây dựng lớn về PCCC như bể chứa nước dung tích lớn theo quy định, họng nước chữa cháy trong nhà, ngoài trời nhà trường chưa được đầu tư xây dựng. Đồ chơi ngoài trời có thời gian sử dụng lâu năm nên đã bạc màu và hư hỏng cần sơn sửa và bổ sung.

- Tổng số tiêu chí: 03

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Đây là sự gắn kết chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục cơ bản, góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ ngay từ những năm đầu đời. Sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường với cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội không chỉ giúp thống nhất mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục mà còn tạo điều kiện thuận lợi để trẻ được chăm sóc, bảo vệ trong môi trường an toàn, lành mạnh.

Trong những năm qua, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, phối hợp hiệu quả của CMT, các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong việc quản lý và giáo dục trẻ. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ, có kế hoạch hoạt động theo năm học. Đồng thời, nhà trường chủ động phối hợp với các đoàn thể, tổ chức tại địa phương nhằm huy động các nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, xanh, an toàn, thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban Đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có BĐD CMT của từng lớp/nhóm và BĐD CMT của nhà trường, được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ BĐD cha mẹ học sinh. Vào đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp cha mẹ trẻ trong các lớp, mỗi lớp bầu 03 người đại diện cha mẹ trẻ của lớp bao gồm: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên. Các thành viên BĐD CMT lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên lớp, nhà trường và đại diện cho CMT trong lớp thực hiện các hoạt động ND, CS&GD trẻ **[H4-4.1-01]**. Sau khi đã cử ra BĐD CMT các lớp, hiệu trưởng chủ trì cuộc họp đầu tiên của BĐD CMT của trường để cử trưởng ban, phó trưởng ban và các ủy viên của BĐD CMT nhà trường **[H4-4.1-02]**. Trong năm học, BĐD CMT họp ít nhất 3 lần/năm học để triển khai tổ chức các hoạt động theo nhiệm vụ năm học, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được trong năm học. BĐD CMT hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong BĐD CMT được ghi trong biên bản cuộc họp **[H4-4.1-01]**; **[H4-4.1-02].**

b) Mỗi năm học, sau khi tổ chức hội nghị, BĐDCMT đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng học kỳ, năm học, bám sát vào kế hoạch chung của nhà trường **[H4-4.1-03]** nhằm phối hợp tốt với nhà trường tuyên truyền, tổ chức, thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, phối hợp tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách giúp đỡ học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn (Mục 1 điều 6 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT) BĐDCMT tổ chức các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ và quyền của BĐDCMT, nội dung, kế hoạch hoạt động đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp **[H4-4.1-01]**; **[H4-4.1-02]**. Bên cạnh đó, BĐDCMT còn góp phần trong việc việc xây dựng phong trào của từng lớp, của nhà trường để quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ được nâng cao hơn về chất lượng.

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ như tổ chức các cuộc họp định kỳ (3 lần/năm) đúng thời gian quy định vào đầu, giữa và cuối năm học; bầu BĐDCMT; xây dựng kế hoạch hoạt động của ban; tuyên truyền kiến thức

nuôi dạy trẻ theo khoa học, các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về quyền của trẻ em. Đưa ra các giải pháp để cùng với nhà trường phòng, chống suy dinh dưỡng, béo phì cho trẻ; giúp trẻ đi học đều, nâng cao tỉ lệ chuyên cần; tổ chức họp cha mẹ trẻ các lớp vào thời gian hợp lý để số lượng cha mẹ tham gia đông đủ. Kết hợp với nhà trường trong các phong trào, lễ hội, hội thi... của nhà trường. Các hoạt động của BĐDCMT tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ mà kế hoạch đã đề ra **[H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]**; **[H4-4.1-04]**.

Mức 2:

Trong những năm học vừa qua, BĐDCMT luôn phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: tổ chức tốt các hoạt động lễ hội cho trẻ trong trường, như: lễ khai giảng, tết Trung thu, lễ hội 20/11, lễ tổng kết năm học, … và các hoạt động tham quan trải nghiệm **[H4-4.1-05]; [H4-4.1-06];[H4-4.1-07]**. Cùng với nhà trường, BĐDCMT đã tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMT, tại các nhóm, lớp như: nuôi con khoa học, dạy trẻ biết về giới tính, phòng tránh xâm phạm, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm, bệnh theo mùa, trao đổi tình hình hoạt động của trẻ hàng ngày qua, các buổi họp, zalo nhóm lớp, qua sổ bé ngoan... **[H4-4.1-01]; [H4-4.1-08]; [H4-4.1-09].** Các kế hoạch của BĐDCMT đưa ra có sự phối hợp với nhà trường trong việc xây dựng phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ một cách toàn diện, giúp đỡ trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như: ủng hộ tiền, quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn ăn tết, thăm hỏi động viên trẻ ốm đau…**[H4-4.1-04]**. Trong những năm vừa qua luôn phát huy tốt. Tuy nhiên, một số ít cha mẹ trẻ do bận công tác, lao động nên chưa dành nhiều thời gian cho trẻ, chính vì vậy mà việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình đôi lúc còn hạn chế, đặc biệt một số cha mẹ trẻ làm công nhân thời gian đưa đón trẻ chưa đúng theo giờ giấc quy định, số lần tham gia hội họp còn ít.

Mức 3:

Trong các năm qua, BĐD CMT phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BĐD cha mẹ trẻ, cụ thể: cùng nhà trường tuyên truyền tới các khu dân cư trên địa bàn giúp tăng số trẻ đến trường thể hiện trên tỉ lệ huy động trẻ tới trường luôn đạt và vượt chỉ tiêu 100%. Bên cạnh đó, BĐD CMT phối hợp tốt với nhà trường hỗ trợ giúp đỡ những trẻ có hoàn cảnh khó khăn ăn tết, hỗ trợ nhân viên trong trường mắc bệnh hiểm nghèo, ủng hộ một số đồ dùng, đồ chơi, ghế đá, ... cho nhà trường để góp phần nâng cao chất lượng CS, ND&GD trẻ. **[H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có BĐD CMT của trường, của lớp. BĐD CMT được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ BĐD cha mẹ trẻ. Hàng năm, BĐD CMT có xây dựng kế hoạch hoạt động cho cả năm học và tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra. BĐD CMT phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMT, huy động các tổ chức, cá nhân, mạnh thường quân chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ một số đồ dùng, đồ chơi, ghế đá, ...cho nhà trường để góp phần nâng cao chất lượng CS, ND&GD trẻ.

3. Điểm yếu

Một số ít cha mẹ trẻ do bận công tác, lao động nên chưa dành nhiều thời gian cho trẻ chính vì vậy mà việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình đôi lúc còn hạn chế, đặc biệt một số cha mẹ trẻ làm công nhân thời gian đưa đón trẻ chưa đúng theo giờ giấc quy định, số lần tham gia hội họp còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng duy trì các mối quan hệ giữa BGH nhà trường và BĐD CMT, tăng cường sự phối hợp giữa giáo viên và CMT trong công tác ND, CS&GD trẻ. BĐD CMT phát huy sức mạnh để cùng nhà trường thúc đẩy chất lượng ND, CS&GD trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và CMT, đa dạng và phong phú các hình thức tuyên truyền để thu hút sự quan tâm của CMT với các hoạt động của nhà trường. Tiếp tục tìm kiếm, kêu gọi sự đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, mạnh thường quân để tổ chức các hoạt động lễ hội gây quỹ nhằm giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo, hỗ trợ hiện vật là đồ dùng, đồ chơi cần thiết cho trẻ theo nhu cầu thực tế.

Hàng năm, hiệu trưởng phối hợp với BĐD CMT giới thiệu và chọn cử những cá nhân có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác và phong trào của nhà trường, có điều kiện về thời gian tham gia BĐD CMT các lớp và của trường.

Nhà trường tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ về vai trò phối hợp với nhà trường thông qua các hình thức linh hoạt như họp cha mẹ trẻ, trao đổi trực tiếp, thông qua nhóm zalo cảu lớp, trường, … phù hợp với cha mẹ bận rộn. Đồng thời, tổ chức họp ngoài giờ hành chính, trao đổi thông tin thường xuyên để tạo điều kiện thuận lợi cho cha mẹ trẻ tham gia. Giáo viên chủ động phối hợp, nhắc nhở cha mẹ trẻ thực hiện đúng giờ đưa đón trẻ, tăng cường trao đổi tình hình của trẻ nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa gia đình và nhà trường. Đối với CMT bận công việc, làm công nhân đi sớm về trễ, giáo viên thường xuyên liên lạc với CMT qua zalo cá nhân hoặc gọi trực tiếp để trao đổi nhằm tạo sự kết nối chặt chẽ hơn công tác phối hợp.

5. Tự đánh giá

Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng chiến lược và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND phường Bình Phước và các cấp lãnh đạo nhằm huy động sự ủng hộ, các chính sách phù hợp giúp nhà trường nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ, cụ thể: thực hiện các khoản thu đối với cha mẹ trẻ theo quy định để duy trì cho trẻ ăn bán trú và các hoạt động tại trường; trình lãnh đạo bố trí hợp đồng giáo viên/nhân viên để đảm bảo số lượng giáo viên/lớp và số lượng nhân viên theo quy định; trình thẩm định và cho phép tổ chức cho trẻ mẫu giáo được làm quen tiếng Anh tại trường; trình cấp dự toán hàng năm để có kinh phí hoạt động,… Ngoài ra, nhà trường còn tham mưu các văn bản kịp thời đến các cấp lãnh đạo để xin ý kiến, hỗ trợ về các vấn đề cấp bách phát sinh tại trường **[H1-1.1-07]**; **[H4-4.2-01]**.

b) Trong các năm vừa qua, nhà trường có tổ chức các hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ ở các lớp; gửi các bài tuyên truyền, các thông báo thực hiện chế độ, chính sách của trẻ, kế hoạch tuyển sinh, lịch tuyển sinh, kế hoạch năm học của nhà trường, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, …để tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh của phường đến toàn bộ người dân trong phường **[H4-4.2-02]**; qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em hàng ngày khi đón trẻ, trả trẻ, tuyên truyền ở bảng tin của trường và bảng tin các lớp **[H4-4.2-03]**; website nhà trường, trên trang facebook của trường, các trang facebook phường để tuyên truyền đến cộng đồng **[H4-4.2-04]**;

c) Nhà trường thường xuyên tham mưu với, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, BĐDCMT. Việc tiếp nhận các nguồn lực hợp pháp từ ngân sách nhà nước, chủ trương của địa phương, và các khoản đóng góp từ CMT theo văn bản chỉ đạo của cấp trên. Các nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, ưu tiên phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và cải thiện cơ sở vật chất, môi trường giáo dục. Tuy nhiên, các nguồn tài trợ ủng hộ cho nhà trường của các đoàn thể, cá nhân mạnh thường quân chưa cao và chưa thường xuyên. Chủ yếu hỗ trợ nhỏ lẻ một số ít đồ dùng, sách truyện, ghế đá, … trong phạm vi lớp/nhóm.

Mức 2:

a) Nhà trường có xây dựng Kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn, từ đó tham mưu với lãnh đạo, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về nguồn nhân lực, về CSVC, về thực hiện Chương trình GDMN, công tác ND, CS&GD trẻ, huy động các nguồn lực xây dựng và tu bổ CSVC cho nhà trường. Có kế hoạch chiến lược và các biện pháp cụ thể để xây dựng và duy trì trường MN đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, qua việc gửi Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát

triển nhà trường từng giai đoạn để Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND phường phê duyệt **[H1-1.1-01]**. Ngoài ra, nhà trường còn tham mưu với các cấp lãnh đạo hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, CSVC để nhà trường đảm bảo các điều kiện ND, CS&GD trẻ **[H4-4.2-05]**.

b) Hàng năm, nhà trường có sự phối hợp tốt theo kế hoạch của các tổ chức đoàn thể, cá nhân tại địa phương trong việc tổ chức, tham gia các hoạt động lễ hội, sự kiện phù hợp với truyền thống của địa phương như: phối hợp với Đoàn thanh niên phường tổ chức lễ Trung thu cho trẻ; phối hợp với CMT, hội phụ nữ, khu dân cư tham gia văn nghệ lễ khai giảng năm học mới, lễ hội mùa Xuân; phối hợp tham gia ngày Hội Đại đoàn kết toàn dân tộc các khu phố, phối hợp tham gia các ngày hội tháng hành động vì trẻ em - khai mạc hè, phối hợp với CMT, doanh trại bộ đội, tổ chức tham quan doanh trại bộ đội nhân ngày 22/12, phối hợp với Đội phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn thuộc Công an thành phố để cho trẻ tham quan, trải nghiệm, ... **[H4-4.2-06]**. Nội dung các hoạt động phù hợp với truyền thống văn hóa của địa phương. Các hoạt động có tính giáo dục cao giúp cho trẻ hình thành nhân cách, hành vi tốt.

Mức 3:

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về công tác phát triển giáo dục mầm non, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục toàn diện. Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, ban đại diện cha mẹ trẻ và các cá nhân trên địa bàn trong việc tuyên truyền, huy động trẻ đến trường, thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn cho trẻ và tổ chức các hoạt động giáo dục, văn hóa, văn nghệ phù hợp với lứa tuổi. Tích cực huy động các nguồn lực xã hội hóa để cải thiện môi trường giáo dục, xây dựng cảnh quan nhà trường sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng nhà trường trở thành địa chỉ tin cậy, phấn đấu xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa thể trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, do điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực và đặc thù của cấp học mầm non, nhà trường chưa có nhiều hoạt động quy mô lớn để thu hút sự tham gia của cộng đồng; vì vậy, vai trò trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa được thể hiện rõ nét. **[H1-1.1-01]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương…tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển các giai đoạn và kế hoạch tuyển sinh hàng năm, đầu tư xây dựng CSVC nhà trường đáp ứng nhu cầu ND, CS&GD trẻ.

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nhà trường đã tham mưu và phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể địa phương. Các đoàn thể nhiệt tình, luôn quan tâm hỗ trợ phong trào của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các nguồn tài trợ, ủng hộ cho nhà trường của các đoàn thể, cá nhân, mạnh thường quân chưa cao và chưa thường xuyên. Chủ yếu hỗ trợ nhỏ lẻ một số ít đồ dùng, sách

truyện, ghế đá, …trong phạm vi lớp/nhóm. Nhà trường chưa thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, hiệu trưởng tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; chủ động đề xuất các giải pháp về cơ sở vật chất, đội ngũ CB-GV-NV, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, công tác huy động trẻ đến trường và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường đã đề ra theo năm học và theo giai đoạn.

Phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương và điều kiện của nhà trường. Tiếp tục xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí, phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường, việc sử dụng các nguồn lực này được công khai rộng rãi một cách minh bạch.

Năm học 2026 - 2027 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân, đoàn thể ở địa phương tổ chức được một số hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ nhân các ngày lễ, …, huy động mọi nguồn lực để xây dựng môi trường và phong trào giáo dục của nhà trường ngày càng tốt hơn. Trong thời gian sắp tới, nhà trường sẽ tiếp tục đổi mới phương thức vận động, tăng cường sự phối hợp với các lực lượng xã hội như tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông qua nhiều kênh; chủ động kết nối, xây dựng mối quan hệ bền vững với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động gây quỹ thiết thực… nhằm nâng cao hiệu quả huy động, góp phần cải thiện điều kiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ.

Tiếp tục phấn đấu để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương vào năm 2030. Phấn đấu nâng cao chất lượng toàn diện, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực; xây dựng cơ sở vật chất, tạo nguồn lực mạnh, tổ chức nhiều hoạt động quy mô lớn nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

5. Tự đánh giá

Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Điểm mạnh nổi bật của trường:

Nhà trường có BĐD CMT của trường, của lớp được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ BĐD cha mẹ trẻ em. Hàng năm, BĐD CMT xây dựng kế hoạch hoạt động cho cả năm học và tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra. BĐD CMT phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMT, huy động các tổ chức, cá nhân, mạnh thường quân chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ một số đồ dùng, đồ chơi, ... cho nhà trường để góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ.

Nhà trường tham mưu kịp thời với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược và phát triển của trường, kế hoạch tuyển sinh hàng năm; thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phối kết hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, có nhiều ý nghĩa, mang tính giáo dục cao và phù hợp với điều kiện, truyền thống địa phương.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Một số ít cha mẹ trẻ do bận công tác, lao động nên chưa dành nhiều thời gian cho trẻ, chính vì vậy mà việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình đôi lúc còn hạn chế, đặc biệt một số cha mẹ trẻ làm công nhân thời gian đưa đón trẻ chưa đúng theo giờ giấc quy định, số lần tham gia hội họp còn ít. Các nguồn tài trợ, ủng hộ cho nhà trường của các đoàn thể, cá nhân, mạnh thường quân chưa cao và chưa thường xuyên. Chủ yếu hỗ trợ nhỏ lẻ một số ít đồ dùng, sách truyện, ghế đá, …trong phạm vi lớp/nhóm. Nhà trường chưa thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

- Tổng số tiêu chí: 02 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả ND, CS&GD.

Mở đầu:

Trong những năm qua, Trường MN Hướng Dương luôn xác định ND, CS&GD trẻ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, để từ đó xác định các nhiệm vụ khác theo định hướng tập trung các điều kiện nhân lực, vật lực đảm bảo chất lượng hiệu quả tốt nhất. Nhà trường đã luôn thực hiện tốt công tác ND, CS&GD trẻ; xây dựng và phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đảm bảo chất lượng, trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, tình hình thực tế của phường Bình Phước, phù hợp với đặc điểm của nhà trường và năng lực của trẻ em. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Nhà trường có biện pháp phù hợp để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần giúp trẻ đạt được các mục tiêu của Chương trình GDMN.

Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường. Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo mọi cơ hội để tổ chức cho trẻ các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, đảm bảo tất cả trẻ được tham gia vui chơi, trải nghiệm, khám phá theo phương châm "chơi mà học - học bằng chơi".

Kết quả ND, CS&GD trẻ trong các năm qua luôn đảm bảo, trẻ đến trường được theo dõi sức khỏe định kỳ và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng. Chế độ dinh dưỡng tại trường đảm bảo cân đối các chất dinh dưỡng. Hằng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, trẻ có cân nặng cao hơn tuổi được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và được cải thiện so với đầu năm học. Nhà trường thực hiện tốt công tác tư vấn cho CMT các vấn đề liên quan

đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ; tuyên truyền, vận động CMT cho trẻ đến trường, vì vậy hàng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ 95,8% trở lên và chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91,6% trở lên. Trong 05 năm qua, nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMNTENT.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình GDMN

Mức 1

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong những năm qua, nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT. Sau khi nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục (hay kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN), bước tiếp theo là tổ chức thực hiện chương trình theo kế hoạch đã xây dựng theo 4 độ tuổi: 1 độ tuổi nhà trẻ 2 - 3 tuổi; 3 độ tuổi MG: độ tuổi 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi và 5 - 6 tuổi. Trong tổ chức thực hiện chương trình, nhà trường luôn đảm bảo các nội dung về: mục tiêu giáo dục, chế độ sinh hoạt, nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe, giáo dục phát triển, đánh giá sự phát triển của trẻ và phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ **[H1-1.8-01]**. Các nội dung giáo dục chủ yếu được tổ chức theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương. Việc tổ chức thực hiện Chương trình GDMN được thực hiện đúng theo kế hoạch, từ kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai đến toàn thể các tổ CM và GV, tổ trưởng tổ CM xây dựng kế hoạch thực hiện và hướng dẫn GV lập kế hoạch giáo dục phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ **[H1-1.4-06]**; **[H1-1.8-02]**.

b) Hằng năm, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã phát triển Chương trình GDMN đang thực hiện đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT (gộp chung thành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành Chương trình GDMN). Đồng thời, Chương trình GDMN của nhà trường đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương phường Bình Phước và điều kiện thực tế nhà trường về CSVC, đội ngũ giáo viên, khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ MN trong nhà trường **[H1-1.1-07]**; **[H1-1.8-01]**; **[H1-1.8-02]**.

c) Chương trình GDMN định kỳ được nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Cụ thể: hàng ngày giáo viên chú ý đến đánh giá trẻ cuối ngày, cuối chủ đề/tháng, đánh giá cuối giai đoạn để nắm bắt nội dung, mục tiêu đưa ra có phù hợp với trẻ hay không, để từ đó kịp thời điều chỉnh **[H1-1.8-03]**. Đồng thời, qua các buổi sinh hoạt chuyên môn trường, sinh hoạt các tổ CM, GV có ý kiến phản hồi về việc thực hiện Chương trình GDMN, nếu có những vấn đề cần điều chỉnh, nhà trường tiến hành điều chỉnh chương trình giáo dục cho phù hợp hơn với khả năng của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và quan trọng nhất là giúp trẻ đạt được kết quả mong đợi của các lĩnh vực giáo dục theo từng độ tuổi **[H1-1.4-07]**; **[H1-1.7-08]; [H1-1.8-04]**. Thông qua việc duyệt kế hoạch của giáo viên hàng tuần, qua các hoạt động dự giờ của BGH và tổ trưởng tổ chuyên môn để đánh giá rút kinh nghiệm, nhằm giúp giáo viên điều chỉnh chương trình kịp thời **[H1-1.7-07]**. Ngoài ra, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế, như: năm học 2021 - 2022, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài và diễn biến phức tạp, trẻ không được đến trường nên nhà trường đã chỉ đạo và hướng dẫn giáo viên lập kế hoạch phối hợp với CMT trong việc chăm sóc giáo dục trẻ tại nhà, lựa chọn các nội dung giáo dục, xây dựng kế hoạch phối hợp với CMT chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19, phù hợp độ tuổi và đảm bảo mục tiêu, kết quả mong đợi tại Chương trình GDMN; đồng thời hướng dẫn GV quay video, tạo nhóm zalo tương tác với CMT và trẻ trong công tác phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ tại nhà **[H1-1.8-02]**. Khi trẻ đến trường học trở lại, nhà trường tổ chức điều chỉnh chương trình và thời gian thực hiện Chương trình GDMN theo thực tế, phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 và khả năng của trẻ theo từng độ tuổi, đảm bảo cho trẻ 5 tuổi có các kỹ năng cần thiết và kiến thức cơ bản để trẻ sẵn sàng vào lớp Một **[H1-1.8-04]**. Ngoài ra, vào cuối năm học nhà trường hướng dẫn CBQL, GV, NV tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN để điều chỉnh kịp thời và phù hợp **[H5-5.1-01]**; **[H1-1.1-03]**.

Mức 2:

a) Hằng năm, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, các hướng dẫn về chuyên môn của Sở GD&ĐT, nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường MN, phù hợp với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát huy khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động ở trường. Các nội dung giáo dục được GV tổ chức theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường, của lớp. Nội dung giáo dục và các hoạt động giáo dục được giáo GV lựa chọn và thiết kế xoay quanh chủ đề tạo thành sự gắn kết, tác động hỗ trợ và bổ sung cho nhau một cách hợp lý, tự nhiên **[H1-1.8-02]**; khi GV tổ chức hoạt động của một lĩnh vực giáo dục phát triển chủ động kết hợp một cách hợp lý nội dung giáo dục của lĩnh vực khác để tác động nhiều mặt phát triển khác nhau ở trẻ, giúp

trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực, đạt được các mục tiêu giáo dục và kết quả mong đợi ở từng độ tuổi, giúp trẻ phát triển toàn diện các mặt phát triển: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm - kỹ năng xã hội; kết quả đánh giá trẻ ở các tháng/chủ đề từng lĩnh vực đều đạt trung bình các năm đạt 89,9% **[H1-1.8-03]**. Bên cạnh đó, trẻ em đến trường được chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo sức khỏe, phát triển về cân nặng và chiều cao hợp lý, đảm bảo chế độ ăn đầy đủ hằng ngày và các điều kiện về vệ sinh cần thiết để phòng chống dịch bệnh **[H1-1.1-03]; [H5-5.1-02]**. Tuy nhiên, một số giáo viên mới còn chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc thực hiện một số hoạt động giáo dục tại lớp chưa thật sự thu hút hứng thú của trẻ.

b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ, chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi; nhà trường phát triển chương trình đảm bảo tính vừa sức, tạo điều kiện cho trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau. Từ năm học 2022 - 2023 nhà trường hợp đồng với các Trung tâm ngoại ngữ tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo. **[H5-5.1-03]**. Từ chương trình giáo dục chung của nhà trường, mỗi giáo viên phát triển chương trình theo cách khác nhau, mỗi mặt phát triển của trẻ được giáo viên thiết kế phù hợp với hứng thú và khả năng khác nhau của từng trẻ trong mỗi lớp/nhóm. Bên cạnh đó, nhà trường còn quan tâm và đưa các nội dung giáo dục kỹ năng sống và tổ chức các ngày lễ hội, như: ngày hội bé đến trường, tết Trung thu, tết Nguyên đán, Quốc tế Thiếu nhi 1/6, … **[H1-1.1-03]**. Trong phát triển Chương trình GDMN, các giáo viên nhận thức được nhu cầu và phát triển tối đa năng lực của mỗi cá nhân trẻ, tạo cho trẻ khám phá và thử nghiệm nhằm phát triển trí tuệ và phong phú. Qua đó, giúp trẻ phát triển toàn diện mọi mặt, nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ **[H1-1.8-02]**.

Mức 3:

a) Ngoài việc đã phát triển Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT để thực hiện trong nhà trường một cách hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương, hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác CM và các tổ trưởng tổ CM, GV có năng lực tham khảo mô hình giáo dục STEAM/STEM phù hợp với thực tiễn của địa phương, của trường để đưa vào áp dụng góp phần phát triển hiệu quả Chương trình GDMN đang thực hiện, nhiều hoạt động giáo dục có ứng dụng phương pháp STEAM/STEM được tổ chức ở một số lớp do các giáo viên có năng lực thực hiện, giúp trẻ trở thành trung tâm của trải nghiệm học tập. Tuy nhiên vẫn có một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến STEAM/STEM **[H1-1.1-03]; [H5-5.1-04]**.

b) Hàng năm vào cuối năm học, nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, xác định được những ưu điểm, tồn tại của chương trình. Trên cơ sở đó, cán bộ quản lý cũng như từng giáo viên của các lớp có sự điều chỉnh, cải tiến, bổ sung nội dung, hình thức tổ chức cũng như phương pháp giáo dục, tổ chức môi trường giáo dục, … tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo thông qua các hoạt động. Tiếp tục lồng ghép và thực hiện hiệu quả các nội dung giáo dục tích hợp trong thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương, phù hợp với từng độ tuổi nhằm nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ **[H1-1.1-03]**; **[H5-5.1-01]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch và đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường MN; phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của địa phương phường Bình Phước, và điều kiện thực tế của nhà trường, cũng như phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ. Định kỳ vào cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, để làm cơ sở điều chỉnh kịp thời, nhằm cải tiến nội dung, hình thức tổ chức cũng như phương pháp giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương, phù hợp với từng độ tuổi nhằm nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên mới còn chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc thực hiện một số hoạt động giáo dục tại lớp chưa thật sự thu hút hứng thú của trẻ. Một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến Steam/Stem.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý cùng với các tổ chuyên môn và đội ngũ giáo viên tiếp tục thực hiện, phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch: xây dựng mục tiêu kế hoạch năm, chủ đề/tháng, tuần, ngày đảm bảo quy tắc từ dễ đến khó, từ tổng quan đến chi tiết phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt là hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục lớp trên hệ thống phần mềm lập kế hoạch đang thực hiện, đảm bảo việc phát triển Chương trình GDMN phù hợp với văn hóa, điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường, của lớp và khả năng, nhu cầu của trẻ; đảm bảo việc truyền thụ kiến thức cho trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày.

Cán bộ quản lý hướng dẫn giáo viên thực hiện việc đánh giá trẻ đảm bảo các nội dung và có kế hoạch rèn luyện cho trẻ ở các hoạt động tiếp theo khi trẻ chưa đạt mục tiêu, lựa chọn các nội dung lồng ghép phù hợp để hỗ trợ tốt cho nội dung giáo dục nhằm nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

Hàng tháng, phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn và tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên mới và giáo viên còn hạn chế về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục. Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thao giảng, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực tổ chức hoạt động, tạo hứng thú cho trẻ. Đồng thời, tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên tiếp cận và vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến như STEAM/STEM vào thực tiễn giảng dạy; khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động. Phân công giáo viên có kinh nghiệm hỗ trợ giáo viên mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá

Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn chú trọng chỉ đạo giáo viên đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động ND, CS&GD trẻ. Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của nhà trường, của các tổ chuyên môn đã hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục, trong đó chú trọng phương pháp thực hành, luyện tập, phương pháp trò chơi, … nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và mang lại hiệu quả **[H1-1.4-07]; [H1-1.7-08]**, đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục của Chương trình GDMN theo quan điểm "lấy trẻ làm trung tâm", kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, giáo viên chú ý đến đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Quan trọng hơn nữa là các phương pháp giáo dục được áp dụng tại các lớp luôn phù hợp với khả năng của trẻ ở các độ tuổi khác nhau và phù hợp với điều kiện của nhà trường về CSVC, khả năng của đội ngũ GV; thông qua các hoạt động học, các hoạt động vui chơi trong lớp và ngoài trời, hoạt động trải nghiệm, khám phá, … tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi" **[H1-1.7-07]**; **[H1-1.8-02]**. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc đổi mới các phương pháp giáo dục.

b) Môi trường giáo dục trong trường MN như người giáo viên thứ hai trong tổ chức, hướng dẫn trẻ hoạt động, là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện tốt Chương trình GDMN. Chính vì vậy, trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt nội dung chuyên đề "Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm", chú trọng xây dựng môi trường vật chất và môi trường xã hội, tạo cơ hội để trẻ học bằng nhiều cách khác nhau, tạo điều kiện cho trẻ "chơi mà học, học bằng chơi". Môi trường vật chất trong và ngoài lớp học được CBQL, GV, NV trong trường xây dựng phong phú, đa dạng, trang trí đẹp, đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường theo hướng mở nhưng vẫn đảm bảo an toàn để trẻ có nhiều cơ hội khám phá, thực hành từ đó đã tạo sự kích thích tích cực hoạt động ở trẻ, giúp trẻ hào hứng, phát huy tính sáng tạo khi vui chơi và trải nghiệm **[H1-**

1.4-11]; **[H1-1.4-15]**. Giáo viên bố trí không gian, sắp xếp các khu vực chơi, hoạt động trong lớp hợp lý, thuận tiện, thẩm mỹ, linh hoạt và thân thiện, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực hằng ngày của trẻ, bao gồm các khu vực chơi đóng vai (gia đình, bác sĩ, bán hàng, …), khu vực chơi xây dựng, khám phá khoa học (thiên nhiên, thí nghiệm, …), thư viện, nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc), góc học tập (toán, chữ cái, …) đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, nguyên vật liệu được lựa chọn và sử dụng đa dạng, linh hoạt, luôn thay đổi để tạo ra sự hấp dẫn mới lạ đối với trẻ, sưu tầm nhiều nguyên vật liệu khác nhau, kích thích sự phát triển của trẻ **[H5-5.2-01]**. Không gian hoạt động ngoài trời được quy hoạch, thiết kế an toàn, phù hợp, sạch đẹp, thân thiện và hấp dẫn trẻ, các khu vực hoạt động ngoài trời được bố trí thuận tiện, phù hợp, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, bao gồm các khu vực: khu vui chơi cát; khu vui chơi đóng vai (nhà chòi, chợ quê, …); khu vui chơi vận động (cầu trượt, đu quay, cổng chui, ...); khu vườn cổ tích; vườn rau; vườn hoa; không gian cho trẻ sáng tạo; khu vực hàng lang, cầu thang. Mỗi khu vực chơi có nhiều loại đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị khác nhau, đảm bảo an toàn, vệ sinh, phù hợp với trẻ và đặc trưng cho từng khu vực **[H5-5.2-02]**. Tất cả được bố trí, sắp xếp hợp lý tạo môi trường sạch, xanh, sáng, đẹp, an toàn và thân thiện, tạo mọi cơ hội cho trẻ vui chơi, tham gia khám phá, trải nghiệm, sáng tạo, kích thích sự phát triển toàn diện của trẻ **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.4-15]**. Ngoài ra, môi trường xã hội trong trường MN cũng có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả ND, CS&GD trẻ, chính vì điều đó nhà trường đã xây dựng môi trường sư phạm an toàn, thân thiện, xây dựng mối quan hệ hợp tác, tích cực, thân thiện giữa giáo viên, người lớn và trẻ, giữa trẻ với trẻ, tôn trọng sự khác biệt của trẻ trong tập thể, mối quan hệ thống nhất giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng để trẻ cảm thấy được an toàn, có giá trị, được yêu thương, được hiểu, được tôn trọng. Có được môi trường như thế, trẻ mới cảm thấy được an tâm vui chơi và trải nghiệm **[H1-1.1-03]**; **[H5-5.1-01]**.

c) Các hoạt động giáo dục được nhà trường tổ chức bằng nhiều hình thức đa dạng. Bên cạnh những hoạt động giáo dục trong giờ chính khóa, nhà trường còn quan tâm tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa cho trẻ, lồng ghép các nội dung giáo dục vào các hoạt động tham quan, trải nghiệm, lễ hội tại địa phương và tại nhà trường một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả cao như: ngày hội đến trường của bé 5/9, tết Trung thu, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Lễ hội mừng Xuân, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, các hội thi dành cho trẻ, tham quan doanh trại bộ đội, tham quan trường tiểu học… **[H4-4.1-07]**; **[H4-4.2-04]**. Các hoạt động tổ chức phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường nên đã mang lại kết quả giáo dục tốt cho trẻ **[H1-1.1-03]**; **[H5-5.1-01]**.

Mức 2:

Trong những năm qua, Trường MN Hướng Dương đã tổ chức các hoạt động ND, CS&GD trẻ đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục theo 05 lĩnh vực phát triển đối với trẻ mầm non; đảm bảo nội dung về giáo dục theo độ tuổi (bao gồm các nội dung giáo dục theo các lĩnh vực phát triển) và nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ (bao gồm: tổ chức ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và an toàn); đảm bảo các nhóm phương pháp GDMN được quy định trong Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành (gộp chung thành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành Chương trình GDMN) cụ thể như sau:

Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục: bao gồm việc tổ chức các hoạt động học, hoạt động chơi… cho trẻ em ở các lớp trong nhà trường, thì phó hiệu trưởng phụ

trách công tác CM cùng các tổ trưởng tổ CM, thông qua các cuộc họp chuyên môn hàng tháng, sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ…**[H1-1.4-07]**; **[H1-1.7-08]** đã hướng dẫn giáo viên các lớp khi xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ tại lớp cần xác định mục đích hoạt động phù hợp; xác định môi trường, địa điểm và đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động phù hợp; áp dụng các kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động phù hợp, linh hoạt, sáng tạo, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ; hình thức và thời gian tổ chức các hoạt động phù hợp; trẻ được lựa chọn chơi theo nhu cầu, khả năng của mình… từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường và từng lớp/nhóm. **[H1-1.8-02]; [H5-5.1-01]**.

Đối với việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe: nhà trường đã chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác bán trú xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi của trẻ và đảm bảo VSATTP; số bữa ăn và thời điểm tổ chức bữa ăn trong ngày tại trường theo đúng chế độ sinh hoạt một ngày của bé, đảm bảo đúng quy định, khoa học, phù hợp, tổ chức giờ ăn cho trẻ đảm bảo an toàn, tạo cảm giác thoải mái giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất **[H1-1.8-02]; [H5-5.1-02].** Bên cạnh đó, việc tổ chức ngủ cho trẻ cũng đảm bảo theo quy định trong chế độ sinh hoạt một ngày, cán bộ quản lý thường xuyên thăm lớp, kiểm tra giờ ngủ của trẻ tại các lớp/nhóm **[H1-1.7-07].** Công tác chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ được đảm bảo theo quy định, có phòng y tế, tủ thuốc và phối hợp với điểm Trạm y tế Tân Đồng trong việc chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng, uống vitamin, xổ giun, hợp đồng với Trung tâm y tế khu vực Đồng Xoài để khám sức khỏe định kỳ cho trẻ theo quy định. Ngoài ra, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường tại lớp và nhà trường được đảm bảo theo quy định **[H1-1.10-10]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04].**

Mức 3:

Trong những năm qua, nhà trường hướng dẫn, triển khai và cùng GV tạo môi trường trong và ngoài lớp học theo tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm, để trẻ được học tập, trải nghiệm, thực hành phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm; GV tổ chức môi trường giáo dục an toàn, bố trí khu vực chơi, học trong lớp và ngoài sân phù hợp, thuận tiện, không chỉ giúp trẻ phát triển thể chất mà còn thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết của trẻ, kích thích trẻ hoạt động tích cực, sáng tạo. Môi trường trong lớp có không gian cho trẻ hoạt động, cách sắp xếp phù hợp, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực, có các khu vực chơi đóng vai, khu vực chơi xây dựng, khám phá khoa học, thư viện, nghệ thuật, góc học tập, ..., các mảng tường của lớp được GV thiết kế các trò chơi cho trẻ hoạt động. Các đồ dùng và học liệu đã hỗ trợ GV thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ và để thu hút trẻ tham gia, cũng như tạo cho trẻ các cơ hội học tập khác. GV quan tâm xây dựng môi trường trong lớp học phù hợp, an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, đáp ứng nhu cầu vui chơi của trẻ **[H5-5.2-01]**. Môi trường ngoài lớp học được quy hoạch, thiết kế an toàn, phù hợp, sạch đẹp, thân thiện và hấp dẫn trẻ; bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian; đồ chơi, học liệu, trang thiết bị ở ngoài lớp học đảm bảo an toàn, vệ sinh, không có đồ sắc nhọn, không độc hại, được vệ sinh sạch sẽ, được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời, tạo hình ảnh và ấn tượng riêng của nhà trường theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi" **[H5-5.2-02]**. Chính vì vậy, trong những năm qua nhà trường đã tổ chức tốt môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm góp phần thực hiện hiệu quả chuyên đề **[H1-1.4-15]**. Tuy nhiên do khuôn viên trường rộng

nên việc bố trí, sắp xếp các khu vực, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ở một số vị trí còn dàn trải, chưa thực sự tập trung và đồng bộ. Một số khu vực ngoài trời chưa được khai thác tối đa công năng sử dụng, việc luân chuyển, bổ sung học liệu giữa các khu vực chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ MN và điều kiện nhà trường. Đa số giáo viên thực hiện các các phương pháp linh hoạt, đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Các hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng phong phú với nhiều hình thức theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học chú trọng theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, phù hợp với nhu cầu, khả năng lứa tuổi của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi". Chính vì vậy, trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện tổ chức tốt môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm góp phần thực hiện chuyên đề có hiệu quả. Việc tổ chức các hoạt động ND, CS&GD trẻ của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường và các lớp.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong việc đổi mới các phương pháp giáo dục. Do khuôn viên trường rộng nên việc bố trí, sắp xếp các khu vực, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ở một số vị trí còn dàn trải, chưa thực sự tập trung và đồng bộ. Một số khu vực ngoài trời chưa được khai thác tối đa công năng sử dụng, việc luân chuyển, bổ sung học liệu giữa các khu vực chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và những năm học tiếp theo CBQL, GV, NV quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học hợp lý, đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi của trẻ. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn tiếp tục hướng dẫn giáo viên khai thác và sử dụng tối đa môi trường sẵn có trong nhà trường, để tổ chức các hoạt động trải nghiệm và vui chơi cho trẻ đạt hiệu quả cao hơn, tạo mọi cơ hội để trẻ phát triển toàn diện. Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên tổ chức các hoạt động ND, CS&GD trẻ theo quy định hiện hành, đảm bảo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ, để mỗi trẻ em đến trường đều được ND, CS&GD tốt nhất.

Hàng năm, phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với lứa tuổi, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Quan tâm bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tháng, tổ chức các lớp chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy, để giáo viên mạnh dạn vận dụng phương pháp linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, thu hút trẻ vào các hoạt động của trường, lớp/nhóm.

Cán bộ quản lý khuyến khích giáo viên tham gia tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu thêm tài liệu, sách báo, tham khảo mạng internet và tham khảo một tiết dạy của trường bạn về cách tổ chức các hoạt động ND, CS&GD, cách vận dụng các phương pháp linh hoạt để học tập và áp dụng vào thực tế giảng dạy phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Năm học 2026 - 2027 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong CMT về mục đích của việc đóng góp xã hội hóa giáo dục để tạo môi trường giáo dục phong phú, đa dạng cho trẻ hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả ND, CS&GD trẻ. Đồng thời, chỉ đạo PHT, tổ trưởng, các bộ phận rà soát, tiếp tục quy hoạch lại khuôn viên, bố trí sắp xếp các khu vực, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi một cách khoa học, tập trung và đồng bộ; khai thác hiệu quả các khu vực ngoài trời. Thực hiện luân chuyển, bổ sung học liệu thường xuyên giữa các lớp và các khu vực nhằm tạo sự phong phú, mới mẻ, thu hút trẻ tham gia hoạt động. Có kế hoạch đầu tư và bổ sung, thay đổi làm mới một số khu vực chơi của trẻ phù hợp với tình hình trường từ kinh phí ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp.

5. Tự đánh giá

Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với điểm trạm y tế Tân Đồng và Trung tâm y tế khu vực Đồng Xoài để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ **[H5-5.3-01]**.

b) Hàng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế khu vực Đồng Xoài để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 01/năm **[H5-5.3-01]**. 100% trẻ đến trường được

kiểm tra sức khoẻ, được đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua biểu đồ tăng trưởng, thực hiện hàng quý (đa số thực hiện 04 quý/năm học) đối với trẻ toàn trường và thực hiện hàng tháng đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân. Năm học 2021 - 2022, do trẻ em không đến trường học trực tiếp do dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, nhà trường đã phối hợp với cha mẹ trẻ cân đo trẻ tại nhà được 02 lần **[H1-1.1-03]**; **[H5-5.2-04]**.

Chỉ báo c Mức 1 và chỉ báo c Mức 2:

Hàng năm, phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc, nuôi dưỡng căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ **[H1-1.8-06]**. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, trẻ thừa cân được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: nhà trường phối hợp với gia đình cùng chăm sóc trẻ, đối với trẻ thừa cân cho trẻ tăng cường vận động nhiều hơn trẻ bình thường vào các thời điểm thích hợp, dần dần từ bài tập nhẹ đến mạnh, luyện tập thể dục hàng ngày. Nhà trường phối hợp với gia đình cùng chăm sóc bữa ăn cho trẻ, bữa ăn của trẻ tăng cường rau xanh, giảm dầu mỡ, hạn chế uống nước ngọt và ăn vặt, ... Đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo viên động viên khuyến khích trẻ ăn hết suất, phối hợp gia đình cho trẻ ăn nhiều bữa trong ngày, uống thêm sữa, ăn bổ sung các loại thực phẩm làm từ sữa, ăn thêm trái cây, trứng gà, ăn các chất có chứa nhiều canxi, kết hợp cho trẻ vận động phù hợp vừa sức, đồng thời lồng ghép giáo dục dinh dưỡng vào các hoạt động trong ngày, tuyên truyền với CMT cho trẻ uống bổ sung vi chất dinh dưỡng, tẩy giun định kỳ cho trẻ ... tại điểm Trạm y tế Tân Đồng **[H4-4.1-01]; [H5-5.3-02]**. Chính nhờ các biện pháp trên, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học, số trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân, thể thấp còi và trẻ thừa cân đều giảm so với đầu năm **[H5-5.2-04]**, cụ thể:

Năm học	Đầu năm Tháng 9					Cuối năm Tháng 5				
	Nhẹ cân Tỷ lệ %	Thừa cân Tỷ lệ %	Béo phì Tỷ lệ %	Thấp còi Tỷ lệ %	Chiều cao hơn tuổi Tỷ lệ %	Nhẹ cân Tỷ lệ %	Thừa cân Tỷ lệ %	Béo phì Tỷ lệ %	Thấp còi Tỷ lệ %	Chiều cao hơn tuổi Tỷ lệ %
2021-2022	4/378 1.1%	4/378 1.1%	25/378 6.6%	3/378 0.8%	1/378 0.3%	0	0	15/314 4.8%	0	1/314 0.3%
2022-2023	17/390 4.4%	11/390 2.8%	17/390 4.4%	15/390 3.8%	0	2/395 0.5%	4/395 1%	9/395 2.3%	4/395 1%	0
2023-2024	36/435 8.3%	5/435 1.1%	13/435 3%	23/435 5.3%	2/435 0.5%	0	0	9/434 2.1%	2/434 0.5%	

2024-2025	15/422 3.6%	6/422 1.4%	16/422 3.8%	31/422 7.3%	0	4/450 0.9%	1/450 0.2%	9/450 2%	8/450 1.8%	
2025-2026	20/416 4.8%	9/416 2.2%	21/416 5%	19/416 4.6%	0	0	2/440 0.5%	19/440 4.3%	9/440 2%	2/440 0.5%

Tuy nhiên trong các năm, tỷ lệ trẻ thừa cân vào thời điểm cuối năm có giảm so với đầu năm nhưng vẫn còn nhiều, do CMT nuông chiều trẻ, chưa mạnh dạn phối hợp cùng nhà trường trong việc áp dụng và can thiệp các biện pháp nên tình trạng trẻ bị thừa cân vẫn còn.

Mức 2:

a) Nhà trường luôn chú trọng đến việc đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tư vấn CMT hoặc người giám hộ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần như: cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, trẻ thừa cân, các bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ, phòng chống TNTT, phòng chống bạo hành trẻ em, phòng chống đuối nước, tạo tâm thế vui tươi thoải mái cho trẻ vui chơi học tập, thông qua các buổi họp CMT **[H4-4.1-01]**; thông qua bảng tin của trường, của lớp, qua bảng theo dõi thể lực sức khỏe trước cửa lớp/nhóm **[H4-4.2-03]**, qua nhóm zalo của các lớp/nhóm **[H4-4.1-09]**. Bên cạnh đó, giáo viên phụ trách các lớp thường xuyên trao đổi, tư vấn trực tiếp với CMT về các vấn đề liên quan đến trẻ như: ăn ngủ, sinh hoạt, sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, ... thông qua giờ đón trẻ, trả trẻ, qua điện thoại, Zalo để CMT nắm bắt tình hình sức khỏe, tinh thần của con mình **[H4-4.1-08]**.

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Chế độ ăn, khẩu phần ăn của trẻ phù hợp với độ tuổi, nhà trường sử dụng phần mềm Nutrikids để xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn cho trẻ theo quy định, đảm bảo cơ cấu các chất dinh dưỡng phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường; xây dựng thực đơn và thay đổi theo tuần, mùa, thực đơn đảm bảo đa dạng các loại thực phẩm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu, sở thích của trẻ; chế độ ăn cân đối, phối hợp món ăn hợp lý, bữa ăn đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu khuyến nghị về các chất dinh dưỡng, đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lượng và cân đối giữa các chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn hàng ngày. Hằng ngày, nhà trường tổ chức cho trẻ ăn gồm: 01 bữa chính (bữa trưa), 02 bữa phụ (bữa sáng và bữa xế) và uống thêm sữa bột, chất lượng bữa ăn được đảm bảo theo quy định **[H5-5.1-02]**.

Mức 3:

Trong các năm học qua, nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, thực hiện có hiệu quả các biện pháp chăm sóc sức khỏe, xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt trong ngày cho trẻ; giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn yêu thương, chăm sóc trẻ tận tình. Từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026, kết quả đến cuối năm tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, cân nặng phát triển bình thường đạt từ 95,2% đến 97,9%; tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, chiều cao phát triển bình thường đạt từ 97,5% đến 99,7%, cụ thể như sau **[H1-1.1-03]; [H5-5.2-04]**:

Năm học	Số trẻ có cân nặng phát triển bình thường Đầu năm	Số trẻ có chiều cao phát triển bình thường Đầu năm	Số trẻ có cân nặng phát triển bình thường Cuối năm	Số trẻ có chiều cao phát triển bình thường Cuối năm
2021-2022	345/378 = 91.3%	374/378 = 98.9%	299/314 = 95.2%	313/314 = 99.7%
2022-2023	345/390 = 88.5%	375/390 = 96.2%	380/395 = 96.2%	391/395 = 99%
2023-2024	381/435 = 87.6%	410/435 = 94.3%	425/434 = 97.9%	432/434 = 99.5%
2024-2025	385/422 = 91.2%	391/422 = 92.7%	436/450 = 96.9%	442/450 = 98.2%
2025-2026	366/416 = 88%	397/416 = 95.4%	419/440 = 95.2%	429/440 = 97.5%

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với điểm Trạm y tế Tân Đồng, Trung tâm y tế khu vực Đồng Xoài trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ đến trường được tổ chức cân đo, khám sức khỏe định kỳ và theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Hằng năm, nhà trường tổ chức tư vấn cho CMT hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Đến cuối năm, tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, cân nặng phát triển bình thường đạt 95,2% đến 97,9%; tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, chiều cao phát triển bình thường đạt từ 97,5% đến 99,7%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân vào thời điểm cuối năm có giảm so với đầu năm nhưng chưa nhiều, do CMT nuông chiều trẻ, chưa mạnh dạn phối hợp cùng nhà trường trong việc áp dụng và can thiệp các biện pháp nên tình trạng trẻ bị thừa cân vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo CBQL, GV, NV tiếp tục duy trì tốt kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; tích cực tuyên truyền, tư vấn cho CMT về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện.

Năm học 2026 - 2027, phó hiệu trưởng phụ trách công tác bán trú quan tâm, khuyến khích giáo viên tăng cường các biện pháp để giúp trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp; tăng cường công tác tuyên truyền phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với CMT được tổ chức đồng bộ tại lớp/nhóm thông qua giờ đón trả trẻ, họp CMT định kỳ, qua bảng tuyên truyền của trường, lớp; tuyên truyền đến CMT hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Tổ chức cho trẻ được vận động và

tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng sớm, bổ sung dinh dưỡng hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường. Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì xuống mức thấp nhất.

Hàng tháng, phó hiệu trưởng phụ trách bán trú tiếp tục xây dựng chế độ ăn phù hợp, quan tâm đến chế độ dinh dưỡng của trẻ, có thay đổi thực đơn ăn hằng ngày, thực đơn đa dạng phong phú giúp trẻ ăn ngon miệng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Chỉ báo a Mức 1 và chỉ báo a Mức 2:

Trong 05 năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động CMT duy trì việc đưa trẻ đến trường để đảm bảo tỷ lệ chuyên cần theo quy định. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ 95,7% trở lên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91,6% trở lên, đảm bảo đạt theo yêu cầu, tuy nhiên vẫn còn một số trẻ đi học chưa đều, còn hay vắng, đi học không đúng giờ **[H1-1.5-02]**; **[H5-5.4-01]**, cụ thể qua các năm như sau:

Năm học	Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi (%)	Tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi (%)	Ghi chú
2021-2022	96,5%	93,7%	

2022-2023	95,7%	92,2%	
2023-2024	96,1%	91,6%	
2024-2025	95,8%	92,7%	
2025-2026	95.9%	93,3%	

Chỉ báo b Mức 1, chỉ báo b Mức 2 và chỉ báo a Mức 3:

Nhà trường rất chú trọng đến chất lượng hoàn thành Chương trình GDMN cho trẻ 5 tuổi. Nhà trường cùng giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động CMT cho trẻ đi học đảm bảo chuyên cần để không ảnh hưởng đến tỷ lệ hoàn thành Chương trình GDMN đối với trẻ 5 tuổi, nhằm giúp trẻ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của độ tuổi, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ vào lớp Một. Trong 05 năm qua, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% **[H5-5.4-02]**, cụ thể như sau:

- Năm học 2021 - 2022: có 130/130 trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình, đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2022 - 2023: có 144/144 trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình, đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2023 - 2024: có 145/145 trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình, đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2024 - 2025: có 198/198 trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình, đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2025 - 2026: có 178/178 trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình, đạt tỷ lệ 100%.

Chỉ báo c Mức 1, Chỉ báo c Mức 2 và chỉ báo b Mức 3:

Trong 05 năm qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập **[H1-1.1-03]**; **[H1-1.5-02]**.

Nhà trường luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn theo quy định như chế độ hỗ trợ ăn trưa, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ MN theo quy định hiện hành, vì thế không có khiếu nại, khiếu kiện về việc thực hiện chế độ chính sách cho trẻ trong những năm qua, cụ thể đã chi như sau **[H5-5.4-03]**.

	Chế độ hỗ trợ ăn trưa		**Chế độ hỗ trợ chi phí học tập**		**Chế độ miễn, giảm học phí**	
	Số trẻ	*Số tiền*	*Số trẻ*	*Số tiền*	*Số trẻ*	*Số tiền*
Năm học: 2021 - 2022	***Nghỉ dịch***					
Năm học: 2022 - 2023	01	1.440.000đ	01	1.350.000đ	01	540.000đ
Năm học: 2023 - 2024	01	1.440.000đ	01	1.350.000đ	01	540.000đ
Năm học: 2024 - 2025	01	800.000đ	01	750.000đ	01	300.000đ
Năm học: 2025 - 2026	0	0	0	0	0	0

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm liền, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ đạt từ 95,7% trở lên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91,6% trở lên. Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn như: chế độ hỗ trợ ăn trưa, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ MN. Vì thế không có khiếu nại, khiếu kiện về việc thực hiện chế độ chính sách cho trẻ trong những năm qua.

3. Điểm yếu

Vẫn có 1 số trẻ đi học chưa đều, còn hay vắng, đi học không đúng giờ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho CMT đưa trẻ đến lớp đều đặn, đúng giờ nhằm nâng tỷ lệ chuyên cần của các tháng lên cao hơn nữa. Đối với giáo viên các lớp 5 tuổi, cần tích cực tăng cường công tác vận động CMT cho trẻ đi học chuyên cần để duy trì hàng năm đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận kế toán phối hợp giáo viên chủ nhiệm để rà soát đúng đối tượng trẻ được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, để thực hiện hồ sơ, trình các cấp phê duyệt để cấp kinh phí hỗ trợ, từ đó thực hiện chi trả đầy đủ chế độ cho trẻ theo quy định.

Hằng năm, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu, phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền, ban ngành, đoàn thể, Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tại địa phương nhằm huy động trẻ đến trường, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần và hoàn thành chương trình theo quy định. Đồng thời, tăng cường công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp kịp thời duyệt cho trẻ được hưởng các chế độ chính sách theo quy định để hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp, tạo điều kiện cho trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt.

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, nếu có trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập tại trường, cán bộ quản lý sẽ hướng dẫn CMT hoàn thiện hồ sơ, phối hợp với nhà trường để ND, CS&GD trẻ.

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh nổi bật của trường:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch và đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và của trường; phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của phường Bình Phước, điều kiện thực tế của nhà trường, cũng như phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ. Nhà trường có tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời trong một vài năm học. Đa số giáo viên thực hiện các các phương pháp linh hoạt, đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học chú trọng theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi". Việc tổ chức các hoạt động ND, CS&GD trẻ của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp GDMN, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường và các lớp.

Các hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng phong phú với nhiều hình thức theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với điểm Trạm Y tế Tân Đồng, Trung tâm Y tế khu vực Đồng Xoài trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ đến trường được tổ chức cân đo, khám sức khỏe định kỳ và theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Hằng năm, nhà trường tổ chức tư vấn cho CMT hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ của nhà trường luôn được quan tâm, chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, cân nặng phát triển bình thường đạt từ 95,2% đến 97,9%; tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, chiều cao phát triển bình thường đạt từ 97,5% đến 99,7%. Trong 05 năm qua, nhà trường có tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ 95,7% trở lên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91,6% trở lên. Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%. Nhà trường thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đầy đủ theo quy định.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Một số giáo viên mới còn chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc thực hiện một số hoạt động giáo dục tại lớp chưa thật sự thu hút hứng thú của trẻ. Một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến Steam/Stem.

Vẫn còn một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong việc đổi mới các phương pháp giáo dục. Do khuôn viên trường rộng nên việc bố trí, sắp xếp các khu vực, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ở một số vị trí còn dàn trải, chưa thực sự tập trung và đồng bộ. Một số khu vực ngoài trời chưa được khai thác tối đa công năng sử dụng, việc luân chuyển, bổ sung học liệu giữa các khu vực chưa thường xuyên.

Tỷ lệ trẻ thừa cân vào thời điểm cuối năm có giảm so với đầu năm nhưng chưa nhiều, do CMT nuông chiều trẻ, chưa mạnh dạn phối hợp cùng nhà trường trong việc áp dụng và can thiệp các biện pháp nên tình trạng trẻ bị thừa cân vẫn còn.

Vẫn còn một số ít trẻ đi học chưa đều, còn hay vắng, đi học không đúng giờ.

- Tổng số tiêu chí: 04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Mở đầu:

Trong những năm qua, nhà trường luôn chú trọng việc tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT và sự chỉ đạo chuyên môn của các cấp. Chương trình GDMN mà nhà trường đang thực hiện theo quy định thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ, giúp trẻ đạt được những kết quả mong đợi ở cuối độ tuổi, trẻ được phát triển toàn diện các mặt phát triển. Hàng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN theo quy định, 100% GV được xếp loại mức khá trở lên. Sân

vườn và các khu vực chơi cho trẻ đảm bảo diện tích theo quy định. Các công trình nhà trường được xây dựng kiên cố, có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, tuy nhiên chưa có phòng tư vấn tâm lý. Trong 05 năm qua, nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường các giai đoạn, đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu do nguyên nhân khách quan nên vẫn chưa hoàn thành tất cả các chỉ tiêu đề ra.

Tiêu chí 1:

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục sự thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Trong các năm học qua, nhà trường tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT (gộp chung thành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành Chương trình GDMN) và sự chỉ đạo chuyên môn của Sở GD&ĐT theo từng năm học, phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện hiện có của nhà trường, với nét văn hóa địa phương và khả năng, nhu cầu của trẻ. Chương trình GDMN mà nhà trường đang thực hiện theo quy định thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ, giúp trẻ đạt được những kết quả mong đợi ở cuối độ tuổi, trẻ được phát triển toàn diện các mặt phát triển: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, thẩm mỹ, kỹ năng - tình cảm xã hội, kết quả đánh giá trẻ ở các chủ đề từng lĩnh vực đều đạt từ 85,5% trở lên, chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ vào lớp Một. Nhà trường đã tổ chức hướng dẫn tham khảo, áp dụng mô hình giáo dục Steam/Stem phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương, nhà trường, để đưa vào áp dụng góp phần phát triển hiệu quả Chương trình GDMN đang thực hiện, nhiều hoạt động giáo dục có ứng dụng phương pháp Steam/Stem được tổ chức ở một số lớp do các giáo viên có năng lực thực hiện, giúp trẻ trở thành trung tâm của trải nghiệm học tập. Tuy nhiên vẫn có một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến stem/steam **[H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT và sự chỉ đạo chuyên môn của các cấp theo từng năm học, phù hợp với từng độ tuổi trẻ, điều kiện hiện có của nhà trường và văn hóa địa phương. Chương trình GDMN mà nhà trường đang thực hiện theo quy định thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ, chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ vào lớp Một, giúp trẻ mạnh dạn tự tin trong học tập, giao tiếp với mọi người xung quanh.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến Steam/Stem.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở

GD&ĐT, phù hợp với trẻ từng độ tuổi, điều kiện của nhà trường và nét văn hóa của địa phương. Chú trọng việc thực hiện Chương trình GDMN có chất lượng nhằm giúp trẻ em phát triển toàn diện và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ vào lớp Một. Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thao giảng, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực tổ chức hoạt động, tạo hứng thú cho trẻ. Đồng thời, tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên tiếp cận và vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến như Steam/Stem vào thực tiễn giảng dạy; khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động. Phân công giáo viên có kinh nghiệm hỗ trợ giáo viên mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá

Không đạt.

Tiêu chí 2:

Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; đối với các trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường căn cứ vào văn bản hướng dẫn đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên để tổ chức triển khai, thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN đúng theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN. Trong những năm qua, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN của nhà trường có 100% giáo viên tự đánh giá và được đánh giá. **[H2-2.2-03]**, cụ thể như sau:

Năm học	**Số lượng giáo viên**	**Kết quả đạt từ mức đạt trở lên *(bao gồm mức đạt, khá, tốt)***	**Kết quả đạt từ mức khá trở lên *(bao gồm mức khá, tốt)***	**Kết quả cụ thể từng mức**			**Ghi chú**
				Mức đạt	**Mức khá**	**Mức tốt**	
2021 - 2022	27	27/27 **100%**	27/27 **100%**	0	07/27 **25,9%**	20/27 **74,1%**	Nhà trường đánh giá
2022 - 2023	27	27/27 **100%**	27/27 **100%**	0	01/27 **3,7%**	26/27 **96,3%**	Tự đánh giá

2023 - 2024	28	28/28 **100%**	28/28 **100%**	0	03/28 **10.7%**	25/28 **89,3%**	Nhà trường đánh giá Tổng số 29 GV, trường có 1 GV mới hợp đồng tháng 04/2024 chưa đủ thời gian đánh giá;
2024 - 2025	28	28/28 **100%**	28/28 **100%**	0	0	28/28 **100%**	Tự đánh giá
2025 - 2026	30	30/30 **100%**	30/30 **100%**	0	07/30 **23,3%**	23/30 **76,7%**	Nhà trường đánh giá

Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường **[H1-1.1-03].**

2. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp 100% giáo viên đạt mức khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Đa số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN theo quy định, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cũng như tạo điều kiện để giáo viên phấn đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu GDMN trong tình hình mới. Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn; khuyến khích tự học, tự rèn thông qua các tài liệu, ứng dụng học tập. Đồng thời, lồng ghép việc sử dụng ngoại ngữ trong một số hoạt động giáo dục phù hợp nhằm giúp giáo viên từng bước nâng cao kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của tiêu chí.

Hàng năm, tập thể giáo viên nhà trường phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực hơn nữa trong công tác ND, CS&GD để chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn hiện tại và giai đoạn tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3:

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp, tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Tổng diện tích đất của nhà trường là 10.421m^2, trong đó diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn rộng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2021 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Tổng diện tích xây dựng các công trình của nhà trường là 2.916.13m^2 chiếm 28% tổng diện tích đất. Tổng diện tích sân vườn là 5.361.64m^2, chiếm tỉ lệ 51.4%, bình quân 12,2 m^2/trẻ (tính trên 440 học sinh vào tháng 5/2026), đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu/trẻ (3m^2/trẻ) đảm bảo đủ diện tích quy định tại mục 6.5.3.2 theo TCVN 3907:2021 **[H3-3.1-06]**.

Sân vườn của nhà trường gồm sân chơi chung và vườn rau, vườn hoa, vườn cổ tích… được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và cho trẻ trải nghiệm ngoài trời. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mấp mô, lót gạch Terazzo, có nhiều cây xanh tạo bóng mát trong sân trường **[H3-3.2-08]**. Sân chơi chung có diện tích không nhỏ hơn 3m2/trẻ đảm bảo cho trẻ có thể vui chơi, tập thể dục hàng ngày. Tuy nhiên, vẫn chưa bố trí được nhiều khu chức năng để trẻ trải nghiệm, khám phá giúp trẻ phát triển toàn diện. Đồ dùng, đồ chơi ngoài trời bạc màu, hư hỏng do sử dụng lâu năm, chỉ đạt mức tối thiểu.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sân vườn và khu vực chơi cho trẻ có diện tích đảm bảo chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường MN.

3. Điểm yếu

Chưa bố trí được nhiều khu chức năng để trẻ trải nghiệm, khám phá giúp trẻ phát triển toàn diện. Đồ dùng, đồ chơi ngoài trời bạc màu, hư hỏng do sử dụng lâu năm, chỉ đạt mức tối thiểu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ dạo BGH, các bộ phận, cá nhân liên quan đầu tư, sắp xếp, bố trí lại các khu vực ở sân chơi chung, sân chơi riêng để tạo cho các sân chơi có diện tích bình quân đảm bảo theo quy định, có kế hoạch phân thêm các khu chức năng trong diện tích sân vườn hiện có để đảm bảo cho trẻ có nhiều khu chức năng để được trải nghiệm, khám phá để giúp trẻ phát triển toàn diện dự kiến kinh phí khoảng 50.000.000đ/năm trở lên từ nguồn ngân sách Nhà nước và xã hội hóa giáo dục. Tiếp tục xây dựng kế hoạch tham mưu các cấp hỗ trợ kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ chơi ngoài trời được quy định theo danh mục của Bộ GD&ĐT, xây dựng các khu vực riêng để phát triển vận động, các góc chơi... Chỉ đạo bảo vệ, nhân viên, giáo viên thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa cây xanh trong khuôn viên trường, ngoài ra chỉ đạo giáo viên thiết kế các loại đồ chơi với nước để làm phong phú thêm đồ dùng đồ chơi ngoài trời.

5. Tự đánh giá

Không đạt.

Tiêu chí 4:

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

100% các công trình xây dựng của nhà trường đều được xây dựng kiên cố **[H3-3.1-04]**; **[H3-3.1-05]**. Nhà trường không có phòng tâm lý. Trong những năm qua nhà trường đã mua sắm trang bị một số thiết bị hiện đại để phục vụ công tác ND, CS&GD trẻ, tuy nhiên chỉ đạt mức tối thiểu. **[H1-1.6-09],** có khu vực riêng để phát triển vận động cho trẻ, tổ chức được 02 môn thể thao cho trẻ mầm non [**H3-3.2-05].**

2. Điểm mạnh

Tất cả các công trình xây dựng của nhà trường đều được xây dựng kiên cố. Trong những năm qua nhà trường đã mua sắm trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu để phục vụ công tác ND, CS&GD trẻ. Nhà trường có khu vực riêng để phát triển vận động cho trẻ.

3. Điểm yếu

Không có phòng tâm lý, chưa trang bị được nhiều đồ dùng, đồ chơi phong phú, đa dạng cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo, CBQL, GV, NV trong nhà trường tiếp tục bảo quản và sử dụng và khai thác hiệu quả CSVC hiện có trong nhà trường. Tiếp tục hoàn thiện hơn khu vực phát triển vận động cho trẻ, mua sắm duy trì các dụng cụ, đồ dùng cho khu vực phát triển vận động cho trẻ hàng năm khoảng 10 triệu đồng/năm trở lên. Duy trì, bảo quản tốt hệ thống cơ sở vật chất hiện có; thường xuyên kiểm tra, sửa chữa kịp thời các hạng mục xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ. Tăng cường bổ sung, thay thế đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định; ưu tiên các thiết bị hiện đại, phù hợp với chương trình GDMN. Nhà trường rà soát các công trình hiện có so với quy định, từ đó xây dựng kế hoạch tham mưu các cấp lãnh đạo với lộ trình vào giai đoạn 2026 - 2030 để xây dựng phòng tư vấn tâm lý riêng cho trẻ, biên chế cán bộ tâm lý để tư vấn cho các cháu.

5. Tự đánh giá

Không đạt.

Tiêu chí 5:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã thực hiện các mục tiêu theo phương hướng chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với mục tiêu GDMN quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Có các giải pháp, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được thể hiện qua kế hoạch công tác năm, tháng, tuần. Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CB, GV, NV, CMT và cộng đồng **[H1-1.1-10]**. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như: Trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn đào tạo trở lên: trong đó cán bộ quản lý có

trình độ trên chuẩn là 3/3 đạt 100% **[H2-2.1-01], [H2-2.2-01], [H2-2.2-02]**; giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên là 29/30 giáo viên có trình độ trên chuẩn, 01/30 giáo viên có trình độ đạt chuẩn.

Trẻ em: Trẻ được chăm sóc, giáo dục theo đúng quy định. Tỷ lệ huy động trẻ ở các độ tuổi đến trường hàng năm đạt chỉ tiêu giao; hoàn thành công tác phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi hàng năm, tỷ lệ đạt 100% **[H5-5.4-02]**; Từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026, kết quả đến cuối năm tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, cân nặng phát triển bình thường đạt từ 95,2% đến 97,9%; tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, chiều cao phát triển bình thường đạt từ 97,5% đến 99,7%, cụ thể như sau **[H1-1.1-03]; [H5-5.2-04]**. Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đầy đủ các phòng học, phòng chức năng, hành chính, phụ trợ đều được xây dựng đảm bảo **[H3-3.1-05]**. Tuy nhiên, do các phòng chức năng còn sử dụng các phòng học còn dư nên phòng chưa đúng theo tiêu chuẩn, thiết bị dạy học còn thiếu do kinh phí còn hạn hẹp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường hoàn thành một số mục tiêu cơ bản về CSVC, tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng so với đầu năm. CSVC được đầu tư xây dựng khang trang, đảm bảo cho các hoạt động ND, CS&GD trẻ.

3. Điểm yếu

Các phòng chức năng còn sử dụng các phòng học còn dư nên phòng chưa đúng theo tiêu chuẩn, thiết bị dạy học còn thiếu do kinh phí còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, Hiệu trưởng tổ chức rà soát, bổ sung và điều chỉnh Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương và tình hình thực tế của nhà trường. Có các biện pháp cụ thể, rõ ràng để thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu đã đề ra. Phát huy hiệu quả CSVC hiện có; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; duy trì tỷ lệ huy động trẻ ra lớp và chất lượng phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi. Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng nhà trường cùng các phó hiệu trưởng động viên giáo viên an tâm công tác, duy trì số lượng giáo viên hiện có. Phát động nhiều đợt thi đua, ra sức lập thành tích để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Xây dựng kế hoạch bổ sung, trang bị thêm đồ dùng, thiết bị dạy học cho các phòng chức năng; ưu tiên sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hóa để tăng cường CSVC.

5. Tự đánh giá

Không đạt.

Tiêu chí 6: *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và tổ chức hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao; tỷ lệ trẻ phát triển

đạt yêu cầu ở các lĩnh vực cao; công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi luôn đạt 100% **[H1-1.5-01], [H5-5.4-02];** các hoạt động chuyên môn, phong trào thi đua, hội thi của giáo viên đạt kết quả tốt **[H1-1.2-15], [H1-1.2-16]**. Tuy nhiên, nhà trường chưa có năm học nào đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác ở mức vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường duy trì ổn định và từng bước nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua các năm. Tỷ lệ trẻ phát triển đạt yêu cầu ở các lĩnh vực ở mức cao; công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi luôn đạt 100%. Các hoạt động chuyên môn, phong trào thi đua, hội thi của giáo viên và trẻ được tổ chức hiệu quả, đạt kết quả tốt.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có năm học nào đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác ở mức vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2026 - 2027 trở đi, nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng đổi mới, sáng tạo; đẩy mạnh áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động. Xây dựng các giải pháp tạo điểm nhấn trong từng năm học như tổ chức chuyên đề, hội thi, hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao chất lượng và tạo sự khác biệt. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy và tham gia các phong trào thi đua. Đẩy mạnh công tác tham mưu, huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm; kịp thời điều chỉnh các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng toàn diện.

5. Tự đánh giá:

Không đạt

Kết luận Mức 4:

- Điểm mạnh nổi bật của trường:

Trong các năm học qua, nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT và sự chỉ đạo chuyên môn của các cấp theo từng năm học, phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện hiện có của nhà trường, với nét văn hóa địa phương. Chương trình GDMN mà nhà trường đang thực hiện theo quy định thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN ở mức khá đạt đến 100%. Diện tích xây dựng các công trình và diện tích sân chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2021 về yêu cầu thiết kế trường MN. 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ. Nhà trường đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu đề ra trong kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường các giai đoạn.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

Một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến Steam/Stem.

Đa số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc.

Chưa bố trí được nhiều khu chức năng để trẻ trải nghiệm, khám phá giúp trẻ phát triển toàn diện. Đồ chơi ngoài trời bạc màu, hư hỏng do sử dụng lâu năm, chỉ đạt mức tối thiểu.

Không có phòng tâm lý, chưa trang bị được nhiều đồ dùng, đồ chơi phong phú, đa dạng cho trẻ.

Các phòng chức năng còn sử dụng các phòng học còn dư nên phòng chưa đúng theo tiêu chuẩn, thiết bị dạy học còn thiếu do kinh phí còn hạn hẹp.

Nhà trường chưa có năm học nào đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác ở mức vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

Tổng số tiêu chí: 06 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 1/6

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 5/6.

III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo tự đánh giá của Trường MN Hướng Dương, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 22/22, chiếm tỷ lệ 100%.

+ Số lượng và các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/22, chiếm tỷ lệ: 0%.

+ Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 21/21, chiếm tỷ lệ 100%.

+ Số lượng và các tiêu chí không đạt Mức 2: 0/21, chiếm tỷ lệ: 0%.

+ Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 9/15, chiếm tỷ lệ 60%.

+ Số lượng và các tiêu chí không đạt Mức 3: 6/15, chiếm tỷ lệ: 40%.

+ Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

+ Số lượng các tiêu chí đạt Mức 4: 1/6 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 16,7%.

+ Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 4: 5/6 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 83,3%.

- Mức đánh giá của trường: Mức 2.

- Trường MN Hướng Dương đề nghị đạt KĐCLGD Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Bình Phước, ngày 18 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Trương Thị Ngọc Thủy